

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp Vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (Vật tư chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình, Ngoại thần kinh)

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 11 giờ, ngày 07/02/2024.

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (2).

TUQ. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



## PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 325 /BVĐHYD-VTTB ngày 25 tháng 01 năm 2024)

| Stt | Tên danh mục                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Bộ dây cáp neo cổ định xương, đường kính 1.6 → 1.8mm              | Bộ dây cáp neo cổ định xương dùng để cố định ổ gãy<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính từ 1.6mm đến 1.8mm, chiều dài ≥ 600mm<br>- Bao gồm: dây cáp neo, ốc siết cáp<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                 | Bộ          | 5        |
| 2   | Bộ dây dẫn dịch vào khớp, 2 kim đầu nhọn, dài áp lực 10 - 150mmHg | Bộ dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp<br>- Chất liệu dây dẫn bằng nhựa/ Silicone<br>- Dải áp lực từ 10mmHg đến 100mmHg, dải lưu lượng từ 0.5 - 2.0L/phút<br>- Bộ bao gồm: Dây dẫn dịch, 2 kim đầu nhọn, 3 kẹp bấm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                | Bộ          | 350      |
| 3   | Bộ đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, đường kính 9 → 13mm           | Bộ đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi<br>1. Cây đinh<br>- Chất liệu : Titanium<br>- Đường kính đủ cỡ từ 9mm đến 13mm với bước tăng 1mm<br>- Chiều dài : có 5 - 6 cỡ dài từ 200mm<br>2. Vít nén ép<br>- Đường kính từ 10mm đến 11mm<br>- Dài từ 70mm đến 120mm<br>3. Vít chốt khóa<br>- Đường kính 4.5 - 5.0mm, dài từ 20mm đến 80mm, có 6-7 cỡ chiều dài<br>4. Nắp đinh ≥ 5mm, có ít nhất 3 cỡ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 9        |
| 4   | Bộ đinh nội tuỷ thân xương chày, dài 250 → 350mm, có lỗ bắt vít   | Bộ đinh nội tuỷ thân xương chày<br>1. Cây đinh<br>- Chất liệu đinh hợp kim Titanium<br>- Đường kính từ ≥ 8.0mm với bước tăng 1mm, có ≥ 4 cỡ<br>- Chiều dài ≥ 250mm, có lỗ bắt vít<br>2. Vít chốt chéo ở đầu xa đa hướng<br>3. Vít chốt đầu gần<br>4. Vít chốt ngang dạng khóa<br>5. Nắp đinh<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                | Bộ          | 9        |
| 5   | Bộ đinh nội tuỷ thân xương chày, dài 250 - 370mm, đinh lòng rỗng  | Bộ đinh nội tuỷ thân xương chày<br>1. Cây đinh<br>- Chất liệu đinh hợp kim Titanium<br>- Đường kính từ ≥ 8.0mm với bước tăng 1mm, có ≥ 4 cỡ<br>- Chiều dài ≥ 250mm, đinh lòng rỗng<br>2. Vít chốt khoá đường kính 4.0 - 5.0mm, dài ≥ 25mm<br>3. Nắp khóa dài ≥ 5mm, có 3 - 4 cỡ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                             | Bộ          | 20       |

*Xuân*



| Stt | Tên danh mục                                                                                 | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 6   | Bộ đinh nội tuỷ thân xương đùi, đường kính 9 - 12mm, dài 340 - 420mm, có lỗ bắt vít đa hướng | <p>Bộ đinh nội tuỷ thân xương đùi</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cây đinh <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu đinh hợp kim Titanium</li> <li>Đường kính từ <math>\geq 9.0\text{mm}</math> với bước tăng 1mm, có <math>\geq 4</math> cỡ</li> <li>Chiều dài <math>\geq 300\text{mm}</math>, có lỗ bắt vít đa hướng</li> </ul> </li> <li>Vít khóa ngang/ khóa chéo, đường kính 5 - 6.5mm</li> <li>Vít chốt khóa</li> <li>Vít chốt đầu gần: vít rỗng ruột và vít thường</li> <li>Vít chốt đầu xa</li> <li>Nắp đinh</li> </ol> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn ISO/Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 9        |
| 7   | Bộ đinh nội tuỷ thân xương đùi, đường kính 9 → 13mm, dài 170 → 400mm, đinh lồng rỗng         | <p>Bộ đinh nội tuỷ thân xương đùi</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cây đinh <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Titanium</li> <li>Đường kính <math>\geq 9\text{mm}</math> với bước tăng 1mm, có 4 - 5 cỡ</li> <li>Chiều dài <math>\geq 200\text{mm}</math>, đinh lồng rỗng</li> </ul> </li> <li>Vít nén ép/lưỡi xoắn đường kính từ 9mm, dài 60 - 120mm, có 5-6 cỡ chiều dài</li> <li>Vít chốt khóa đường kính khoảng 5.0mm, dài 20 - 80mm</li> <li>Nắp khóa dài <math>\geq 5\text{mm}</math>, có <math>\geq 3</math> cỡ.</li> </ol> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ          | 20       |
| 8   | Bộ đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép                                  | <p>Đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>Đường kính đủ cỡ từ 9mm đến <math>\geq 12\text{mm}</math></li> <li>Mặt trong và mặt ngoài vát góc khoảng <math>5^\circ</math></li> <li>Góc vít cổ xương đùi <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> <li>Vít chốt ở cổ xương đùi có 2 loại: Dạng lưỡi và dạng vít nén ép</li> <li>Nắp đinh + vít định vị: chống xoay ngược và ngăn chặn vít tụt ra</li> <li>Có thể sử dụng vít tĩnh/vít động/cả hai vít</li> <li>Thiết kế loại trái/phải</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 6        |
| 9   | Bộ đinh đầu trên xương cánh tay, đường kính 6 - 9mm                                          | <p>Đinh đầu trên xương cánh tay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Đinh và vít bằng hợp kim Titanium</li> <li>Đường kính <math>\geq 7.0\text{mm}</math>, có <math>\geq 3</math> cỡ, trái/phải</li> <li>Có <math>\geq 3</math> cỡ mũ đinh</li> <li>Đường kính vít 3 - 4mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 4        |
| 10  | Bộ khớp gối toàn phần                                                                        | <p>Bộ khớp gối toàn phần</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lõi cầu đùi: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Hợp kim Co-Cr</li> <li>Thiết kế: độ gập duỗi tối đa <math>\geq 150^\circ</math>, rãnh bánh ché nghiêng <math>6 - 8^\circ</math></li> <li>Có <math>\geq 8</math> kích cỡ</li> </ul> </li> <li>Mâm chày: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Hợp kim Co-Cr</li> <li>Thiết kế: trụ mâm chày đơn khối, trụ mâm chày nghiêng <math>4-5^\circ</math></li> <li>Có <math>\geq 9</math> kích cỡ</li> </ul> </li> <li>Lớp đệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Nhựa Polyethylene cao phân tử, kiểu di động</li> <li>Kích thước: độ dày <math>\geq 6\text{mm}</math>, có cỡ 6mm, có thể xoay <math>\pm 20^\circ</math> quanh trục</li> <li>Thiết kế: mỗi cỡ mâm chày có <math>\geq 4</math> cỡ độ dày lớp đệm</li> </ul> </li> <li>Bánh ché: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Polyethylene cao phân tử</li> <li>Kích cỡ: <math>\geq 25\text{mm}</math>, có 2-3 cỡ</li> </ul> </li> <li>Xi măng sinh học</li> </ol> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 10       |

| Stt | Tên danh mục                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 11  | Bộ khớp gối toàn phần cố định                                                           | <p>Bộ khớp gối toàn phần cố định</p> <p>1. Lõi cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> cỡ, trong đó có <math>\geq 5</math> cỡ hẹp</li> <li>- Chiều dài khoảng 45 - 75mm, bề dày lõi cầu sau <math>\leq 9.5</math>mm</li> <li>- Mặt trước nghiêng <math>\geq 3^\circ</math></li> </ul> <p>2. Mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ, riêng biệt trái phải</li> <li>- Bề dày 2 - 2.5mm</li> </ul> <p>3. Lót mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ</li> <li>- Độ dày từ <math>\geq 9</math>mm</li> </ul> <p>4. Bánh chèo: Polyethylene cao phân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: đường kính <math>\geq 25</math> mm; có 2-3 cỡ</li> <li>- Độ dày <math>\geq 9</math>mm</li> </ul> <p>5. Xi măng có chất chỉ thị .</p> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 10       |
| 12  | Bộ khớp gối toàn phần cố định loại ổn định                                              | <p>Bộ khớp gối toàn phần cố định</p> <p>1. Lõi cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CoCrMo</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> kích cỡ</li> <li>- Độ nghiêng trước/sau <math>\geq 3^\circ</math></li> <li>- Sử dụng hệ thống cân chỉnh ngoài lòng tùy</li> </ul> <p>2. Mâm chày cố định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 8</math> cỡ</li> </ul> <p>3. Miếng lót mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyethylen cao phân tử</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 5</math> cỡ. Mỗi cỡ có 5 - 6 độ dày</li> <li>- Độ dày từ khoảng 10mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ          | 15       |
| 13  | Bộ khớp gối toàn phần cố định, lõi cầu phủ TiNbN, đệm mâm chày dạng giữ vững phía trước | <p>Bộ khớp gối toàn phần cố định</p> <p>1. Lõi cầu xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum, phủ nhám TiNbN</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 9</math> cỡ, phân biệt trái, phải</li> </ul> <p>2. Mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 8</math> cỡ</li> <li>- Dạng giữ vững phía trước</li> </ul> <p>3. Miếng lót mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylen cao phân tử, có dạng Vitamin E</li> <li>- Độ dày: <math>\geq 9</math> cỡ dày từ 9mm</li> <li>- Bảo tồn dây chằng chéo sau</li> </ul> <p>4. Bánh chèo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylen cao phân tử</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 6</math> cỡ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                            | Bộ          | 15       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 14  | Bộ khớp gối toàn phần cố định, mâm chày có vị trí gắn chuỗi nối dài và miếng ghép bù xương, miếng chêm<br>Polyethylene, Vitamin E | <p>Bộ khớp gối toàn phần cố định</p> <p>1. Lõi cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ bên trái và phải</li> <li>- Có thể giữ lại dây chằng chéo sau.</li> <li>- Độ gấp trung bình <math>\geq 150^\circ</math></li> </ul> <p>2. Mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ</li> <li>- Cuồng chân mâm chày dài <math>\geq 30</math></li> <li>- Mâm chày dạng cố định, có vị trí gắn chuỗi nối dài và miếng ghép bù xương</li> <li>- Độ dày miếng ghép bù xương mâm chày trong/ ngoài có cỡ 5, 10mm</li> </ul> <p>3. Miếng chêm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene có vitamin E</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ, có cỡ dày 9mm</li> <li>- Có gờ khóa chống trật, cạnh trước cao <math>\geq 10</math>mm</li> </ul> <p>4. Bánh chè</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene liên kết chéo</li> <li>- Kích thước: đường kính 25 - 45mm. Bề dày: 7 - 10mm</li> <li>- Thiết kế: thiết kế bánh chè dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng</li> </ul> <p>5. Xi măng</p> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 44       |
| 15  | Bộ khớp gối toàn phần cố định có xi măng bán lẻ - xoay chuỗi dài                                                                  | <p>Bộ khớp gối toàn phần cố định có xi măng</p> <p>1. Lõi cầu đùi bán lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo</li> <li>- Có <math>\geq 4</math> cỡ lõi cầu đùi phải, trái</li> <li>- Chuỗi vẹo ngoài sẵn <math>5 - 6^\circ</math></li> <li>- Góc gấp gối <math>\geq 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Mâm chày có chốt bán lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo</li> <li>- Có <math>\geq 4</math> cỡ mâm chày phải</li> <li>- Có 4 - 5 cỡ lõi cầu đùi trái</li> <li>- Chiều dài từ 120mm đến 160mm</li> <li>- Có chốt cố định bán lẻ liên kết với lõi cầu</li> </ul> <p>3. Miếng lót mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Khóa xoay, có vít cố định với mâm chày</li> </ul> <p>4. Miếng đệm mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa siêu bền</li> <li>- Có 4 - 5 cỡ</li> <li>- Kích thước 5 - 15mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                             | Bộ          | 3        |

| Stt | Tên danh mục                                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 16  | Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu đa bán kính, rãnh bánh chè sâu, xi măng kháng sinh                     | <p>Bộ khớp gối toàn phần di động</p> <p>1. Lõi cầu đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>- Dạng đa bán kính, rãnh sâu</li> <li>- Phía trước và sau mở góc <math>\geq 4^\circ</math></li> </ul> <p>2. Mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>- Có 3 dạng: giữ dây chằng chéo sau, hi sinh dây chằng chéo sau và miếng lót loại siêu tương hợp.</li> </ul> <p>3. Lớp lót mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>- Có cỡ dày 10mm</li> </ul> <p>4. Bánh chè:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Đường kính <math>\geq 25\text{mm}</math>, có 2-3 cỡ</li> </ul> <p>5. Xi măng</p> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                           | Bộ             | 15       |
| 17  | Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu đa trục, chỉnh độ xoay trục $\pm 10^\circ$ , mâm chày có chuỗi nối dài | <p>Bộ khớp gối toàn phần di động</p> <p>1. Lõi cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt-Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ trung bình và <math>\geq 7</math> cỡ hẹp</li> <li>- Độ dày: phần xa và lõi cầu sau <math>\leq 8.5\text{mm}</math></li> <li>- Chính độ xoay trục <math>\pm 10^\circ</math></li> <li>- Lõi cầu tương thích tối thiểu 3 cỡ liên tiếp miếng lót</li> </ul> <p>2. Mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt-Chrome</li> <li>- Có tối thiểu 6 cỡ trái và 6 cỡ phải</li> <li>- Cuồng dài <math>\geq 30\text{mm}</math></li> <li>- Dạng di động</li> <li>- Có chuỗi nối dài lòng tủy xương chày</li> </ul> <p>3. Miếng đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Có <math>\geq 6</math> cỡ</li> <li>- Bề dày có cỡ 10mm</li> </ul> <p>4. Bánh chè</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylen cao phân tử</li> <li>- Có cỡ dày 8mm</li> <li>- Có 2 dạng: đối xứng và không đối xứng, rãnh bánh chè khoảng <math>5^\circ</math></li> </ul> <p>5. Xi măng</p> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ             | 45       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                        | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 18  | Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu nghiêng trước 4°, mâm chày có chuỗi nối dài                                  | <p>Bộ khớp gối toàn phần di động</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lõi cầu <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu bằng Cobalt-Chrome</li> <li>Có <math>\geq 5</math> cỡ trái/phải</li> <li>Loại hi sinh dây chằng chéo sau</li> </ul> </li> <li>Mâm chày <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Cobalt-Chrome</li> <li>Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>Dạng di động</li> <li>Mỗi mâm chày tương thích với mọi cỡ miếng đệm</li> <li>Có chuỗi nối dài lòng tủy xương chày</li> </ul> </li> <li>Miếng đệm <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>Có cỡ dày 10mm</li> </ul> </li> <li>Bánh chèn <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Polyethylene siêu cao phân tử</li> <li>Kích thước <math>\geq 25\text{mm}</math>, có 2-3 cỡ, rãnh bánh chèn khoảng 5°</li> </ul> </li> <li>Xi măng</li> </ol> <p>Tiết khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                         | Bộ          | 45       |
| 19  | Bộ khớp gối toàn phần loại bán lẻ -xoay, chuỗi dài dạng rời                                                         | <p>Bộ khớp gối toàn phần bán lẻ</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xương đùi bán lẻ <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo</li> <li>Có <math>\geq 4</math> cỡ lõi cầu đùi phải/ trái</li> <li>Chuỗi dài 50 - 220mm, dạng rời</li> </ul> </li> <li>Mâm chày có chốt bán lẻ <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo</li> <li>Có 5 - 6 cỡ</li> <li>Xoay lúc gập và khóa xoay lúc duỗi tối đa</li> </ul> </li> <li>Miếng lót mâm chày <ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>Khóa xoay, có vít cố định với mâm chày</li> </ul> </li> <li>Đệm cho lõi cầu <ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng chất liệu Titanium/ nhựa siêu bền</li> <li>Có 4 - 5 cỡ</li> </ul> </li> <li>Đệm cho mâm chày <ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng chất liệu Titanium/ nhựa siêu bền</li> <li>Có 5 - 6 cỡ</li> <li>Kích thước 5 - 15mm</li> </ul> </li> </ol> <p>Tiết khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 2        |
| 20  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 110 → 155mm, phủ HA dày 180µm, dạng cổ rời, chỏm lưỡng cực 36 - 65mm | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuỗi <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Titanium Alloy, phủ HA dày <math>\geq 150\mu\text{m}</math></li> <li>Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>Chiều dài có cỡ 100mm-120mm</li> <li>Góc cổ thân có cỡ 125° - 130°</li> <li>Cổ chuỗi dạng cổ rời</li> </ul> </li> <li>Chỏm trong <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Cobalt - Chrome</li> <li>Có 4 - 5 cỡ</li> <li>Đường kính: 22, 28, 32, 36mm</li> </ul> </li> <li>Chỏm lưỡng cực <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước 36 - 65mm</li> </ul> </li> <li>Miếng lót <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> </ul> </li> </ol> <p>Tiết khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 4        |

| Stt | Tên danh mục                                                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 21  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 115 → 160mm, phủ Titanium Plasma, chỏm lưỡng cực 38 → 56mm                        | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 14</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 100-120mm</li> <li>- Góc cổ thân từ <math>130^\circ - 140^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chỏm trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có tối thiểu 5 cỡ</li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Kích thước: có cỡ 37mm-40mm</li> </ul> <p>4. Lớp lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                              | Bộ          | 22       |
| 22  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 120 → 150mm, phủ $\mu$ -CaP, có cánh và rãnh chống xoay, chỏm lưỡng cực 39 → 55mm | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium, phủ lớp với <math>\mu</math>-CaP (calcium phosphate)</li> <li>- Có <math>\geq 9</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 100mm-120mm</li> <li>- Có cánh chống xoay</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt-chromium</li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polyethylene cao phân tử, phủ ngoài thép không gỉ</li> <li>- Kích thước có cỡ 39mm-40mm</li> <li>- Biên độ xoay <math>\geq 135^\circ</math></li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                 | Bộ          | 17       |
| 23  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 125 → 165mm, phủ HA dày $80\mu\text{m} - 100\mu\text{m}$                          | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium-Niobium, phủ Hydroxyapatite (HA) dày <math>\geq 80\mu\text{m}</math></li> <li>- Chiều dài có cỡ 110 - 130mm</li> <li>- Góc cổ thân có cỡ <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ, có dạng cổ ngắn, trung bình, dài</li> </ul> <p>2. Chỏm trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Mỗi đường kính chỏm có <math>\geq 4</math> cỡ, có cỡ <math>\geq +10</math></li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: lớp đệm Polyethylene cao phân tử, bên ngoài làm bằng thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: Có cỡ đường kính 38mm-40mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 26       |
| 24  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 130 - 170mm, phủ HA và Titanium, chỏm lưỡng cực 42 - 60mm                         | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng Titanium phủ HA và lớp bột Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài <math>\geq 130\text{mm}</math></li> <li>- Góc cổ thân <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> <li>- Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay</li> </ul> <p>2. Chỏm trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Mỗi đường kính có 2 - 4 cỡ</li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ, mặt trong bằng polyethylene</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                          | Bộ          | 25       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 25  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 130 - 175mm, phủ HA dày 150 - 170µm, dạng cổ rời, chỏm lưỡng cực 40 → 58mm     | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium, phủ HA dày <math>\geq 150\mu\text{m}</math></li> <li>- Có <math>\geq 8 - 9</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài: <math>\geq 130\text{mm}</math></li> <li>- Góc cổ thân: có cỡ <math>125^\circ - 130^\circ</math></li> <li>- Cổ chuỗi dạng cổ rời, có <math>\geq 13</math> cỡ, điều chỉnh <math>\geq 6^\circ</math> góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau</li> </ul> <p>2. Chỏm trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Đường kính: có chỏm có đường kính <math>\geq 30\text{mm}</math>, với mỗi đường kính có <math>\geq 5</math> cỡ, có cỡ lớn nhất <math>\geq +10</math></li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ, lớp đệm Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Kích thước : có cỡ 39mm-40mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 15       |
| 26  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 170 - 250mm, phủ Titanium Plasma, dạng thẳng và cong, chỏm lưỡng cực 38 → 56mm | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>- Dạng thẳng và cong, dài <math>\geq 170\text{mm}</math></li> <li>- Góc cổ thân: <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Kích thước : Có cỡ với đường kính 38mm</li> <li>- Chống trật: liền khối, vòng khóa trong chống tuột chỏm</li> </ul> <p>4. Lớp đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene siêu phân tử</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                             | Bộ          | 15       |
| 27  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 180 - 210mm, phủ HA dày 140 - 160µm, chỏm trong 22 - 32mm                      | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ lớp HA dày <math>\geq 140\mu\text{m}</math></li> <li>- Chiều dài <math>\geq 180\text{mm}</math></li> <li>- Góc cổ thân: <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chỏm trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CoCrMo</li> <li>- Có <math>\geq 4 - 5</math> cỡ</li> <li>- Đường kính có cỡ <math>\geq 30\text{mm}</math></li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CoCrMo; Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Có <math>\geq 15</math> cỡ</li> <li>- Kích thước : đường kính có cỡ 39mm-40mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ          | 7        |

| Stt | Tên danh mục                                                                                                           | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 28  | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 200 → 300mm, phủ HA và Titanium, dạng cổ rời, chỏm lưỡnng cực 42 - 60mm | <p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ HA và Titanium</li> <li>- Chiều dài <math>\geq 200\text{mm}</math>, có cỡ 280mm-300mm</li> <li>- Góc cổ thân: <math>125^\circ - 135^\circ</math></li> <li>- Số cỡ cổ <math>\geq 3</math> cỡ</li> <li>- Dạng cổ rời</li> <li>- Thân chuỗi có <math>\geq 2</math> lỗ bắt vít</li> </ul> <p>2. Chỏm trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> </ul> <p>3. Chỏm lưỡnng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polyethylene, phủ ngoài thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: có cỡ 40mm-42mm</li> </ul> <p>4. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính <math>\geq 3\text{mm}</math>, dài <math>\geq 30\text{mm}</math></li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ          | 12       |
| 29  | Bộ khớp háng bán phần thay lại, phủ Titanium, chuỗi rời 3 thành phần                                                   | <p>Bộ khớp háng bán phần thay lại</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Hợp kim Titanium, phủ Titanium</li> <li>- Đuôi chuỗi dài <math>\geq 180\text{mm}</math></li> <li>- Đầu chuỗi dài <math>\geq 40\text{mm}</math></li> <li>- Chuỗi rời gồm đầu chuỗi, miếng nối và đuôi chuỗi.</li> <li>- Góc cổ thân <math>125^\circ - 135^\circ</math></li> <li>- Số cỡ: <math>\geq 3</math> cỡ miếng nối, <math>\geq 3</math> cỡ đầu chuỗi</li> </ul> <p>2. Chỏm lưỡnng cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: CoCrMo</li> <li>- Đường kính: có cỡ 38mm-40mm</li> </ul> <p>3. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: CoCrMo</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ          | 2        |
| 30  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium   | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium-Niobium, phủ HA toàn bộ</li> <li>- Chiều dài có cỡ <math>\geq 120\text{mm}</math></li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ với mỗi dạng chuỗi ngắn, trung bình, dài.</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Có <math>\geq 4</math> cỡ</li> <li>- Đường kính <math>\geq 32\text{mm}</math>.</li> <li>- Chỏm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm.</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ 2 lớp: Titanium và lớp Hydroxyapatite</li> <li>- Kích thước: có cỡ 42mm-44mm</li> <li>- Bờ chống trật trên ổ cối <math>\geq 5^\circ</math></li> </ul> <p>4. Miếng đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5-6.5mm, dài <math>\geq 15\text{mm}</math>, có <math>\geq 3</math> cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 13       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                             | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 31  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối gờ vây chống xoay, cổ chuỗi dạng rời                                                         | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài <math>\geq 120</math>mm</li> <li>- Cổ chuỗi dạng cổ rời, có <math>\geq 12</math> cỡ cổ điều chỉnh <math>\geq 6^\circ</math> góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau</li> </ul> <p>2. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic thể hệ 4</li> <li>- Đường kính có cỡ <math>\geq 32</math>mm, mỗi đường kính có <math>\geq 3</math> cỡ.</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium phủ plasma Titanium</li> <li>- Thiết kế : 3 vây cá chống xoay.</li> <li>- Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic thể hệ 4</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 7mm, dài <math>\geq 15</math>, có <math>\geq 3</math> cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 10       |
| 32  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối hình bán cầu                                                                                 | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi không xi măng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ lớp HA toàn bộ chuỗi</li> <li>- Dài có cỡ 90-110mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium với lớp đệm chất liệu Ceramic được lắp sẵn vào ổ cối</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> cỡ</li> <li>- Kích thước: Có cỡ 40-42mm</li> <li>- Thiết kế L Ổ cối 50mm dùng chòm 36mm</li> </ul> <p>3. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: BioloX Delta</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: đường kính 5 - 6.5mm; chiều dài từ <math>\geq 15</math>mm, có 3-4 cỡ; góc xoay <math>\geq 20</math> độ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                               | Bộ          | 11       |
| 33  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có nhiều chốt khóa chống xoay, chuỗi có khoảng cách trục thân và tâm chòm loại thường và dài | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Plasma Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 12</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài : có cỡ 100mm-120mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>125^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Đường kính: <math>\geq 28</math>mm . Mỗi đường kính có tối thiểu 3 cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, phủ Titanium và HA</li> <li>- Kích thước: có cỡ 40-44mm</li> <li>- Thiết kế : có <math>\geq 8</math> chốt khóa chống xoay</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối bằng ceramic</p> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 7mm</li> <li>- Dài <math>\geq 15</math>mm, có 3-4 cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                               | Bộ          | 10       |

| Stt | Tên danh mục                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 34  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối và chuôi phủ HA      | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium phủ HA toàn phần</li> <li>- Có <math>\geq 9</math> cỡ</li> <li>- Dài : có cỡ 100-120mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chòm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Có <math>\geq 3</math> cỡ cho mỗi đường kính</li> <li>- Chòm 32mm với miếng lót 46mm, chòm 36mm với miếng lót 50mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, phủ HA</li> <li>- Kích thước: có cỡ 44-46mm</li> <li>- Có <math>\geq 2</math> lỗ vít ổ cối</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 7mm</li> <li>- Dài <math>\geq 15</math>mm, có 4-5 cỡ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                         | Bộ          | 13       |
| 35  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, chòm ceramic zirconia | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Calcium Phosphate (CaP)</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài : có cỡ 80-100mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chòm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic Zirconia</li> <li>- Có <math>\geq 3</math> cỡ với mỗi đường kính</li> </ul> <p>3. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene chứa vitamin E, phủ Titanium</li> <li>- Kích thước : có cỡ 42-44mm</li> <li>- Có <math>\geq 4</math> lỗ bắt vít</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene với Vitamin E</li> <li>- Ổ cối và miếng lót nguyên khối</li> <li>- Chống trượt : có dạng <math>8^\circ - 10^\circ</math></li> </ul> <p>5. Vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 3 - 5mm</li> <li>- Dài <math>\geq 20</math>mm, có <math>\geq 3</math> cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 14       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                          | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 36  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm ceramic miếng lót polyethylene, chuỗi phủ toàn bộ calcium phosphate, miếng lót có chốt định tâm                            | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium, phủ toàn bộ Calcium Phosphate</li> <li>- Có <math>\geq 6</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 110-130mm</li> <li>- Dạng thẳng, có rãnh dọc, rãnh ngang</li> <li>- Góc cổ thân <math>125^{\circ} - 130^{\circ}</math></li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Đường kính <math>\geq 28</math>mm, mỗi đường kính có <math>\geq 3</math> cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Titanium</li> <li>- Cấu trúc tổ ong dày <math>150\mu\text{m} - 200\mu\text{m}</math>, phủ ngoài lớp HA</li> <li>- Kích thước : có cỡ 44-46mm</li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa siêu bền</li> <li>- Bờ chống trật cao <math>\geq 7</math>mm</li> <li>- Ổ giữa có chốt định tâm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 5        |
| 37  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic miếng lót Polyethylene, cổ chuỗi dạng rời chỉnh $8^{\circ} - 15^{\circ}$ , miếng lót có Vitamin E có bờ chống trật | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi</li> <li>- Có <math>\geq 8</math> cỡ</li> <li>- Dài : có cỡ 110 - 130mm</li> <li>- Góc cổ thân: <math>125^{\circ} - 135^{\circ}</math></li> <li>- Cổ chuỗi dạng cổ rời, cổ điều chỉnh <math>\geq 6^{\circ}</math> góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Đường kính có cỡ <math>\geq 32</math>mm, mỗi đường kính có <math>\geq 3</math> cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Kích thước: có cỡ 42-44mm</li> <li>- Thiết kế: 3 vây cá chống xoay. Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene có chứa Vitamin E</li> <li>- Bờ chống trật <math>\geq 5^{\circ}</math></li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 7mm</li> <li>- Dài <math>\geq 15</math>mm, có 3-4 cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 10       |

| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 38  | Bộ khớp háng toàn phần<br>không xi măng, chỏm<br>Ceramic miếng lót<br>Polyethylene, ổ cối nhiều<br>chốt khóa chống xoay,<br>chuôi 110 - 150mm,<br>miếng đệm có vitamin E<br>và chống trật 20° | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 12</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 100mm-120mm</li> <li>- Góc cổ thân 125° - 130°</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Có <math>\geq 3</math> cỡ</li> <li>- Đường kính <math>\geq 28</math>mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma và phủ HA</li> <li>- Kích thước : có cỡ 42-44mm</li> <li>- Các lỗ bắt vít có nút chặn,</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> chốt khóa chống xoay</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử bổ sung vitamin E</li> <li>- Bờ chống trật <math>\geq 15^\circ</math></li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 7mm</li> <li>- Dài <math>\geq 15</math>mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                              | Bộ             | 10       |
| 39  | Bộ khớp háng toàn phần<br>không xi măng, chỏm<br>Ceramic miếng lót<br>Polyethylene, ổ cối và<br>miếng lót có bờ chống<br>trật, chuôi Titanium-<br>Niobium                                     | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium-Niobium và phủ lớp HA</li> <li>- Chiều dài có cỡ 110-125mm</li> <li>- Thiết kế : Thân rãnh dọc, rãnh ngang;</li> <li>- Góc cổ thân: 125° - 135°</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ cổ ngắn, trung bình</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> <li>- Mỗi đường kính chỏm có <math>\geq 4</math> cỡ</li> <li>- Chỏm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm; 40mm từ ổ cối 56mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ Titan dày và lớp HA</li> <li>- Kích thước : có cỡ 42-44mm</li> <li>- Bờ chống trật trên ổ cối <math>\geq 5^\circ</math></li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo</li> <li>- Bờ chống trật tối thiểu 10°</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 6 - 7mm, dài 20 - 45mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ             | 13       |
| 40  | Bộ khớp háng toàn phần<br>không xi măng, chỏm<br>Ceramic miếng lót<br>Polyethylene, vành ổ cối<br>có đinh cố định chống lật<br>và chống xoay                                                  | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuôi</li> <li>- Có <math>\geq 7</math> cỡ, có cỡ dài 120-130mm</li> <li>- Góc cổ thân 130° - 135°</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, phủ Titanium, HA</li> <li>- Kích thước : có cỡ 42-44mm</li> <li>- Vành có <math>\geq 5</math> gai cố định chống lật và xoay</li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyethylene cao phân tử</li> <li>- Miếng lót và chỏm lắp sẵn với nhau, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, tạo thành chuyển động kép.</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ             | 18       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 41  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm CobaltChrome miếng lót Polyethylene, chuỗi phủ Titanium, ổ cối 40 - 68mm                             | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium nguyên chất, lớp ngoài phủ HA</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 110-120mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>125^\circ</math> đến <math>145^\circ</math></li> <li>- Có dạng có và không có viền cổ</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CobaltChrome (CoCr)</li> <li>- Kích thước: từ 22mm đến 36mm, Có tối thiểu 4 cỡ với mỗi đường kính</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính : có cỡ 40-42mm</li> <li>- Có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt</li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene</li> <li>- Có bờ chống trượt <math>\geq 20^\circ</math>, có loại thường và loại có viền bờ sung 4 - 5mm bên ngoài.</li> </ul> <p>6. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Dài <math>\geq 15</math> mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 7        |
| 42  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm CobaltChromMolybden miếng lót Polyethylene kết hợp Vitamine E, chuỗi phủ CaP, ổ cối khoảng 40 - 68mm | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium</li> <li>- Có tối thiểu 10 cỡ</li> <li>- Chiều dài có cỡ 100mm-120mm</li> <li>- Góc cổ thân <math>130^\circ - 135^\circ</math></li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CobaltChromMolybden</li> <li>- Có tối thiểu 4 cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ CaP</li> <li>- Kích thước : có cỡ 40-42mm, có <math>\geq 3</math> lỗ bắt vít</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyethylene siêu cao phân tử kết hợp Vitamine E</li> <li>- Bờ chống trượt khoảng <math>\geq 5^\circ</math></li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Kích thước <math>\geq 15</math>mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                                                                        | Bộ          | 7        |

| Stt | Tên danh mục                                                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 43  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm CobaltChromMolybden miếng lót Polyethylene, chuỗi phủ HA ổ cối 46 - 68mm, có 3 lỗ vít | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium phủ HA</li> <li>- Có 9 - 10 cỡ</li> <li>- Dài từ 110mm đến 190mm</li> <li>- Góc cổ thân 133° - 138°</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CobaltChromMolybden (CoCrMo)</li> <li>- Có 3 - 4 cỡ</li> <li>- Kích thước: 32 - 36mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, phủ HA</li> <li>- Kích thước từ 46mm đến 68mm, có 2 - 3 lỗ vít</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyethylene cao phân tử (UHMW-PE)</li> <li>- Miếng lót 46 - 50mm</li> <li>- Chống trượt <math>\geq 10^\circ</math></li> </ul> <p>5. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính khoảng 5 - 7mm</li> <li>- Dài 15 - 50mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ          | -        |
| 44  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Delta Ceramic, ổ cối bán cầu                                                          | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, phủ lớp HA toàn bộ bề mặt thân chuỗi</li> <li>- Chiều dài chuỗi: có cỡ 90mm - 110mm</li> <li>- Thiết kế chuỗi: Có các rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa</li> <li>- Góc cổ thân: 130 - 135 độ</li> </ul> <p>2. Chỏm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Delta Ceramic</li> <li>- Đường kính: có cỡ <math>\geq 32</math>, với 3 kích cỡ chiều dài cổ cho mỗi đường kính.</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, bề mặt phun plasma Titanium nhám và lớp HA</li> <li>- Kích thước: <math>\geq 13</math> cỡ, có cỡ 42mm-44mm</li> <li>- Thiết kế: Đỉnh vòm chên phẳng. Có <math>\geq 3</math> lỗ bắt vít</li> <li>- Kích thước: ổ cối từ 42mm-48mm sử dụng chỏm 32mm; ổ cối từ 50mm trở lên sử dụng chỏm 36mm</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylen liên kết chéo</li> <li>- Có bề chống trượt <math>\geq 15</math> độ</li> </ul> <p>5. Vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: đường kính 5 - 6.5mm; chiều dài <math>\geq 15</math>mm, có 3-4 cỡ; góc xoay <math>\geq 20</math> độ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO</p> | Bộ          | 10       |
| 45  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm hợp kim CoCrMo, miếng lót Polyethylene                                                | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ lớp HA toàn bộ chuỗi</li> <li>- Dài có cỡ 100mm-120mm</li> <li>- Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa chống xoay</li> <li>- Góc cổ thân 130° - 135°</li> </ul> <p>2. Chỏm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Hợp kim CoCrMo</li> <li>- Đường kính: <math>\geq 22</math>mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Hợp kim CoCrMo, phủ HA</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> cỡ, cỡ nhỏ nhất từ 42mm</li> <li>- Dạng chuyển động đôi</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylen siêu cao phân tử</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ          | 8        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 46  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có 1 quai bắt vít trên bờ ổ cối | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium, phủ Titanium và Hydroxyapatite</li> <li>- Có rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau</li> <li>- Góc cổ thân 125- 135 độ</li> <li>- Kích cỡ: Có <math>\geq 10</math> cỡ, chiều dài có cỡ 120-140mm</li> </ul> <p>2. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium Hydroxyapatite</li> <li>- Kích cỡ: có cỡ 40-44mm</li> <li>- Trên vành ổ cối có <math>\geq 1</math> quai bắt vít phía trên bờ ổ cối hướng về xương chậu và <math>\geq 2</math> vít bên trong ổ cối tại vị trí xương mu và xương ngồi</li> <li>- Ổ cối được thiết kế theo kiểu chuyển động đôi</li> </ul> <p>3. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: đường kính 22 - 28mm</li> </ul> <p>4. Lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử</li> </ul> <p>5. Vít bắt bờ ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Đường kính 4 - 6mm. Chiều dài từ <math>\geq 20</math>mm, có <math>\geq 4</math> cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 8        |
| 47  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có 2 quai bắt vít trên bờ ổ cối | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium và lớp Hydroxyapatite</li> <li>- Kích cỡ: có cỡ 40-44mm</li> <li>- Ổ cối thiết kế chuyển động kép</li> <li>- Vành ổ cối có 2 quai mỗi quai bắt 2 vít và 1 móc cố định nằm sau bờ ổ cối, 2 vít tán bên trong ổ cối.</li> </ul> <p>2. Chuôi xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium, phủ 1 lớp Hydroxyapatite</li> <li>- Bề mặt có <math>\geq 9</math> rãnh nằm ngang, và <math>\geq 5</math> rãnh dọc trước sau.</li> <li>- Góc cổ thân 130 độ.</li> <li>- Kích cỡ: có <math>\geq 10</math> cỡ, chiều dài từ 110mm-120mm</li> </ul> <p>3. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích cỡ: từ 22mm đến 28mm</li> </ul> <p>4. Lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối tự taro</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu</li> <li>- Đường kính 4 - 5mm. Chiều dài <math>\geq 20</math>mm có <math>\geq 5</math> cỡ vít</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                 | Bộ          | 4        |

| Stt | Tên danh mục                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 48  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, ổ cối 44 → 60mm | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium và phủ lớp hydroxyapatite</li> <li>- Có ≥ 7 cỡ</li> <li>- Chiều dài chuôi : có cỡ dài 120-130mm</li> <li>- Góc cổ thân 130° - 135°</li> </ul> <p>2. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Đường kính: 22 - 28mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, lớp bên dưới phủ Titanium, lớp trên phủ Hydroxyapatite toàn phần</li> <li>- Kích thước : có cỡ từ 44mm</li> <li>- Thiết kế: vành ngoài ổ cối có ≥ 4 đỉnh cố định chống xoay; đỉnh ổ cối có ≥ 3 đỉnh chống lật và xoay</li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Thiết kế: miếng lót và chòm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chòm chuyển động trong lớp đệm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ             | 12       |
| 49  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm và lớp đệm Zirconia                                   | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Ti6Al7Nb</li> <li>- Lớp phủ: 2 lớp Titanium và Hydroxyapatite</li> <li>- Kích cỡ chuôi: ≥ 10 cỡ, dài có cỡ 110mm-120mm</li> <li>- Góc cổ chuôi: 125 độ - 135 độ</li> </ul> <p>2. Chòm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia</li> <li>- Đường kính : có các cỡ 32mm, 36mm, 40mm, mỗi đường kính có ≥ 4 cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ: ≥ 10 cỡ, có cỡ 42-44mm</li> <li>- Ổ cối 44mm sử dụng chòm 32mm</li> </ul> <p>4. Lớp đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hỗn hợp Oxyde Alumina, Zirconia</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 5 - 6.5mm, dài: ≥ 15mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                 | Bộ             | 7        |
| 50  | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Zirconium, ổ cối nguyên khối                          | <p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</p> <p>1. Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V, toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ lớp HA</li> <li>- Chiều dài: ≥ 12 cỡ, chiều dài có cỡ 110mm-130mm</li> </ul> <p>2. Chòm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Aluminium - Zirconium</li> <li>- Có ≥ 3 cỡ với mỗi đường kính</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene HXPLE liên kết chéo cao có vitamin E, phủ TiCP</li> <li>- Kích cỡ : có cỡ từ 42mm</li> <li>- Thiết kế : Ổ cối nguyên khối có ≥ 4 lỗ bắt vít;</li> <li>- Chống trật : ≥ 10 độ</li> </ul> <p>4. Vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: Đường kính 3 - 5mm với chiều dài ≥ 20mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                      | Bộ             | 10       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 51  | Bộ khớp háng toàn phần thay lại, không xi măng, ổ cối có nhiều chốt khóa chống xoay, chuỗi dài dạng thẳng và cong, miếng chêm có vitamin E và chống trật 16° - 20° | <p>Bộ khớp háng toàn phần thay lại</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium plasma</li> <li>- Có ≥ 7 cỡ</li> <li>- Dài ≥ 200mm</li> <li>- Góc cổ thân 125° - 130°</li> <li>- Có 2 loại dạng thẳng và dạng cong</li> </ul> <p>2. Chôm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Đường kính 28 - 36mm, mỗi đường kính có ≥ 4 cỡ</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma và phủ HA</li> <li>- Kích thước: đủ cỡ từ 44mm đến 60mm với bước tăng 2mm</li> <li>- Có ≥ 10 chốt khóa chống xoay</li> </ul> <p>4. Miếng lót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử bổ sung vitamin E</li> <li>- Bờ chống trật ≥ 15°</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính khoảng 6 - 7mm</li> <li>- Dài ≥ 15mm, có ≥ 6 cỡ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | -        |
| 52  | Bộ khớp háng toàn phần thay lại, không xi măng, ổ cối phủ nhám Titanium có móc và tai gắn vào xương, chuỗi Hợp kim Titanium Alloy                                  | <p>Bộ khớp háng toàn phần thay lại</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium Alloy</li> <li>- Chiều dài ≥ 250mm</li> <li>- Góc cổ thân 125° - 130°</li> <li>- Cổ xương đùi tuý chính hướng 360°, dài ≥ 50mm</li> <li>- Dạng hoa khế, cong có vít chốt</li> </ul> <p>2. Chôm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ceramic BioloX Delta</li> <li>- Đường kính 28 - 32mm</li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu phủ nhám Titanium</li> <li>- Kích cỡ từ ≥ 44mm</li> <li>- Ổ cối phía trong có khuyết hãm và vít chốt an toàn</li> <li>- Có 2 móc dài ≥ 45mm</li> </ul> <p>4. Lớp đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Chống trật ≥ 20°</li> </ul> <p>5. Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Kích thước: ≥ 15mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                            | Bộ          | 2        |
| 53  | Bộ khớp quay lồi cầu ngoài nhân tạo không xi măng                                                                                                                  | <p>Bộ khớp quay lồi cầu ngoài nhân tạo không xi măng</p> <p>1. Chôm quay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium và PE</li> <li>- Kích cỡ : khoảng 15mm-25mm</li> </ul> <p>2. Cổ lưỡc cực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium phủ lớp TiNbN</li> <li>- Độ lệch 1 - 5mm</li> <li>- Hình cầu, chuyển động tự do ≥ 10°</li> </ul> <p>3. Chuôi xương quay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có ≥ 7 cỡ</li> <li>- Không xi măng, hình nón</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 2        |

| Sst | Tên danh mục                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 54  | Bộ khớp thang bàn ngón cái, chuyển động đôi                       | <p>Bộ khớp thang bàn ngón cái</p> <p>1. Chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium, phủ Titanium và HA</li> <li>- Đường kính <math>\geq 7\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài <math>\geq 20\text{mm}</math></li> <li>- Tiết diện có 3 thùy</li> </ul> <p>2. Cổ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Đường kính: 3 - 4mm</li> <li>- Chiều cao: có 3 cỡ <math>\geq 6\text{mm}</math></li> <li>- Dạng thẳng</li> <li>- Độ lệch khoảng <math>10^\circ - 15^\circ</math></li> </ul> <p>3. Ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ, phủ Titanium và HA</li> <li>- Đường kính: 8 - 11mm</li> <li>- Chuyển động đôi</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                         | Cái         | 10       |
| 55  | Bộ khớp vai toàn phần nhân tạo dạng ngược không xi măng, Titanium | <p>Bộ khớp vai toàn phần nhân tạo</p> <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V)</li> <li>- Đường kính <math>\geq 12\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài <math>\geq 120\text{mm}</math></li> </ul> <p>2. Đầu cánh tay với vít khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V)</li> <li>- Đường kính: <math>\geq 40\text{mm}</math></li> </ul> <p>3. Ổ chảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) phủ HA và Titanium</li> <li>- Chất liệu bên trong chỏm: CoCrMo và Ti6Al4V</li> </ul> <p>4. Phần đệm ổ chảo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử/ thép không gỉ</li> <li>- Kích thước 32-38mm</li> </ul> <p>5. Vít xương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium (Ti6Al4V)</li> <li>- Đường kính 6 - 7mm</li> <li>- Dài <math>\geq 20\text{mm}</math></li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 6        |
| 56  | Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương                     | <p>Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài kim khoảng <math>\geq 45\text{mm}</math></li> <li>- Thể tích đầu ra từ khoảng 3ml đến <math>\geq 25\text{ml}</math></li> <li>- Có thể chiết tách từ 30ml đến <math>\geq 150\text{ml}</math> máu</li> <li>- Nồng độ tế bào gốc trung mô và tế bào gốc máu tăng gấp <math>\geq 5</math> lần so với máu tủy xương</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ          | 10       |
| 57  | Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu                               | <p>Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu</p> <p>1. Kit chiết tách keo Fibrin giàu tiểu cầu</p> <p>2. Kit trộn bơm keo với đầu vòi nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chế <math>\geq 5\text{ml}</math> keo Fibrin giàu tiểu cầu</li> <li>- Nồng độ Fibrin <math>\geq 15\text{mg/ml}</math></li> <li>- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong <math>\geq 5</math> giờ sau khi chiết tách</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 5        |



| Sst | Tên danh mục                                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 58  | Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối                                                      | Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối<br>1. Kit chiết tách keo Fibrin giàu tiểu cầu<br>2. Kit trộn - bơm keo có kênh đồng phân phối<br>- Điều chế $\geq 5\text{ml}$ keo Fibrin giàu tiểu cầu<br>- Nồng độ Fibrin $\geq 15\text{mg/ml}$<br>- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong $\geq 5$ giờ sau khi chiết tách<br>3. Kênh đồng phân phối kết hợp cùng các loại thuốc (kháng sinh, hóa trị liệu) và các tế bào gốc (nguồn gốc tủy xương, nguồn gốc mô mỡ) trong quá trình phun keo<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 8        |
| 59  | Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương bằng hợp kim nhôm/thép không gỉ/Titanium | Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương<br>1. Chất liệu nẹp bằng hợp kim nhôm/thép không gỉ/Titanium<br>- Thân nẹp 0 - 80mm/ 0 - 40mm/ 0 - 20mm<br>2. Kẹp dính thẳng<br>3. Bộ điều chỉnh nén ép - kéo giãn<br>4. Khớp nối<br>5. Đinh Steinmann đường kính thân đinh 4.0 - 5.5mm, dài $\geq 150\text{mm}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                              | Bộ          | 5        |
| 60  | Bộ nẹp cố định ngoài dùng cho đầu xương bằng hợp kim nhôm/thép không gỉ/Titanium                                 | Bộ nẹp cố định ngoài dùng cho đầu xương<br>1. Chất liệu nẹp bằng hợp kim nhôm/ thép không gỉ/ Titanium<br>- Thân nẹp các cỡ 0 - 80mm/ 0 - 40mm/ 0 - 20mm<br>2. Kẹp dính thẳng<br>3. Bộ điều chỉnh nén ép kéo giãn<br>4. Khớp nối<br>5. Kẹp chữ T/ Kẹp hành xương/ Kẹp cổ chân/ Kẹp gấp góc<br>6. Đinh Steinmann đường kính thân đinh 4.0 - 5.5mm, dài $\geq 150\text{mm}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                             | Cái         | 2        |
| 61  | Bộ vòng treo cố định gọng chày mác điều chỉnh được, chỉ siêu bền                                                 | Bộ vòng treo cố định gọng chày mác điều chỉnh được dùng trong phẫu thuật ổn định gọng chày mác, gãy mắt cá<br>1. Vòng treo bằng chỉ siêu bền<br>2. Nút chốt bằng Titanium/ thép, kích thước (3.5 - 4mm) x (13 - 14mm), tròn có đường kính 6 - 7mm<br>3. Cây vít luồn vòng treo<br>4. Mũi khoan đặc<br>5. Mũi khoan rộng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                               | Bộ          | 2        |
| 62  | Cây dây chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay                                                                         | Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay<br>- Chất liệu: Nitinol<br>- Kim tròn, uốn cong sẵn. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 20       |
| 63  | Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 45°                                                                               | Cây móc chỉ nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp<br>- Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ, dây luồn bằng Nitinol<br>- Kích thước: dài $\geq 250\text{mm}$<br>- Cán dây chỉ cong trái hoặc phải 45 độ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 12       |
| 64  | Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 90°                                                                               | Cây móc chỉ nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp<br>- Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ và dây luồn bằng nitinol<br>- Chiều dài $\geq 250\text{mm}$<br>- Cán dây chỉ cong trái hoặc phải 90 độ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 11       |

| Stt | Tên danh mục                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 65  | Chỉ bản dẹt đa sợi siêu bền, rộng 2 → 5mm; chiều dài 20 → 90cm   | Chỉ bản dẹt đa sợi siêu bền dùng để khâu gân, mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình hoặc tăng cường độ chắc trong phẫu thuật nội soi tái tạo gân, dây chằng các loại<br>- Chất liệu: Polyethylen cao phân tử UHMWPE<br>- Kích thước: chỉ bản dẹt rộng từ 2mm đến 5mm; có cỡ dài ≥ 80cm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                              | Cái         | 50       |
| 66  | Chỉ khâu đa sợi dùng trong nội soi khớp vai và gối, không kim    | Chỉ khâu đa sợi dùng trong nội soi khớp vai và gối, không kim<br>- Chất liệu lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE<br>- Đường kính 2mm-2.5mm<br>- Chiều dài ≥ 80cm<br>- Chỉ dẹt và được bên 2 đầu bằng chỉ tròn. Chỉ có 2 màu giúp dễ dàng phân biệt<br>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái         | 90       |
| 67  | Chỉ khâu đa sợi liền kim, chất liệu Polyethylene, lực kéo ≥ 160N | Chỉ khâu đa sợi liền kim<br>- Chất liệu Polyethylen cao phân tử<br>- Dài ≥ 80cm, 2 sợi chỉ bên<br>- Lực kéo ≥ 150N<br>- 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài ≥ 25mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                  | Tép         | 180      |
| 68  | Chỉ khâu đa sợi liền kim, Polyethylen cao phân tử, kim số 3      | Chỉ khâu đa sợi liền kim dùng trong nội soi khớp vai và gối<br>- Chất liệu Polyethylen khối lượng phân tử siêu cao<br>- Dài 78 - 80cm<br>- 1 kim<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                         | Cái         | 160      |
| 69  | Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm bằng Polyethylene, dài 90 - 100cm      | Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm dùng trong nội soi khớp<br>- Chất liệu: bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE<br>- Dài ≥ 90cm<br>- Lực tái ≥ 350N<br>- 1 kim tròn bằng thép không gỉ, dài ≥ 25mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                | Tép         | 495      |
| 70  | Chỉ khâu siêu bền, lực kéo >550N/mm <sup>3</sup>                 | Chỉ khâu siêu bền<br>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử siêu bền<br>- Kích thước: bề rộng chỉ khoảng 1.5mm<br>- Thiết kế: 2 màu, lực kéo ≥ 550 N/mm <sup>2</sup><br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                          | Tép         | 200      |
| 71  | Chỉ khâu sụn viền không nút thắt                                 | Chỉ khâu sụn viền không nút thắt<br>- Chất liệu: BioComposite tự tiêu<br>- Kích thước: (2.5 - 3mm) x (10 - 15mm)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                         | Tép         | 40       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 72  | Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E | <p>Bộ khớp gối toàn phần thay lại</p> <p>1. Lõi cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chrome</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ, dày 8 - 9mm</li> <li>- Chuỗi nối dài lòng tùy có 2 dạng: thẳng, cong, chiều dài <math>\geq 30</math>mm, có <math>\geq 4</math> cỡ chiều dài chuỗi.</li> </ul> <p>Đường kính <math>\geq 10</math>mm, có <math>\geq 6</math> cỡ đường kính chuỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn được miếng ghép có độ dày từ 5mm đến 15mm</li> <li>- Góc gấp tối đa <math>\geq 130^\circ</math></li> <li>- Độ xoay trong ngoài <math>\geq 10^\circ</math></li> </ul> <p>2. Mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 5</math> cỡ</li> <li>- Chuỗi nối dài lòng tùy có 2 dạng: thẳng, cong, chiều dài <math>\geq 30</math>mm, có <math>\geq 4</math> cỡ chiều dài chuỗi.</li> </ul> <p>Đường kính <math>\geq 10</math>mm, có <math>\geq 6</math> cỡ đường kính chuỗi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn được miếng ghép có độ dày từ 5mm đến 10mm</li> </ul> <p>3. Miếng đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene liên kết chéo bổ sung vitamin E</li> <li>- Kích thước: Bề dày từ 9mm, có <math>\geq 6</math> cỡ bề dày</li> </ul> <p>4. Bánh chề</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene liên kết chéo</li> <li>- Thiết kế bánh chề dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng</li> </ul> <p>5. Xi măng:<br/>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Bộ          | 20       |
| 73  | Chuỗi nối dài xương chày                                                                                         | <p>Chuỗi nối dài xương chày giúp tăng độ vững cho khớp gối thay lại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium</li> <li>- Chuỗi dạng thẳng: chiều dài <math>\geq 30</math>mm, có <math>\geq 4</math> cỡ chiều dài chuỗi, có cỡ 100mm-150mm</li> <li>- Chuỗi dạng cong dài <math>\geq 150</math>mm</li> </ul> <p>- Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E"</p> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ          | 20       |
| 74  | Chuỗi nối dài xương đùi                                                                                          | <p>Chuỗi nối dài xương đùi giúp tăng độ vững cho khớp gối thay lại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium</li> <li>- Chuỗi dạng thẳng: chiều dài <math>\geq 30</math>mm, có <math>\geq 4</math> cỡ chiều dài chuỗi, có cỡ 100mm-150mm</li> <li>- Chuỗi dạng cong dài 150 - 200mm</li> </ul> <p>- Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E"</p> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 20       |
| 75  | Đầu chuyển trực trong khớp gối thay lại                                                                          | <p>Đầu chuyển trực trong khớp gối thay lại dùng trong trường hợp mất mốc giải phẫu hoặc biến dạng xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Titanium</li> <li>- Dạng hình nêm</li> </ul> <p>- Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E"</p> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 15       |
| 76  | Miếng ghép bù xương mâm chày                                                                                     | <p>Miếng ghép bù xương mâm chày sử dụng cho trường hợp lõi cầu bị mất xương, bù xương cho lõi cầu sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 3</math> cỡ</li> <li>- Dày khoảng 5mm-15mm</li> </ul> <p>- Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E"</p> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 77  | Miếng ghép bù xương phía sau lồi cầu đùi                                           | Miếng ghép bù xương phía sau lồi cầu đùi dùng cho trường hợp lồi cầu bị mất xương, bù xương cho lồi cầu sau<br>- Chất liệu bằng Cobalt Chrome<br>- Có $\geq 3$ cỡ<br>- Dày khoảng 5mm-15mm<br>- Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lồi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 25       |
| 78  | Dao đục sụn có đầu gấp góc, chiều dài lưỡi 19 - 23cm                               | Dao đục sụn có đầu gấp góc<br>- Chiều dài lưỡi: khoảng 20 - 25cm; chiều dài phần làm việc: 3 - 4cm<br>- Độ sâu thâm nhập sụn: 8 - 10mm; độ rộng thâm nhập sụn: khoảng 5-6mm <sup>2</sup><br>- Có 2 loại lưỡi đục cong và thẳng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                 | Cái         | 4        |
| 79  | Dây bơm nước có kèm hộp điều khiển                                                 | Dây bơm nước có kèm hộp điều khiển dùng bơm rửa phẫu trường nội soi gối và vai<br>- Chất liệu nhựa<br>- Lưu lượng nước tối đa $\geq 2.5L/phút$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                 | Cái         | 100      |
| 80  | Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy                                           | Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy<br>- Chất liệu Polyvinyl Chloride<br>- Dài $\geq 3m$<br>- Tương thích máy bơm nước 10k Pump của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                             | Cái         | 120      |
| 81  | Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp                                      | Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp<br>- Chiều dài dây nước tính từ máy khoảng $\geq 3m$<br>- Có khóa trên thân để điều chỉnh chiều dài dây<br>- Tương thích với máy FloControl Arthroscopy Pump của Bệnh viện<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                         | Bộ          | 230      |
| 82  | Dây dẫn dịch vào khớp, dài 3 - 3.5m, áp lực 200 - 220mmHg                          | Dây dẫn dịch vào khớp<br>- Chất liệu: nhựa<br>- Dài $\geq 3m$<br>- Tốc độ tối đa đạt $\geq 2l/phút$ , áp lực dòng chảy tối đa đạt $\geq 200$ . Tự cân bằng áp suất và nhận ra sự gián đoạn đột ngột trong dòng chảy.<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                             | Cái         | 100      |
| 83  | Đinh Kirschner hai đầu nhọn                                                        | Đinh Kirschner hai đầu nhọn<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính 1.0 - 2.5mm, có $\geq 3$ cỡ đường kính<br>- Dài nhiều cỡ từ 150mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                     | Cái         | 550      |
| 84  | Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn                                                    | Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn<br>- Tay cầm đục sụn, dài 20 - 25cm, chiều dài phần gấp góc 1.5 - 2cm<br>- Tay bấm dùng rút lưỡi dao cắt sụn<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                   | Cái         | 2        |
| 85  | Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước, đường kính 7 - 8mm | Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước<br>- Chất liệu: Polyethylene Terephthalate, các sợi Polyester dọc song song có độ bền cao khoảng $\geq 2000N$<br>- Đường kính 7 - 9mm, dài $\geq 700mm$<br>- Khung đỡ bằng sợi dệt<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 86  | Gân nhân tạo cố định trật khớp cùng đòn            | Gân nhân tạo neo cổ định trật khớp cùng đòn<br>- Chất liệu: Polyethylene Terephthalate (Polyester)<br>- Dây chằng neo nhân tạo: đường kính 7-8mm, chiều dài $\geq 200\text{mm}$<br>- Chốt khóa neo kích thước (4 - 5mm) x (10 - 15mm)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 2        |
| 87  | Khóa thép với miếng đệm Titanium                   | Khóa thép không gỉ với miếng đệm bằng Titanium<br>- Đường kính 1.2 - 1.5mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 25       |
| 88  | Khớp bàn ngón tay                                  | Khớp bàn ngón tay<br>- Chất liệu Silicone<br>- Kích cỡ: $\geq 6$ cỡ<br>- Dạng bán lẻ<br>- Độ uốn cong/mở rộng hoàn toàn của khớp: $0^\circ$ đến $\geq 90^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 10       |
| 89  | Bộ khớp gối bán phần, hợp kim CoCrMo, dày 9 - 14mm | Bộ khớp gối bán phần<br>1. Bán cầu đùi: hợp kim CoCrMo, có $\geq 4$ cỡ mỗi bên trái phải<br>2. Lớp đệm: nhựa PE cao phân tử, kiểu cổ định, độ dày $\geq 8\text{mm}$ , có $\geq 5$ cỡ<br>3. Mâm chày bán phần: hợp kim CoCrMo, có $\geq 5$ cỡ mỗi bên trái phải<br>4. Xi măng có kháng sinh<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                           | Bộ          | 7        |
| 90  | Bộ khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương            | Bộ khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương<br>1. Phần xương đùi<br>- Chất liệu Cobalt Chromium Alloy<br>- Số cỡ: $\geq 4$ cỡ<br>2. Phần xương chày<br>- Chất liệu Cobalt Chromium Alloy<br>- Dày $\geq 8\text{mm}$ , có $\geq 4$ cỡ<br>- Thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài<br>3. Miếng lót<br>- Chất liệu Polyethylene<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                        | Bộ          | 12       |
| 91  | Khớp liên đốt gần ngón tay                         | Khớp liên đốt gần ngón tay<br>- Chất liệu Silicone<br>- Có $\geq 4$ cỡ<br>- Dạng bán lẻ<br>- Độ uốn cong/mở rộng hoàn toàn của khớp: $0^\circ$ đến $\geq 90^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 10       |
| 92  | Bộ khớp vai bán phần có xi măng, chuỗi Titanium    | Bộ khớp vai bán phần có xi măng<br>1. Chuỗi cánh tay có xi măng<br>- Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V)<br>- Đường kính $\geq 11\text{mm}$ , có $\geq 4$ cỡ đường kính<br>- Chiều dài từ khoảng 100mm-120mm, có $\geq 3$ cỡ chiều dài<br>2. Đầu cánh tay với vít khóa<br>- Chất liệu: hợp kim Titanium<br>3. Chôm:<br>- Chôm và giá đỡ khóa: chất liệu hợp kim CoCrMo/titanium<br>- Đường kính từ khoảng 40mm, có $\geq 3$ cỡ<br>4. Xi măng có kháng sinh<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 1        |



| Stt | Tên danh mục                                                               | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 93  | Lưỡi bào khớp nội soi đường kính 2.8 → 4.0mm                               | Lưỡi bào khớp nội soi khớp dùng để cắt mô, sụn<br>- Đường kính từ 3mm-4mm, tối thiểu 3 cỡ<br>- Chiều dài ≥ 80mm<br>- Loại đầu có nhiều răng cưa, trơn và răng cưa bán phần<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 85       |
| 94  | Lưỡi bào khớp nội soi, đường kính 4.5 - 5.5mm                              | Lưỡi bào khớp nội soi dùng bào cắt lọc mô xơ, sụn<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính ≥ 4.5mm, tối thiểu 3 cỡ<br>- Lưỡi bào có răng/ không răng, có ≥ 6 thiết kế đầu cắt<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 180      |
| 95  | Lưỡi bào khớp nội soi, đường kính 4.0 - 4.5mm                              | Lưỡi bào khớp nội soi<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính ≥ 4.0mm. Dài ≥ 12cm<br>- Tốc độ tối đa 6000-8000 vòng/phút<br>- Tương thích máy bào Arthrex của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 110      |
| 96  | Lưỡi bào xương dùng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo tất cả bên trong | Lưỡi bào xương dùng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo tất cả bên trong<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính từ 5mm đến 12mm, bước nhảy 0.5mm<br>- Thiết kế: Ở trạng thái thẳng, lưỡi bào dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường đường kính 3-4mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                      | Cái         | 70       |
| 97  | Lưỡi bào xương ngược chiều rỗng nòng                                       | Lưỡi bào xương ngược chiều rỗng nòng<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính từ 7mm đến 12mm, bước tăng 0.5mm, lưỡi cắt có thể thu vào<br>- Rỗng nòng, có mũi khoan dẫn đường đường kính 2 - 3mm và cây rút chỉ<br>- Có ống đo chiều dài cầu xương, có kèm mũi khoan dẫn đường<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                       | Cái         | 84       |
| 98  | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần, cong 90°, đường kính khoảng 4 - 4.3mm      | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma dùng trong phẫu thuật nội soi khớp<br>- Đường kính thân đốt 4 - 4.5mm<br>- Đầu lưỡi cong 90°<br>- Cổng hút nước dạng hình sao<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 100      |
| 99  | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần, cong 90°, đường kính 3.5 - 4mm       | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần trong mổ nội soi khớp<br>- Thân đầu đốt và điện cực bằng thép không gỉ, phần hút bọt bằng Ceramic<br>- Chiều dài ≥ 150mm, đường kính 3.5 - 4mm<br>- Đầu đốt cong 90 độ<br>- Đầu có ≥ 5 lỗ để hút. Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật<br>- Tương thích với máy đốt Arthrex của bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 70       |
| 100 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần, đường kính khoảng 5 - 6mm            | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần<br>- Chất liệu thân nhựa, đầu đốt bằng thép không gỉ<br>- Đường kính mũi 5 - 6mm. Đường kính phần thân 3-4 mm<br>- Đầu mũi nghiêng 90°.<br>- Có thể tái sử dụng nhiều lần<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 178      |



| Stt | Tên danh mục                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 101 | Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần<br>sóng Radio cao tần, nhiều góc từ 30 độ đến 90 độ | Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần<br>- Chất liệu: Tay cầm Nhựa, đầu đốt Titanium<br>- Kích cỡ: gấp góc nhiều cỡ từ 30 độ đến 90 độ<br>- Thiết kế: có nhiều lỗ hút nước<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                          | Cái         | 50       |
| 102 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma, đầu lưỡi hình móc câu                                          | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma hình móc câu<br>- Đường kính thân đốt 3.5 - 4.0mm<br>- Đầu lưỡi cắt đốt hình móc câu được thiết kế để cắt bỏ mô mềm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                              | Cái         | 60       |
| 103 | Lưỡi mài ổ khớp, đường kính 4.0 - 4.2mm                                                          | Lưỡi mài dùng mài xương trong phẫu thuật nội soi khớp<br>- Lưỡi mài được thiết kế rộng nông<br>- Phần đầu mài có $\geq 3$ dạng<br>- Đường kính đầu mài 3.5-4.0mm<br>- Chiều dài làm việc $\geq 120$ mm<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                   | Cái         | 40       |
| 104 | Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 3.5 - 4.5mm                                                   | Lưỡi mài xương nội soi khớp<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính 4mm-5mm<br>- Chiều dài làm việc $\geq 120$ mm<br>- Tốc độ tối đa 6000-8000 vòng/phút<br>- Tương thích với máy mài Arthrex của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                       | Cái         | 20       |
| 105 | Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 4.0mm, 5.5mm                                                  | Lưỡi mài xương nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối và vai<br>- Đường kính: 4.0mm, 5.5mm<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Dạng rộng nông<br>- Tốc độ tối đa $\geq 8000$ vòng/phút<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                           | Cái         | 5        |
| 106 | Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng                                        | Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Chiều dài trục 23.5cm<br>- Đường kính đầu mũi khoan 3 - 4mm<br>- Đường kính khoan đường hầm: 6.0 - 12mm<br>- Có chức năng: khoan định hướng và khoan ngược<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 10       |
| 107 | Sụn nhân tạo 2cm                                                                                 | Sụn nhân tạo<br>- Chất liệu: thành phần 100% từ Hyaluronic acid nguồn gốc phi động vật<br>- Được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể<br>- Không cần dùng chất kết dính<br>- Kích thước: 2-2.5cm x 2-2.5cm<br>Tiệt khuẩn                                                                                                                                                                     | Cái         | 5        |
| 108 | Sụn nhân tạo 5cm                                                                                 | Sụn nhân tạo<br>- Chất liệu: thành phần 100% từ Hyaluronic acid nguồn gốc phi động vật<br>- Được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể<br>- Không cần dùng chất kết dính<br>- Kích thước: 5-6cm x 5-6cm<br>Tiệt khuẩn                                                                                                                                                                         | Cái         | 5        |
| 109 | Trocar nội soi khớp                                                                              | Trocar nội soi khớp<br>- Chất liệu nhựa<br>- Đường kính $\geq 4.5$ mm, có $\geq 3$ cỡ đường kính và $\geq 3$ cỡ chiều dài<br>- Tích hợp khoá ba lớp, có khóa chống rò dịch và chỗ kiểm soát chỉ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                        | Cái         | 37       |



| Sst | Tên danh mục                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 110 | Vít chỉ khâu sụn chêm                                                                   | Vít chỉ khâu sụn chêm<br>- Chất liệu PEEK<br>- Kèm chỉ siêu bền dài $\geq 60\text{cm}$<br>- Khâu được $\geq 6$ mũi liên tiếp<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                          | Cái            | 23       |
| 111 | Vít chỉ khâu sụn chêm 2 neo                                                             | Vít chỉ khâu sụn chêm<br>- Chất liệu: PEEK, nút chỉ bằng UHMWP.<br>- Thiết kế: Cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo dài $\geq 5\text{mm}$ . Có khoá điều chỉnh độ sâu từ $\geq 15\text{mm}$ .<br>- Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                          | Cái            | 52       |
| 112 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng 96L/4D PLLA (Poly L-Lactic Acid), đường kính 5 - 6.5mm | Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai dùng cố định chóp xoay vai<br>- Chất liệu 96L/4D PLA (Poly L-Lactic Acid)<br>- Đường kính 5 - 6.5mm<br>- Chiều dài 15 - 17mm<br>- Kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                 | Cái            | 50       |
| 113 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng PEEK, ren ngược, chỉnh độ căng sau chốt neo            | Vít chỉ neo khâu chóp xoay sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, đính bám dây chằng<br>- Chất liệu Polyether ether ketone<br>- Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$ , có cỡ đường kính 4.5mm, có $\geq 2$ cỡ<br>- Vít ren ngược, chỉnh độ căng sau chốt neo<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                             | Cái            | 185      |
| 114 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng PLLA phủ HA, chỉ đôi, ren chuyên tiếp                  | Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng trong phẫu thuật Nội soi chóp xoay khớp vai<br>- Chất liệu : neo bằng PLLA -HA. Chỉ siêu bền bằng UHMWPE<br>- Đường kính $\geq 5.5\text{ mm}$ , có $\geq 2$ cỡ đường kính<br>- Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo.<br>- Kèm 2 sợi chỉ đôi<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                  | Cái            | 133      |
| 115 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng UHMWPE                                                 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp<br>- Chất liệu chỉ Polyethylen siêu cao phân tử (UHMWPE), nút làm bằng $\beta$ - TCP/PEEK/ BioComposite/ PLLA<br>- Đường kính 4 - 5mm<br>- Chiều dài 23 - 28mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                              | Cái            | 20       |
| 116 | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, đầu neo có đường kính khoảng 2.5 - 3.0mm, có 2 chỉ siêu bền | Vít chỉ neo khâu chóp xoay, cố định chóp xoay vai<br>- Chất liệu chỉ bằng Polyethylen siêu cao phân tử<br>- Đầu neo có đường kính 2.5 - 3.0mm<br>- Có 2 chỉ siêu bền<br>- Cấu trúc hoàn toàn bằng chỉ giảm thiểu xâm lấn. Chịu được lực căng 500 - 600N<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                               | Cái            | 6        |
| 117 | Vít chỉ neo khâu gân cổ lớn, 4.5 - 5.8mm, đầu có lỗ tròn, kèm chỉ bán dẹt               | Chức năng/công dụng: cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay<br>- Chất liệu: PEEK<br>- Kích thước: đường kính $\geq 5.5\text{mm}$ , có $\geq 2$ cỡ đường kính, dài $\geq 18\text{mm}$<br>- Thiết kế: đầu vít có khuyên tròn để giữ và căng chỉ, kèm chỉ bán dẹt 1.5 - 2mm và chỉ siêu bền.<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái            | 50       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 118 | Vít chỉ neo khâu gân cổ lớn, 4.5 - 5.8mm, đầu có lỗ tròn, không kèm chỉ bản dệt                                    | <p>Chức năng/công dụng: cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PEEK</li> <li>- Kích thước: đường kính <math>\geq 5.5\text{mm}</math>, có <math>\geq 2</math> cỡ đường kính, dài <math>\geq 18\text{mm}</math></li> <li>- Thiết kế: đầu vít có lỗ tròn để giữ và căng chỉ, kèm chỉ siêu bền số 2</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                             | Cái         | 50       |
| 119 | Vít chỉ neo khâu gân khớp vai, bằng PLDLA và UHMWPE, đường kính 2 - 4mm                                            | <p>Vít chỉ neo khâu gân khớp vai dùng trong kỹ thuật khâu sụn viền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Poly-L/D-lactide và polyethylene siêu cao phân tử</li> <li>- Đường kính 2.5-3mm, dài <math>\geq 10\text{mm}</math></li> <li>- Chỉ siêu bền : Lực tải chỉ tối đa <math>\geq 300\text{N}</math>, chỉ dài <math>\geq 80\text{cm}</math>, có 2 màu để phân biệt</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                        | Cái         | 30       |
| 120 | Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai tự tiêu, đường kính 2.1mm và 2.6mm                                              | <p>Vít chỉ neo tự tiêu khâu sụn viền khớp vai dùng cố định khâu sụn viền khớp vai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu PEEK</li> <li>- Đường kính 2.1mm và 2.6mm</li> <li>- Lực căng <math>\leq 200\text{N}</math></li> <li>- Neo có ren</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 24       |
| 121 | Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai, bằng PLLA, 2 sợi siêu bền                                                      | <p>Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai dùng trong phẫu thuật nội soi khớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu tự tiêu Poly(L-lactide) - HA</li> <li>- Đường kính trong 2.5 - 3mm, đường kính ngoài 3.5-4mm</li> <li>- Chiều dài neo <math>\geq 10\text{mm}</math></li> <li>- Kèm hai sợi chỉ siêu bền</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                          | Cái         | 103      |
| 122 | Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai, đường kính đầu neo khoảng 1.3mm - 2.0mm, thân uốn cong, 1 - 2 sợi chỉ siêu bền | <p>Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính đầu neo khoảng 1.3 - 2.0mm</li> <li>- Có 1 - 2 sợi chỉ siêu bền</li> <li>- Chịu được lực căng <math>\geq 250\text{N}</math></li> <li>- Có khả năng uốn cong</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 4        |
| 123 | Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, 2.2 - 2.5mm, bằng BioComposite                                                        | <p>Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, dùng cho khớp cổ chân, tái tạo dây chằng sên mào</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: BioComposite, chỉ siêu bền đa sợi bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Kích thước: Đường kính x chiều dài = (2 - 3mm) x (8 - 10mm)</li> <li>- Khả năng chịu lực tối đa khoảng <math>\geq 100\text{N}</math>, kèm chỉ siêu bền liên kim</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p> | Cái         | 24       |
| 124 | Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, 4 - 4.5mm                                                           | <p>Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài dùng cố định dây chằng chéo, tái tạo dây chằng các loại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, vòng treo gân bằng UHMWPE</li> <li>- Kích thước: Rộng x dài = (4 - 5mm) x (11 - 15mm)</li> <li>- Vòng treo điều chỉnh được độ dài và tự khóa, có 2 dạng vòng treo, khả năng chịu lực tải <math>\geq 900\text{N}</math></li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                | Cái         | 30       |
| 125 | Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, loại gắn rời, 8 - 9mm                                               | <p>Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, loại gắn rời dùng tái tạo dây chằng chéo, cố định dây chằng các loại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: miếng treo bằng Titanium, vòng treo gân bằng UHMWPE</li> <li>- Kích thước : Rộng x dài = (8 - 10mm) x (10 - 15mm)</li> <li>- Vòng treo có thể điều chỉnh độ dài, có miếng treo gắn rời</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                            | Cái         | 30       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                              | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 126 | Vít chốt neo dây chằng loại tăng cường hoặc thay lại, 5.5 - 6mm                                           | Vít chốt neo dây chằng loại tăng cường hoặc thay lại dùng trong phẫu thuật sửa tăng cường điểm bám tại chỗ do lỗ khoan vỏ xương bị vỡ, quá rộng hoặc dùng trong phẫu thuật thay lại dây chằng chéo, dây chằng các loại<br>- Vật liệu: Titanium<br>- Kích thước: (5 - 8mm) x (18 - 25mm)<br>- Sử dụng với vít chốt neo cố định dây chằng cùng hãng: "Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, có 2 dạng vòng treo, 900N-1200N"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 3        |
| 127 | Vít hàn gân, bằng PEEK, đường kính 3 - 9mm                                                                | Vít hàn gân cố định mảnh ghép vào xương<br>- Chất liệu PEEK<br>- Đường kính $\geq 3\text{mm}$ , có $\geq 7$ cờ, bước tăng đường kính 1mm<br>- Dài khoảng $\geq 10\text{mm}$<br>- Thân vít rỗng, có các lỗ trên thân<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                             | Cái         | 20       |
| 128 | Vít neo cố định dây chằng khớp nhỏ, đường kính 3 - 3.5mm                                                  | Vít neo cố định dây chằng khớp nhỏ<br>- Chất liệu PEEK<br>- Đường kính 3 - 3.5mm<br>- Dài 10 - 15mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ          | 10       |
| 129 | Vít neo dùng dai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ dẹt | Vít neo dùng dai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ<br>- Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene<br>- Kích thước : đường kính 4.5 - 5.5mm, dài 15mm - 20mm<br>- Thiết kế: Kèm chỉ dẹt 2.0mm siêu bền . Có các lỗ thông giúp kích thích mọc xương.<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                      | Cái         | 75       |
| 130 | Vít neo dùng dai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ   | Vít neo dùng dai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ<br>- Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene<br>- Kích thước : đường kính 4.5 - 5.5mm, dài 15mm - 20mm<br>- Thiết kế: Không kèm chỉ. Có các lỗ thông giúp kích thích mọc xương.<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                  | Cái         | 50       |
| 131 | Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử                   | Vít neo dùng trong nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối<br>- Chất liệu nẹp bằng Titanium, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử<br>- Nẹp dài khoảng 10 - 15mm, rộng khoảng 3 - 5mm, có khoảng 7 - 10 lỗ<br>- Vòng treo dài thay đổi từ $\geq 10$ đến $\geq 90\text{mm}$<br>- Đường kính sợi vòng treo 1.5 - 2mm<br>- Chỉ siêu bền bằng Polyester dùng kéo và lật chốt ngang<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                | Cái         | 260      |
| 132 | Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, có 2 dạng chiều dài nút chặn 10 - 12mm và 20 - 25mm       | Vít neo tái tạo dây chằng chéo trong phẫu thuật nội soi khớp gối bằng kỹ thuật tất cả bên trong<br>- Chất liệu : nút chặn bằng Titanium, dây treo 2 sợi chỉ bền bằng Polyethylene cao phân tử<br>- Kích thước: có 2 dạng chiều dài nút chặn 10 - 15mm và 20 - 25mm<br>- Nút treo có khoảng 4 lỗ, có thể điều chỉnh độ dài vòng treo<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                 | Cái         | 80       |
| 133 | Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, khóa 4 điểm, vòng treo có thể nối lỏng                    | Vít neo tái tạo dây chằng khớp gối<br>- Chất liệu Titanium, dây treo bằng Polyethylene siêu cao phân tử<br>- Độ rộng chốt neo 10 - 15mm, chiều dài vòng treo từ $\geq 10\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$<br>- Dây treo khóa 4 điểm, tự điều chỉnh chiều dài vòng treo. Khả năng chịu lực tối đa $\geq 900\text{N}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                             | Cái         | 220      |



| Stt | Tên danh mục                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 134 | Vít rỗng đường kính 2.5 - 6.5mm                                                               | Vít rỗng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính từ $\geq 2.5\text{mm}$ đến $\geq 6\text{mm}$ , có $\geq 5$ cỡ đường kính<br>- Dài nhiều cỡ từ $\geq 10\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$<br>- Lòng vít rỗng, đầu vít chìm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                             | Cái         | 30       |
| 135 | Vít rỗng đường kính 3.0 - 7.3mm                                                               | Vít rỗng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính từ $\geq 3\text{mm}$ đến $\geq 6.5\text{mm}$<br>- Chiều dài nhiều cỡ từ $\geq 10$ đến $\geq 100\text{mm}$<br>- Lòng vít rỗng, tự khoan, tự taro<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                      | Cái         | 54       |
| 136 | Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương chày, Titanium, chỉ siêu bền số 5     | Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương chày<br>- Vật liệu Titanium<br>- Cỡ 14mm và 17mm<br>- Chịu được lực căng $\geq 958\text{N}$<br>- Vòng treo mảnh ghép bằng chỉ siêu bền số 5<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                               | Cái         | 50       |
| 137 | Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương đùi, Titanium, chỉ siêu bền số 3      | Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương đùi<br>- Chất liệu Titanium<br>- Rộng 2 - 4mm, cao 1 - 2mm, dài 10 - 13mm<br>- Chịu được lực căng 1020 - 1025N<br>- Vòng treo mảnh ghép bằng chỉ siêu bền số 2<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                            | Cái         | 50       |
| 138 | Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng, có phủ HA, loại ren cùn, rỗng ruột | Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng<br>- Chất liệu sinh học tự tiêu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite (HA)<br>- Đường kính từ 7mm đến 11mm; chiều dài 25 - 30mm<br>- Thiết kế: Ren cùn, đường kính rỗng khoảng 1 - 2mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                   | Cái         | 15       |
| 139 | Xi măng hóa học có kháng sinh                                                                 | Xi măng hóa học có kháng sinh<br>- Gói bột xi măng 40 - 50g có kháng sinh Gentamycin, thành phần: Polymethyl methacrylate, Barium Sulphate, Benzoyl Peroxide.<br>- Lọ chất lỏng 15 - 20g, thành phần: Methylmethacrylate $\geq 90\%$ , N,N-Dimethyl-p-toluidine<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                       | Lọ          | 12       |
| 140 | Xi măng hóa học thành phần có kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu                     | Xi măng hóa học<br>- Chất liệu Polymethyl Methacrylate, Zirconium dioxide, Benzoyl peroxide, Hydroquinone; có chứa chất kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu<br>- Bao gồm hộp có 1 gói xi măng nặng khoảng 40 - 50g và dung dịch pha<br>- Thời gian thao tác $\geq 6$ phút<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Lọ          | 24       |
| 141 | Xương nhân tạo dạng bơm dung tích 5ml                                                         | Bộ xương nhân tạo dạng bơm gồm:<br>1. Bơm tiêm chứa xương<br>- Dung tích $\geq 5\text{ml}$<br>- Chất liệu 35wt - 40wt%HA ( $\text{Ca}_{10}(\text{PO}_4)_6(\text{OH})_2$ )<br>- Kích thước hạt HA 30 - 50nm<br>2. 01 ống bơm ngắn<br>3. 01 ống bơm dài<br>4. 01 cây đẩy<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                | Hộp         | 15       |

| Stt | Tên danh mục                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 142 | Xương nhân tạo dạng hạt nhỏ đường kính 1.3 - 1.5mm, dung tích 15 - 20ml          | Xương nhân tạo dạng hạt<br>- Thành phần 100% TriCalcium Phosphate<br>- Đường kính 1.2 - 1.5mm<br>- Dung tích $\geq 15$ ml<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hộp         | 12       |
| 143 | Xương nhân tạo HA/TCP, kích thước hạt xương 1 - 4mm, dung tích 10ml              | Xương nhân tạo<br>- Dung tích 10ml-15ml<br>- Chất liệu 50% - 60%HA + 40% - 50% TCP<br>- Kích thước hạt xương 1 - 4mm<br>- Lỗ lớn 300 - 800 $\mu$ m<br>- Lỗ nhỏ 1.0 - 10 $\mu$ m<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hộp         | 34       |
| 144 | Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm                          | Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 2.5 - 5.0mm, dài 10 - 100mm<br>- Đầu vít có ren khoá đa hướng, vít tự taro<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 120      |
| 145 | Vít khóa đường kính 1.5 - 6.5mm                                                  | Vít khóa<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính nhiều cỡ từ 1.5mm - 6.5mm<br>- Chiều dài nhiều cỡ từ 10 - 100mm<br>- Đầu vít có ren khoá, vít tự taro.<br>- Sử dụng với nẹp cùng hãng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 785      |
| 146 | Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác | Vít vỏ xương cứng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 1.5 - 4.5mm<br>- Thân vít dài 6 - 60mm<br>- Đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác. Sử dụng với nẹp cùng hãng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 190      |
| 147 | Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác                                           | Vít xương xốp<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.0 - 6.5mm<br>- Chiều dài $\geq 10$ mm đến $\geq 80$ mm<br>- Đầu lục giác<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 118      |
| 148 | Nẹp đầu dưới xương chày, dài 80 - 280mm, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp            | Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp<br>- Chất liệu Titanium<br>- Có $\geq 2$ dạng mặt trong và $\geq 2$ dạng mặt ngoài<br>- Chiều dài $\geq 80$ mm<br>- Đầu nẹp dày 2.0 - 2.5mm, rộng 20 - 45mm<br>- Thân nẹp dày 3.5 - 4.5mm, rộng 10 - 15mm<br>- Có đủ cỡ từ 5 lỗ đến $\geq 10$ lỗ, có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp, trái/ phải<br>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm"/ "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác"/ "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 7        |



| Stt | Tên danh mục                                                                 | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 149 | Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng                               | <p>Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 6</math> lỗ đầu nẹp; đủ cỡ từ <math>\geq 2</math> lỗ đến <math>\geq 8</math> lỗ thân nẹp, trái/ phải</li> <li>- Dày 2.0 - 2.5mm, rộng 8 - 20mm</li> <li>- Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp, lỗ vít khóa đa hướng</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm"/ "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác"/ "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                      | Cái         | 12       |
| 150 | Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp               | <p>Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đủ cỡ từ <math>\geq 3</math> lỗ đến <math>\geq 8</math> lỗ, trái/ phải</li> <li>- Đầu nẹp dày 1.2 - 3.5mm, rộng 10 - 25mm</li> <li>- Thân nẹp dày 2.0 - 3.5mm, rộng 10 - 15mm</li> <li>- Có loại mặt lưng, mặt trong và giữa xương lõi cầu cánh tay</li> <li>- Lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm"/ "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác"/ "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>             | Cái         | 9        |
| 151 | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp | <p>Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đầu nẹp có <math>\geq 3</math> lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ <math>\geq 3</math> lỗ đến <math>\geq 10</math> lỗ, trái/ phải.</li> <li>- Đầu nẹp dày : 1.8mm - 2.5mm</li> <li>- Thân nẹp dày : 3.5mm - 4.5mm</li> <li>- Lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Có <math>\geq 2</math> loại hình dạng nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm"/ "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác"/ "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p> | Cái         | 4        |
| 152 | Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng                | <p>Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Đầu nẹp <math>\geq 4</math> lỗ, thân nẹp đủ cỡ từ <math>\geq 3</math> lỗ đến <math>\geq 10</math> lỗ, có loại chiều dài đến 300mm, trái/ phải</li> <li>- Đầu nẹp dày 2.5 - 3.5mm, thân nẹp dày 4.5 - 5mm</li> <li>- Rộng: có 2 dạng đầu nẹp rộng 20 - 25mm và 35- 45mm,</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm"/ "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác"/ "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                 | Cái         | 7        |
| 153 | Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp                    | <p>Vít khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính nhiều cỡ từ 1.5mm - 6.5mm</li> <li>- Chiều dài nhiều cỡ từ 10 - 100mm</li> <li>- Đầu vít có ren khoá, vít tự taro.</li> <li>- Sử dụng với nẹp cùng hãng</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 6        |



| Stt | Tên danh mục                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 154 | Nẹp khóa môm khuỷu, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp                | <p>Nẹp khoá môm khuỷu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Thân nẹp đủ cỡ từ <math>\geq 2</math> lỗ đến <math>\geq 8</math> lỗ, trái/ phải</li> <li>- Dày 2 - 3mm, rộng 10 - 15mm</li> <li>- Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm" / "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" / "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                       | Cái         | 2        |
| 155 | Nẹp khóa xương cẳng tay bản nhỏ, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp   | <p>Nẹp khoá xương cẳng tay bản nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có đủ cỡ từ <math>\geq 4</math> lỗ đến <math>\geq 9</math> lỗ trên toàn bộ nẹp,</li> <li>- Dày 3 - 4mm, rộng 8 - 12mm</li> <li>- Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm" / "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" / "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>           | Cái         | 16       |
| 156 | Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp | <p>Nẹp khoá xương cánh tay (bản hẹp)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có từ <math>\geq 5</math> lỗ đến <math>\geq 12</math> lỗ trên toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Thân nẹp dày 4.5 - 5mm, rộng 10 - 15mm</li> <li>- Lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm" / "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" / "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 4        |
| 157 | Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp                | <p>Nẹp khoá xương đòn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 6</math> lỗ trên toàn bộ nẹp</li> <li>- Dày 3 - 4mm, rộng 8 - 12mm</li> <li>- Lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm" / "Vít khóa đường kính từ 1.5 - 6.5mm" / "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 - 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" / "Vít xương xốp 4.0/ 6.5mm, đầu lục giác"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                | Cái         | 29       |
| 158 | Vít khóa đường kính 4 - 5mm                                     | <p>Vít khóa bắt vào nẹp khóa cố định xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 4 - 5mm, dài <math>\geq 10</math>mm, có cỡ <math>\geq 80</math>mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 375      |
| 159 | Vít khóa đường kính 3 - 4mm                                     | <p>Vít khóa bắt vào nẹp khóa cố định xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 3 - 4mm, dài <math>\geq 10</math>mm, có cỡ <math>\geq 80</math>mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 565      |
| 160 | Vít xoắn đường kính 5 - 6mm                                     | <p>Vít xoắn bắt vào nẹp khóa cố định xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính khoảng 5 - 6mm</li> <li>- Dài <math>\geq 25</math>mm, có cỡ <math>\geq 80</math>mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 365      |



| Stt | Tên danh mục                                                          | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 161 | Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn                        | Nẹp đầu dưới xương chày cố định đầu dưới xương chày<br>- Chất liệu Titanium (TiAl6V4)<br>- Độ dày ≤ 3.0mm<br>- Đầu nẹp rộng khoảng 20mm đến ≤ 30mm<br>- Thân nẹp rộng 15.0 - 20mm<br>- Có đủ cỡ từ 5 lỗ đến ≥ 10 lỗ, lỗ khóa đơn hình tròn<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 10       |
| 162 | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn                    | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi cố định đầu dưới xương đùi<br>- Chất liệu Titanium (TiAl6V4)<br>- Độ dày: 5 - 6mm, rộng thân nẹp 15-20mm, rộng đầu nẹp 35-45mm<br>- Số lỗ: ≥ 5 lỗ đầu nẹp, đủ cỡ từ ≥ 5 lỗ đến ≥ 10 lỗ thân nẹp<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                | Cái         | 14       |
| 163 | Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lồng, lỗ khóa đơn hình tròn          | Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lồng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 2 - 3mm, bề rộng phần đầu nẹp 20 - 25mm, bề rộng phần thân nẹp 8 - 12mm<br>- Lỗ khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ ≥ 3 lỗ đến ≥ 8 lỗ<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                        | Cái         | 25       |
| 164 | Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn               | Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày nẹp 3 - 5mm<br>- Rộng đầu nẹp 20 - 25mm<br>- Lỗ vít khóa đơn hình tròn, đầu nẹp có ≥ 4 lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ ≥ 5 lỗ đến ≥ 14 lỗ<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                          | Cái         | 10       |
| 165 | Nẹp khóa đầu trên xương chày cố định mặt ngoài                        | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày 3 - 4mm, rộng đầu nẹp 30 - 35mm, rộng thân nẹp 13-18mm<br>- Đầu nẹp có ≥ 3 lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ ≥ 3 lỗ đến ≥ 10 lỗ<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                | Cái         | 10       |
| 166 | Nẹp khóa đầu trên xương chày cố định mặt trong, lỗ khóa đơn hình tròn | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày 3 - 4mm, bề rộng đầu nẹp 25 - 30mm, bề rộng thân nẹp 13 - 16mm<br>- Lỗ vít khóa hình tròn, đầu nẹp có ≥ 3 lỗ, thân nẹp đủ cỡ từ ≥ 3 đến ≥ 10 lỗ<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                       | Cái         | 14       |
| 167 | Nẹp khóa khớp cùng đòn, lỗ khóa đơn hình tròn                         | Nẹp khóa khớp cùng đòn<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày 3.0 - 5.0mm<br>- Chiều dài móc 15- 20mm<br>- Độ sâu của móc 15 - 25mm<br>- Có ≥ 3 lỗ thân nẹp<br>- Lỗ vít khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ 3 lỗ đến 6 lỗ trên thân nẹp<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                    | Cái         | 24       |



| Stt | Tên danh mục                                             | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 168 | Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đơn hình tròn                | Vít khóa bắt vào nẹp khóa cố định xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3 - 4mm, dài $\geq 10$ mm, có cỡ $\geq 80$ mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 17       |
| 169 | Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn              | Nẹp khóa mắt cá chân<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày nẹp: 2 - 3mm, bề rộng đầu nẹp: 15 - 18mm, bề rộng thân nẹp: 8 - 12mm, thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 8$ lỗ.<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                               | Cái         | 20       |
| 170 | Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T                    | Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T<br>- Chất liệu Titanium<br>- Nẹp dày 1 - 1.5mm, rộng đầu nẹp 10 - 14mm, rộng thân nẹp 4-6mm<br>- Thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 2$ lỗ đến $\geq 6$ lỗ, khoảng cách giữa các lỗ 4 - 6mm<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 8        |
| 171 | Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng thẳng                    | Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng thẳng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Nẹp dày 1 - 1.5mm<br>- Thân nẹp rộng 4 - 6mm, có đủ cỡ từ $\geq 3$ lỗ đến $\geq 6$ lỗ<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                       | Cái         | 8        |
| 172 | Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn                     | Nẹp khóa xương cẳng tay(nẹp bàn nhỏ) cố định xương trụ, quay<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 3 - 4mm, rộng 10 - 13mm, có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 12$ lỗ trên toàn bộ nẹp<br>- Lỗ khóa đơn hình tròn<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                    | Cái         | 29       |
| 173 | Nẹp khóa xương cánh tay (bàn hẹp), lỗ khóa đơn hình tròn | Nẹp khóa xương cánh tay (bàn hẹp)<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 3 - 5mm, rộng 12 - 15mm, có đủ cỡ từ $\geq 6$ đến $\geq 12$ lỗ trên toàn bộ nẹp<br>- Lỗ khóa đơn hình tròn<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                  | Cái         | 15       |
| 174 | Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn                | Nẹp khóa xương đòn<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 3 - 4mm, rộng 8 - 11mm<br>- Lỗ vít khóa đơn hình tròn, có đủ cỡ từ $\geq 6$ lỗ đến $\geq 9$ lỗ trên toàn bộ nẹp<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                            | Cái         | 52       |



| Stt | Tên danh mục                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 175 | Nẹp khóa xương đùi (bán rộng), lỗ khóa đơn hình tròn                              | Nẹp khóa xương đùi (bán rộng)<br>- Chất liệu Titanium<br>- Độ dày 5 - 6mm<br>- Bề rộng 15 - 18mm<br>- Lỗ vít khóa đơn hình tròn, có đủ cỡ từ $\geq 7$ lỗ đến $\geq 12$ lỗ trên toàn bộ thân nẹp<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                     | Cái         | 6        |
| 176 | Nẹp mắt xích tạo hình, lỗ khóa đơn hình tròn                                      | Nẹp mắt xích tạo hình cố định xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 2 - 3mm, rộng nẹp 8 - 12mm, có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 12$ lỗ trên toàn bộ nẹp<br>- Lỗ khóa đơn hình tròn<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm/Vít khóa đường kính 3 - 4mm/Vít xoắn đường kính 5 - 6mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                               | Cái         | 42       |
| 177 | Nẹp khóa đầu trên trong/ngoài xương chày, vít khóa đa hướng                       | Nẹp khóa đầu trên trong/ngoài xương chày<br>- Chất liệu: hợp kim Titanium<br>- Nẹp có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 9$ lỗ, trái/phải, chiều rộng nẹp 10 - 14mm, độ dày nẹp 2 - 3.5mm<br>- Thiết kế: lỗ vít đa hướng $\geq 15$ độ. Lỗ bắt vít hình giọt nước phù hợp cho lựa chọn bắt vít khóa hoặc vít vò<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 7        |
| 178 | Vít khóa đa hướng đường kính 3 - 4mm                                              | Vít khóa đa hướng<br>- Chất liệu Titanium (Ti6Al4V)<br>- Đường kính 3 - 4mm<br>- Chiều dài $\geq 10$ mm, có cỡ $\geq 80$ mm<br>- Góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên trong/ngoài xương chày, vít khóa đa hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                          | Cái         | 240      |
| 179 | Vít khóa đa hướng đường kính 4 - 6mm                                              | Vít khóa đa hướng<br>- Chất liệu Titanium (Ti6Al4V)<br>- Đường kính khoảng 4 - 6mm<br>- Chiều dài $\geq 15$ mm, có cỡ $\geq 80$ mm<br>- Góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên trong/ngoài xương chày, vít khóa đa hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                   | Cái         | 60       |
| 180 | Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp | Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay<br>- Chất liệu Titanium<br>- Thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 3$ lỗ đến $\geq 10$ lỗ.<br>- Dày 3 - 4.5mm, rộng 10 - 15mm<br>- Sử dụng với vít khóa 3 - 3.5mm, có lỗ khóa đôi đa hướng toàn bộ thân nẹp ( $\geq 15$ độ)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                     | Cái         | 7        |
| 181 | Vít vò đường kính 3 - 4mm                                                         | Vít vò dùng bắt vào nẹp khóa cố định xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3 - 4mm<br>- Dài $\geq 10$ mm, có cỡ $\geq 50$ mm<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                  | Cái         | 390      |

| Stt | Tên danh mục                                                         | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 182 | Vít vò đường kính 4 - 5mm                                            | Vít vò dùng bắt vào nẹp khóa cố định xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4 - 5mm<br>- Dài $\geq 10\text{mm}$ , có cỡ $\geq 80\text{mm}$<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 310      |
| 183 | Vít xóp đường kính 3 - 4mm                                           | Vít xóp bắt vào nẹp khóa cố định xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3 - 4mm<br>- Dài $\geq 10\text{mm}$ , có cỡ $\geq 50\text{mm}$<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                     | Cái         | 305      |
| 184 | Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$         | Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 2 - 3mm, dài $\geq 5\text{mm}$ , có cỡ $\geq 40\text{mm}$<br>- Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 160      |
| 185 | Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$         | Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3 - 4mm, dài $\geq 10\text{mm}$ , có cỡ $\geq 80\text{mm}$<br>- Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 120      |
| 186 | Vít khóa đường kính 4 - 6mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$         | Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4 - 6mm, dài $\geq 10\text{mm}$ , có cỡ $\geq 80\text{mm}$<br>- Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 20       |
| 187 | Vít vò xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ | Vít vò xương dùng trong phẫu thuật kết hợp xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 2.7mm - 3.5mm<br>- Dài $\geq 5\text{mm}$ , có cỡ $\geq 50\text{mm}$<br>- Vít tự tạo ren, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 60       |
| 188 | Nẹp đầu dưới xương chày, 240 - 260mm, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp  | Nẹp đầu dưới xương chày cố định mặt ngoài đầu dưới xương chày<br>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ<br>- Dài $\geq 220\text{mm}$<br>- Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp<br>- Đầu nẹp có $\geq 7$ lỗ khóa<br>- Thân nẹp có $\geq 8$ lỗ khóa và $\geq 1$ lỗ nén ép<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vò xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 189 | Nẹp đầu dưới xương chày, dài 130 - 190mm, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp | Nẹp đầu dưới xương chày cố định đầu dưới xương chày<br>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ<br>- Dài $\geq 120$ mm<br>- Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp<br>- Đầu nẹp có $\geq 7$ lỗ khóa<br>- Thân nẹp có đủ cỡ từ 4 đến $\geq 6$ lỗ khóa và 1-2 lỗ nén ép<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                  | Cái         | 3        |
| 190 | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp              | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi cố định đầu dưới xương đùi<br>- Chất liệu thép không gỉ, ron vít bằng Titanium<br>- Đầu nẹp có $\geq 7$ lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 8$ lỗ khóa<br>- Có ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 4        |
| 191 | Nẹp khóa đầu dưới xương quay, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp             | Nẹp khóa đầu dưới xương quay cố định xương gầy đầu dưới xương quay<br>- Chất liệu : Titanium<br>- Đầu nẹp có $\geq 6$ lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 2$ lỗ đến $\geq 5$ lỗ khóa<br>- Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu hình nón côn.<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                 | Cái         | 15       |
| 192 | Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay                                  | Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay<br>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium<br>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn Đầu nẹp có 3 - 4 lỗ khóa, thân nẹp có 4 - 7 lỗ khóa<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                    | Cái         | 6        |
| 193 | Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay                              | Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay<br>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, Ron vít bằng Titanium<br>- Đầu nẹp có $\geq 4$ lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 7$ lỗ khóa.<br>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                          | Cái         | 6        |
| 194 | Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn dạng móc, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp    | Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3 - 4mm, dài $\geq 10$ mm, có cỡ $\geq 80$ mm<br>- Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 7        |
| 195 | Nẹp khóa mắt cá chân, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                     | Nẹp khóa mắt cá chân<br>- Chất liệu bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium<br>- Đầu nẹp có $>3$ lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 3$ lỗ đến $>5$ lỗ khóa .<br>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.<br>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ "<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                           | Cái         | 11       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 196 | Nẹp khóa xương cẳng tay, thép không gỉ, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                       | <p>Nẹp khóa xương cẳng tay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ, ron vít bằng Titanium</li> <li>- Thân có đủ cỡ từ <math>\geq 4</math> lỗ đến <math>\geq 6</math> lỗ khóa.</li> <li>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>" / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 7        |
| 197 | Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                            | <p>Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium</li> <li>- Thân nẹp có đủ cỡ từ <math>\geq 8</math> lỗ khóa</li> <li>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>" / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>      | Cái         | 2        |
| 198 | Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi                                                 | <p>Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium</li> <li>- Thân nẹp có <math>\geq 14</math> lỗ khóa</li> <li>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>" / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>    | Cái         | 5        |
| 199 | Nẹp khóa xương gót, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                                           | <p>Nẹp khóa xương gót</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Có <math>\geq 10</math> lỗ khóa trên toàn bộ nẹp</li> <li>- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn.</li> <li>- Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm/3 - 4mm/4 - 6mm/, đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>" / "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm, 3.5mm đầu vít hình nón <math>\geq 2^\circ</math>"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                          | Cái         | 2        |
| 200 | Nẹp khóa đầu trên xương đùi có chụp mấu chuyển                                              | <p>Nẹp khóa đầu trên xương đùi có chụp mấu chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: đủ cỡ từ 2 lỗ đến <math>\geq 12</math> lỗ, bước tăng 1 lỗ</li> <li>- Nẹp có kết nối vào nẹp khóa chụp mấu chuyển, có lỗ bắt dây cáp neo trên thân nẹp. Dùng vít để cố định chụp mấu chuyển. Loại trái/ phải</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                              | Cái         | 3        |
| 201 | Nẹp khóa chụp mấu chuyển xương đùi                                                          | <p>Nẹp khóa chụp mấu chuyển xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Kích thước: có <math>\geq 3</math> lỗ</li> <li>- Nẹp khóa chụp mấu chuyển kết nối vào nẹp khóa đầu trên xương đùi, có móc chụp vào mấu chuyển</li> <li>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương đùi có chụp mấu chuyển"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                                                                                                         | Cái         | 3        |
| 202 | Vít khóa xương cứng, đầu vít đường kính 3.5mm, đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi | <p>Vít khóa xương cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Kích thước: Đường kính 5.0mm, tự tào, dài từ <math>\geq 15</math>mm, có cỡ <math>\geq 60</math>mm</li> <li>- Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren, đường kính 3.5mm. Phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi.</li> <li>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương đùi có chụp mấu chuyển"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p>                                                    | Cái         | 27       |



| Stt | Tên danh mục                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 203 | Vít xoắn Titanium, đường kính 4.0mm                           | Vít xoắn<br>- Chất liệu Titanium<br>- Kích thước: Đường kính 4.0mm, tự taro, dài từ $\geq 30$ mm, có cỡ $\geq 70$ mm<br>- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương đùi có chụp mẫu chuyên"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 15       |
| 204 | Vít xoắn đường kính 5 - 6mm, đầu vít dạng sao, dài 30 → 110mm | Vít xoắn dùng cố định nẹp<br>- Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V<br>- Đường kính 5 - 6mm, chiều dài từ 30mm đến 110mm, bước tăng 5mm<br>- Đầu vít đường kính 8.0 - 8.5mm, đường kính lõi 3.0 - 3.5mm<br>- Thiết kế: đầu vận hình ngôi sao tự taro, ren toàn phần và bán phần<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                 | Cái         | 50       |
| 205 | Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương đùi, lỗ vít đa hướng   | Nẹp đầu dưới xương đùi<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Kích thước: Đủ cỡ từ $\geq 6$ lỗ đến $\geq 12$ lỗ. Chiều rộng nẹp 15 - 20mm, độ dày nẹp 4.5 - 6mm<br>- Thiết kế lỗ vít đa hướng $\geq 15$ độ bất kỳ; Thiết kế trái- phải<br>- Lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vô.<br>- Tương thích với "Vít xoắn đường kính 5 - 6mm, đầu vít dạng sao, dài 30 → 110mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                               | Cái         | 5        |
| 206 | Vít vô đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 → 80mm    | Vít vô dùng cố định nẹp<br>- Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V<br>- Đường kính 3 - 4mm, chiều dài đủ cỡ từ $\geq 10$ mm, có cỡ $\geq 70$ mm<br>- Thiết kế: đầu vận hình ngôi sao tự taro<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                     | Cái         | 20       |
| 207 | Vít vô đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm    | Vít vô dùng cố định nẹp<br>- Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V<br>- Đường kính 4 - 5mm, chiều dài $\geq 15$ mm, có cỡ $\geq 80$ mm<br>- Thiết kế: đầu vận hình ngôi sao, tự taro<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 15       |
| 208 | Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn, lỗ vít đa hướng                 | Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn, lỗ vít đa hướng<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Thân nẹp có đủ cỡ từ $\geq 3$ lỗ đến $\geq 7$ lỗ trái - phải.<br>- Độ dày nẹp 3 - 3.5mm, chiều rộng 8 - 12mm.<br>- Thiết kế lỗ vít đa hướng $\geq 15$ độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vô.<br>- Tương thích với "Vít vô đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 → 80mm"/ "Vít vô đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 9        |
| 209 | Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đa hướng                          | Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đa hướng<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Kích thước: Nẹp có đủ cỡ từ $\geq 4$ lỗ đến $\geq 12$ lỗ, chiều rộng nẹp 8 - 10mm, độ dày nẹp 1.0 - 1.2mm<br>- Thiết kế: Lỗ khóa đa hướng $\geq 15$ độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vô.<br>- Tương thích với "Vít vô đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 → 80mm"/ "Vít vô đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)            | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                          | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 210 | Nẹp khóa mắt xích, lỗ vít đa hướng                                                    | <p>Nẹp khóa mắt xích, lỗ vít đa hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: Nẹp có đủ cỡ từ <math>\geq 4</math> đến <math>\geq 12</math> lỗ, . Độ dày nẹp 3 - 3.5mm, chiều rộng nẹp 8 - 12mm.</li> <li>- Thiết kế lỗ vít đa hướng <math>\geq 15</math> độ bất kỳ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò.</li> <li>- Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 <math>\rightarrow</math> 80mm"/ "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                         | Cái         | 2        |
| 211 | Nẹp khóa môm khuỷu, lỗ vít đa hướng                                                   | <p>Nẹp khóa môm khuỷu dùng cố định gãy đầu trên lưng xương trụ, môm khuỷu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: đủ cỡ từ <math>\geq 3</math> lỗ đến <math>\geq 6</math> lỗ, Độ dày nẹp 2.5 - 3.5mm, chiều rộng nẹp 10 - 15mm</li> <li>- Thiết kế lỗ vít đa hướng <math>\geq 15</math> độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò.</li> <li>- Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 <math>\rightarrow</math> 80mm"/ "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 2        |
| 212 | Nẹp khóa xương đòn, lỗ vít đa hướng                                                   | <p>Nẹp khóa xương đòn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Nẹp có đủ cỡ từ <math>\geq 6</math> lỗ đến <math>\geq 10</math> lỗ trái/phải, chiều rộng 9 - 13mm</li> <li>- Thiết kế lỗ vít đa hướng <math>\geq 15</math> độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò.</li> <li>- Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 <math>\rightarrow</math> 80mm"/ "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài 14 - 90mm"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                            | Cái         | 10       |
| 213 | Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1.2-1.4mm                                           | <p>Nẹp khóa xương bàn ngón chân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Độ dày 1 - 1.4mm, có <math>\geq 5</math> hình dạng nẹp khác nhau</li> <li>- Dừng vít 1.8 - 2.2mm</li> <li>- Có đủ cỡ lỗ từ <math>\geq 4</math> lỗ đến <math>\geq 10</math> lỗ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 10       |
| 214 | Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.8 - 1.0mm                                            | <p>Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Độ dày 0.7 - 1mm, có <math>\geq 5</math> hình dạng nẹp khác nhau</li> <li>- Dừng vít 1.4 - 2.0mm</li> <li>- Có từ <math>\geq 3</math> lỗ, có cỡ <math>\geq 8</math> lỗ</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 17       |
| 215 | Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V | <p>Nẹp khóa mắt cá trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Có <math>\geq 4</math> cỡ từ <math>\geq 4</math> lỗ</li> <li>- Đầu nẹp có <math>\geq 7</math> lỗ, có lỗ vít nén và vít khóa xen kẽ</li> <li>- Loại trái/ phải</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 10       |
| 216 | Vít khóa 1.5mm, đầu chữ thập                                                          | <p>Vít khóa tự taro, đầu chữ thập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Đường kính 1.5mm</li> <li>- Dài từ <math>\geq 5</math>mm, có cỡ <math>\geq 20</math>mm</li> <li>- Tương thích với nẹp "Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1.2-1.4mm"/ "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.8-1.0mm" / "Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V"</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                       | Cái         | 90       |
| 217 | Vít khóa 2.0mm, đầu chữ thập                                                          | <p>Vít khóa tự taro, đầu chữ thập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Đường kính 2.0mm</li> <li>- Dài <math>\geq 5</math>mm, có cỡ <math>\geq 20</math>mm</li> <li>- Tương thích với nẹp "Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1.2-1.4mm"/ "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.8-1.0mm" / "Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V"</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                          | Cái         | 70       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 218 | Vít vò 2.0mm, đầu lục giác                                                                      | Vít vò bắt vào xương cứng, đầu lục giác<br>- Chất liệu: hợp kim Ti6Al4V<br>- Đường kính vít 2.0mm, đường kính đầu vít 4.0mm<br>- Chiều dài vít từ ≥ 5mm, có cỡ ≥ 20mm, bước tăng 2mm<br>- Tương thích với nẹp "Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1.2-1.4mm" / "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.8-1.0mm" / "Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V"<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 100      |
| 219 | Nẹp khóa mỏm khuỷu có móc                                                                       | Nẹp khóa mỏm khuỷu có móc<br>- Chất liệu: Ti6Al4V<br>- Có ≥ 5 cỡ, từ ≥ 2 lỗ, có cỡ ≥ 10 lỗ<br>- Thiết kế: Loại trái/ phải. Có móc<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 2        |
| 220 | Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren                                             | Vít khóa động tự taro, đầu hình sao<br>- Chất liệu: Ti6Al4V<br>- Dài ≥ 15mm, có cỡ ≥ 50mm<br>- Phần gần đầu vít không có ren, đường kính 3.5mm<br>- Phần đuôi vít đường kính 5.0mm . thiết kế 3 lưỡi<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 80       |
| 221 | Vít vò động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren                                               | Vít vò động tự taro, đầu hình sao<br>- Chất liệu: Ti6Al4V<br>- Dài ≥ 15mm, có cỡ ≥ 50mm<br>- Phần gần đầu vít không ren, đường kính 3.5mm<br>- Phần đuôi vít đường kính 4.5mm, thiết kế 3 lưỡi<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 20       |
| 222 | Bộ bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm vít đa trục bơm xi măng bắt qua da trong phẫu thuật cột sống | Bộ bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm vít đa trục bơm xi măng bắt qua da trong phẫu thuật cột sống<br>- Bộ trộn kín được làm bằng nhựa trong đó nắp có khóa và có 1 quả bóng bằng kim loại.<br>- Có tay cầm, 1 bơm tiêm, ống nối dài ≥ 20cm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ          | 7        |
| 223 | Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống không bóng       | Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống không bóng<br>- Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận :<br>+ 01 bộ trộn có lưỡi dao trộn, có cửa sổ để lắp bơm tiêm<br>+ 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn<br>+ 01 pittong đẩy xi măng vào bơm tiêm<br>+ 01 bơm tiêm chứa xi măng được kết nối với bộ trộn<br>+ 01 tay cầm được sử dụng với bơm tiêm<br>+ 01 ống nối kéo dài<br>- Hệ thống bơm có van an toàn<br>- Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120bars)<br>- Có chức năng tự động điều chỉnh áp lực bơm.<br>- Dung tích bơm tối đa hơn 10ml<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 3        |
| 224 | Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm                                                      | Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm<br>- Thành phần gồm:<br>+ 01 đầu nối chuyên dụng Luer<br>+ 01 bộ trộn<br>+ 01 phễu rót<br>+ 01 thìa khuấy<br>+ 04 bơm tiêm<br>+ Súng bơm áp lực cao<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ          | 30       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 225 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực theo dòng chảy kèm catheter não thất, đường kính trong 1.6 - 1.9mm                                | Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài<br>1. Dây dẫn: dài 150 - 200cm<br>2. Túi chứa dịch não tủy, thể tích chứa 500 - 700ml<br>3. Van chống trào ngược, khóa 4 chiều giúp kiểm soát dòng chảy dịch não tủy<br>4. Thang đo áp lực dẫn lưu dịch: 30 cmH <sub>2</sub> O và 20 mmHg<br>5. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài 30 - 40cm, đường kính trong 1.6 - 1.9mm, đường kính ngoài 3.0 - 3.3mm<br>6. Trocar: 10Fr, dài ≥ 15cm<br>7. Dụng cụ đặt catheter não thất bằng thép không gỉ, dài ≥ 38cm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                   | Bộ          | 10       |
| 226 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực theo dòng chảy kèm catheter não thất, đường kính trong ≤ 1.5mm                                    | Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài<br>1. Dây dẫn: kết nối một đầu với catheter não thất và đầu còn lại với thang đo thông qua van khoá, dài 30 - 100cm, chất liệu nhựa hoặc tương đương<br>2. Túi chứa: chứa dịch não tủy, thể tích chứa 500 - 700ml<br>3. Van điều chỉnh dòng chảy: giúp khoá mở dòng chảy dịch não tủy<br>4. Thang đo áp lực dẫn lưu dịch: 0 - 25 mmHg hoặc tương đương<br>5. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài 30 - 40cm, đường kính trong ≤ 1.5mm, đường kính ngoài ≤ 2.8mm<br>6. Trocar: đặt vào lỗ dây dẫn lúc đặt vào não thất, chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, chiều dài tương ứng với catheter não thất<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Bộ          | 24       |
| 227 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất vào màng bụng có phủ kháng sinh, van thanh có bộ điều chỉnh áp lực từ bên ngoài thích hợp người lớn và trẻ em có 5 mức áp lực | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất vào màng bụng có phủ kháng sinh<br>1. Chất liệu bộ dẫn lưu bằng Polypropylene và Acetalplastic cùng với màn chắn bằng silicone<br>2. Catheter và dây dẫn phủ thuốc kháng sinh Rifampicin và Clindamycin, có đường kính trong ≤ 1.3mm, đường kính ngoài ≤ 2.5mm<br>- Catheter não thất dài ≥ 23cm<br>- Catheter ổ bụng dài ≥ 120cm<br>3. Van có thể chỉnh áp lực từ 0 - 20 mmHg hoặc tương đương<br>4. Dây dẫn vào ổ bụng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ          | 20       |
| 228 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van điều chỉnh áp lực từ bên ngoài, có 6 mức áp lực                                                             | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng, có thể điều chỉnh được áp lực van<br>1. Chất liệu bộ dẫn lưu bằng Titanium<br>2. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài 10 - 15 cm<br>3. Van điều chỉnh tối thiểu 17mm, van hấp dẫn ≥ 15mm, có 6 mức áp lực van<br>4. Ống thông xa tích hợp dài 1200mm. Ống thông tâm thất dài 250 mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ          | 7        |
| 229 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van phẳng dính liền dây dẫn lưu, mức áp lực cố định trung bình và thấp                                          | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng<br>1. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài ≥ 18cm<br>2. Van kiểm soát trào ngược bằng silicone, cài đặt mức áp lực mặc định thấp (0.5 - 5cmH <sub>2</sub> O) hoặc trung bình (5.1 - 10cmH <sub>2</sub> O)<br>3. Dây dẫn vào ổ bụng: chất liệu silicone, dài ≥ 120cm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | -        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 230 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài có thang đo áp lực cột nước                                     | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài dùng trong dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy từ khoang dưới nhện thất lưng<br>1. Catheter thất lưng: đặt vào khoang dưới nhện, chất liệu silicone, dài $\geq 80\text{cm}$<br>2. Kim chọc dò thất lưng: chất liệu thép không gỉ<br>3. Van chống trào ngược có cổng lấy mẫu<br>4. Van khoá<br>5. Buồng dẫn lưu thể tích $\geq 50\text{ml}$ , thể tích túi chứa dịch $\geq 700\text{ml}$ có tích hợp thang đo theo mmHg và cmH <sub>2</sub> O<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 70       |
| 231 | Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài với buồng dẫn lưu áp lực khoảng 120mL có khả năng theo dõi dòng chảy            | Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài có khả năng theo dõi dòng chảy<br>1. Catheter bằng silicone phủ barium<br>- Chiều dài catheter $\geq 80\text{cm}$<br>- Đường kính trong 0.6 - 0.8mm; đường kính ngoài $\geq 1.5\text{mm}$<br>- Dung tích 0.30 - 0.31ml<br>2. Buồng dẫn lưu áp lực 120mL<br>3. Kim chọc dò 14G, dài 8 - 10cm<br>4. Túi chứa dịch $\geq 700\text{ml}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                          | Bộ          | 70       |
| 232 | Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất, cỡ 4Fr                                                                      | Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ<br>- Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến<br>- Kiểu cáp quang 4Fr<br>- Tương thích với máy ICP Camino của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ          | 2        |
| 233 | Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não, cỡ 4Fr                                                                    | Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ<br>- Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến<br>- Kiểu cáp quang 4Fr<br>- Tương thích với máy ICP Camino của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 18       |
| 234 | Bộ đo áp lực nội sọ và dẫn lưu não thất                                                                       | Bộ đo áp lực nội sọ và dẫn lưu não thất dùng trong phẫu thuật sọ não<br>1. Bộ chuyển đổi áp lực (DPT) để đo tăng áp lực nội sọ (ICP)<br>2. Khoang kiểm soát dịch dẫn lưu: Thể tích $\geq 100\text{ml}$ .<br>3. Van đối lưu không khí kháng khuẩn, van điều lưu 1 chiều chống trào ngược, tiếp hợp chống xoắn dạng chữ L<br>4. Thang áp lực kép với 2 loại đơn vị mmHg và cmH <sub>2</sub> O<br>5. Thể tích túi dẫn lưu $\geq 800\text{ml}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                              | Bộ          | 15       |
| 235 | Bộ tạo lối vào cho nội soi cột sống qua lỗ liên hợp                                                           | Bộ tạo lối vào cho nội soi cột sống qua lỗ liên hợp<br>1. Kim cỡ 20G và 21G<br>2. Bơm tiêm 2ml, 5ml, 10ml<br>3. Kim chọc tiêm thuốc cân quang cỡ 18G và 21G<br>4. Có 3 cỡ ống doa, chất liệu bằng thép không gỉ<br>5. Có que dẫn đường, chất liệu bằng nitinol<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                          | Bộ          | 5        |
| 236 | Bộ kít dẫn đường nội soi và lưỡi cắt đốt dùng để đốt và cầm máu bằng sóng cao tần dùng trong nội soi cột sống | Bộ kít dẫn đường nội soi và lưỡi cắt đốt dùng để đốt và cầm máu bằng sóng cao tần dùng trong nội soi cột sống<br>- Bộ kít dẫn đường nội soi gồm 2 thanh dẫn hướng, nòng mũi bằng, nòng mũi vác nhọn, ống nong, nút chặn nòng<br>- Điện cực đường kính tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc $\geq 232\text{mm}$ , đầu dao đốt uốn được, điều khiển trực tiếp trên tay cầm<br>- Tương thích với máy đốt ARS600 của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                           | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 237 | Bộ nạp thuốc cho bơm dẫn truyền nội tủy sống                                     | Bộ nạp thuốc cho bơm dẫn truyền nội tủy dùng trong phẫu thuật bơm kênh tủy điều trị co cứng cơ<br>1. Kim 22G x 1.5/2.0"<br>2. Ống nối dài<br>3. Phễu lọc 0.22micron<br>4. Bơm tiêm 20ml<br>5. Bảng dẫn<br>6. Tấm phủ<br>- Tương thích với bơm dẫn truyền nội tủy sống loại 20ml, 40ml<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 1        |
| 238 | Bộ nẹp vít cố định sọ, đường kính 1.5/1.7mm                                      | Bộ nẹp vít cố định sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu bằng Titanium<br>- Gồm 3 nẹp thẳng và 6 vít tự khoan đường kính 1.5/ 1.7mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                  | Bộ          | 15       |
| 239 | Bộ nẹp vít gồm 1 nẹp tròn, 6 vít                                                 | Bộ nẹp vít và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Gồm 1 nẹp tròn 6 lỗ, kèm 6 vít<br>- Bề dày bản nẹp khoảng 0.25/0.5mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                               | Cái         | 10       |
| 240 | Bộ nẹp vít và sọ, đường kính khoảng 2.0mm                                        | Bộ nẹp vít và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Kích thước: dày khoảng 1.0mm, đường kính lỗ nẹp khoảng 2.0mm<br>- Gồm 1 nẹp sọ thẳng 16 lỗ, và 10 vít và sọ<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                        | Bộ          | 40       |
| 241 | Bộ lập chương trình cho người bệnh đặt điện cực kích thích não sâu               | Bộ lập chương trình cho người bệnh đặt điện cực kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động<br>- Dùng chỉnh sửa các thông số, dành cho người bệnh<br>- Gồm thiết bị, bao da, pin gắn vào sản phẩm, tiện dụng khi mang bên người<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                     | Bộ          | 5        |
| 242 | Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần                     | Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, pin sạc nhiều lần dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Tuổi thọ sản phẩm từ 9 - 10 năm<br>- Loại có thể sạc không dây qua da nhiều lần<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                          | Bộ          | 3        |
| 243 | Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, không sạc lại                    | Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, không sạc lại dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động, dành cho người bệnh bị Parkinson cần thay pin<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Tuổi thọ sản phẩm từ 4 - 5 năm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                | Bộ          | 1        |
| 244 | Bộ sạc pin dùng cho bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần | Bộ sạc pin dùng cho thiết bị cấy ghép DBS dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động<br>- Kết nối không dây qua dây đeo, tiện sử dụng cho người bệnh<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                  | Cái         | 3        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                   | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 245 | Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều khiển trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), không sạc lại                      | Bộ thiết bị kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động<br>1. Dây cáp kết nối vi điện cực<br>2. Vi điện cực kích thích não sâu<br>3. Bộ đầu điện cực kích thích não sâu, dài khoảng 40cm<br>4. Bộ dây nối dài điện cực, dài khoảng 60cm<br>5. Dụng cụ tạo đường hầm<br>6. Thiết bị kiểm tra tín hiệu điện trở<br>7. Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích não sâu, loại không sạc lại được, tuổi thọ trung bình $\geq 5$ năm<br>8. Thiết bị điều chỉnh pin dành cho người bệnh<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                          | Bộ          | 4        |
| 246 | Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều khiển trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), pin sạc sử dụng nhiều lần          | Bộ thiết bị kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động<br>1. Dây cáp kết nối vi điện cực<br>2. Vi điện cực kích thích não sâu<br>3. Bộ đầu điện cực kích thích não sâu, dài khoảng 40cm<br>4. Bộ dây nối dài điện cực, dài khoảng 60cm<br>5. Dụng cụ tạo đường hầm<br>6. Thiết bị kiểm tra tín hiệu điện trở<br>7. Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích não sâu, loại sạc lại được, tuổi thọ trung bình 9 - 10 năm<br>8. Thiết bị điều chỉnh pin dành cho người bệnh<br>9. Bộ thiết bị sạc pin di động cho người bệnh<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Bộ          | 3        |
| 247 | Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van dạng bóng, điều chỉnh được áp lực bên ngoài, 4 mức áp lực 10 - 400mmH <sub>2</sub> O | Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng điều chỉnh áp lực bên ngoài dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng<br>Bao gồm: catheter, van, dây dẫn<br>- Catheter, van và dây dẫn dịch bằng polypropylene với màng chắn silicone chống dính<br>- Van có thể điều chỉnh bằng bộ điều khiển bên ngoài 4 hệ áp lực từ 10 - 400mmH <sub>2</sub> O<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                | Bộ          | 10       |
| 248 | Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van điều chỉnh áp lực bên ngoài, có 5 mức áp lực                                         | Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng van có thể điều chỉnh áp lực, có khoá chống ngoại lực dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng<br>- Catheter, van và dây dẫn dịch bằng polypropylene với màng chắn silicone chống dính<br>1. Catheter não thất dài 20 - 25cm, đường kính trong 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài khoảng 2.5mm<br>2. Van dạng bóng có lõi: không bị tác động bởi từ trường, áp lực từ 30 - 200mmH <sub>2</sub> O. Đường kính van 15 - 17mm<br>3. Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 100 - 120cm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Bộ          | 10       |
| 249 | Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng có van kiểm soát hiện tượng thay đổi áp lực theo tư thế                                    | Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng<br>1. Chất liệu bộ van dẫn lưu bằng phi kim loại<br>- Có 3 loại áp lực: 1; 1.5 và 2<br>2. Catheter phủ lớp cản quang, kèm phụ kiện cố định chống xoắn<br>3. Van 2 đầu rời<br>4. Có thiết bị kiểm soát hiện tượng siphon<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                   | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 250 | Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng, có thể điều chỉnh áp lực                                  | <p>Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm hệ thống bóng và van áp lực hình nón, màng kiểm soát siphon</li> <li>1. Catheter được phủ barium, đường kính trong 1.3mm; đường kính ngoài 2.5mm</li> <li>- Kích thước van là 35 x 13 x 7mm/ 47 x 16 x 7mm.</li> <li>- Chiều dài catheter não thất <math>\geq 23</math>cm, catheter ổ bụng <math>\geq 90</math>cm</li> <li>2. Van có lớp nền bằng polypropylene và acetalplastic, lớp vòm bằng silicone, đánh dấu cân quang bằng tantalum</li> <li>- Có 5 mức áp lực: 0.5; 1.0; 1.5; 2.0; 2.5</li> <li>- Có van kiểm tra khả năng nghẹt van trước và sau khi đặt Shunt</li> <li>- Có van điều chỉnh mức áp lực sau mổ</li> <li>- Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3.0 Tesla</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO</p> | Bộ          | 5        |
| 251 | Bơm dẫn truyền nội tủy sống điều trị co cứng cơ, loại 20ml, 40ml                                               | <p>Bơm dẫn truyền nội tủy sống loại 20ml, 40ml dùng trong phẫu thuật bơm kênh tủy điều trị co cứng cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim chọc 22G, 24G 1.5", thể tích <math>\geq 20</math>ml, 40ml</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái         | 1        |
| 252 | Bóng dẫn lưu não thất tạo đường truyền liên tục                                                                | <p>Bóng dẫn lưu não thất tạo đường truyền liên tục dùng trong các trường hợp điều trị viêm màng não nặng, viêm não thất cần truyền kháng sinh trực tiếp vào não thất</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Catheter não thất</li> <li>2. Bóng Silicon dẫn lưu kiểu Burr hole đường kính ngoài <math>\geq 2.2</math>cm, đường kính trong <math>\leq 1.5</math>cm, chiều cao bóng ngoài <math>\geq 6</math>mm và chiều cao trong <math>\leq 5.8</math>mm</li> <li>3. Có đầu nối, đường kính trong <math>\leq 1.1</math>mm, đường kính ngoài <math>\geq 1.9</math>mm</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích xả khoảng 0.5 - 0.7ml</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                         | Bộ          | 1        |
| 253 | Bóng kép nong phá thông sàn não thất III ra bề trước cầu não, phá thông nang vào não thất                      | <p>Bóng kép nong phá thông sàn não thất III dùng trong phẫu thuật nội soi phá sàn não thất III ra bề trước cầu não, phá thông nang vào não thất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyurethane, silicon</li> <li>- Dài khoảng 70 - 120 cm</li> <li>- Catheter gắn kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone trong suốt, kèm 1 bơm tiêm 1ml</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 3        |
| 254 | Bóng nong thân đốt sống, áp lực $\geq 400$ psi, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh | <p>Bóng nong thân đốt sống trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính bóng 10, 15, 20mm, dung tích tối đa 4ml</li> <li>- Bóng nong chịu được áp lực <math>\geq 400</math>psi</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ          | 10       |
| 255 | Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz                                                                                   | <p>Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz, dùng 1 lần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Silicone</li> <li>- Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút</li> <li>- Tốc độ bơm từ 1 - 10ml</li> <li>- Tốc độ tưới nhanh từ 25 - 30ml. Áp lực đáp ứng khoảng 660mmHg</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ          | 15       |
| 256 | Đầu dao 36khz, đường kính khoảng 1.1 - 1.2mm, dài khoảng 11.4 - 11.5cm                                         | <p>Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao dành cho mô canxi hoá, phẫu thuật thần kinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu dao bằng Titanium</li> <li>- Đường kính khoảng 1.1 - 1.2mm, dài khoảng 11.4 - 11.5cm. Biên độ dao động 117 - 135<math>\mu</math>m tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.</li> <li>- Trọng lượng khoảng 9 - 10g, có cáp thông tắc đầu mũi dao</li> <li>- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                          | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 257 | Đầu dao 36khz, đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài khoảng 11.7 - 11.8cm                                | Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao dành cho mô xơ, phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu dao bằng Titanium<br>- Đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài khoảng 11.7 - 11.8cm. Biên độ dao động 165 - 203µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.<br>- Trọng lượng khoảng 7.5 - 7.8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao<br>- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)        | Cái         | 2        |
| 258 | Đầu dao 36khz, đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài khoảng 12.1 - 12.2cm                                | Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao micro cong kéo dài, phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu dao bằng Titanium<br>- Đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài khoảng 12.1 - 12.2cm. Biên độ dao động 165 - 193µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.<br>- Trọng lượng khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao, kèm 6 đầu phun dịch<br>- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 2        |
| 259 | Đầu dao 36khz, đường kính khoảng 1.5 - 2mm, dài khoảng 19 - 20cm                                      | Đầu dao 36kHz dùng cho phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu dao bằng Titanium<br>- Đường kính khoảng 1.5 - 2mm, dài khoảng 19 - 20cm. Biên độ dao động 137 - 155µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.<br>- Trọng lượng khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao<br>- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                         | Cái         | 2        |
| 260 | Đầu dao 36khz, đường kính khoảng 1.9 - 2.0mm, dài khoảng 11 - 12cm                                    | Đầu dao 36kHz dùng cho phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu dao bằng Titanium<br>- Đường kính khoảng 1.9 - 2.0mm, dài khoảng 11 - 12cm. Biên độ dao động 137 - 155µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính<br>- Trọng lượng khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao<br>- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                        | Cái         | 2        |
| 261 | Đầu đốt C3, đốt lạnh dây thần kinh vùng cột sống lưng, cổ và xương cùng cụt, đường kính 1.3mm - 2.1mm | Đầu dò C3 đốt dây thần kinh vùng cột sống lưng, cổ và xương cùng cụt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Đường kính: 1.3 - 2.1mm<br>- Thiết kế: có nắp<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 5        |
| 262 | Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống, dài 275 ± 05mm                                        | Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống<br>- Chất liệu thân và đầu mũi bằng thép không gỉ<br>- Mũi cầu, dài 275 ± 05mm, đường kính tối thiểu 2.5mm, có cách điện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                    | Cái         | 5        |
| 263 | Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống, dài 320 ± 05mm                                        | Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống<br>- Chất liệu thân và đầu mũi bằng thép không gỉ<br>- Mũi cầu, dài 320 ± 05mm, đường kính tối thiểu 2.5mm, có cách điện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                    | Cái         | 5        |
| 264 | Đầu đốt lập thể TC đơn cực dẫn sóng RF đốt nhân sâu trong não, dài 190mm, 300mm (tái sử dụng)         | Điện cực TC dẫn sóng RF đốt dây thần kinh não, tái sử dụng<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: 190mm, 300mm, Đơn cực, chiều dài đầu tiếp xúc: 1.5 - 3.5 - 4mm, đường kính đầu tiếp xúc: 1 - 2mm, đường kính sắc: 2 - 2.2mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                                                                       | Cái         | 5        |
| 265 | Đầu đốt lập thể TC lưỡng cực dẫn sóng RF đốt nhân sâu trong não, dài 300mm và 190mm (tái sử dụng)     | Điện cực TC dẫn sóng RF đốt dây thần kinh não, tái sử dụng<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: 300mm và 190mm, Lưỡng cực, chiều dài đầu tiếp xúc: 2x1.5/3.5x1.5/4mm, đường kính đầu tiếp xúc: 1-2mm, đường kính sắc: 2 - 2.2mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                                                                   | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                         | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 266 | Đầu đốt TC dau dẫn sóng RF đốt dây thần kinh vùng cột sống lưng và cổ ( tái sử dụng) | Điện cực TC dau dẫn sóng RF đốt dây thần kinh vùng cột sống lưng và cổ<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: 50/115/150/1000mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 267 | Đĩa đệm cột sống cổ chuyển động sinh lý, cao 5 - 8mm                                 | Đĩa đệm cột sống cổ chuyển động sinh lý dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lối trước<br>- Chất liệu có 2 bề mặt Endplate bằng titanium, Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK)<br>- Cao tối thiểu 5mm, tối đa 8mm<br>- Rộng tối thiểu 16mm, tối đa 18mm<br>- Dài $\geq 15$ mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                          | Cái         | 10       |
| 268 | Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít, cao 5 - 10mm                                         | Đĩa đệm cột sống cổ bắt vít dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lối trước<br>- Chất liệu Titanium<br>- Cao tối thiểu 5mm, tối đa 10mm<br>- Rộng tối thiểu 15mm, tối đa 17mm<br>- Dài tối thiểu 12mm, tối đa 14mm<br>- Khoảng trống để nhồi xương tự thân<br>- Kèm 2 vít bằng titanium, có đường kính 3 - 3.5mm, dài tối thiểu 12 mm, tối đa 18mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)       | Cái         | 5        |
| 269 | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 8mm, bằng Titanium                           | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lối trước<br>- Chất liệu Titanium<br>- Cao tối thiểu 5mm, tối đa 8mm<br>- Dài tối thiểu 12 mm, tối đa 18mm<br>- Khả năng nghiêng/gập: $\pm 10^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                | Cái         | 10       |
| 270 | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 7mm, bằng Titanium phun plasma phủ HA        | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật ghép đĩa đệm cột sống cổ lối trước<br>- Chất liệu Titanium phun plasma phủ HA<br>- Cao tối thiểu 5mm, tối đa 7mm<br>- Rộng tối thiểu 15mm, tối đa 19mm<br>- Dài tối thiểu 13mm, tối đa 17mm<br>- Cong theo hướng bên ngoài $\pm 10^\circ$ , Gấp / duỗi $\pm 10^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                           | Cái         | 4        |
| 271 | Đĩa đệm cột sống cổ dùng độc lập, kèm vít, cao 5 - 10mm                              | Đĩa đệm cột sống cổ dùng độc lập, kèm vít<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK)<br>- Cao tối thiểu 5mm, cao tối đa 10mm<br>- Rộng tối thiểu 15mm, tối đa 17mm<br>- Dài trong khoảng 12 - 14mm<br>- Có vít tự khoan/ tự taro, bằng titanium, đường kính vít khoảng 3.5 - 4.0mm, dài khoảng 11 - 15mm<br>- Có nẹp cổ trước liền đĩa đệm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 10       |
| 272 | Đĩa đệm cột sống cổ hình thang, cao 4.0 - 4.5mm                                      | Đĩa đệm cột sống cổ hình thang dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 4.0 - 4.5mm<br>- Dài trong khoảng 11 - 19mm<br>- Hình thang<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                     | Cái         | 3        |



| Stt | Tên danh mục                                                | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 273 | Đĩa đệm cột sống cổ in 3D, độ nghiêng 5 độ, cao 4 - 8mm     | Đĩa đệm cột sống cổ in 3D dùng trong phẫu thuật ghép đĩa đệm cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu PEEK và titanium<br>- Cao tối thiểu 4mm, tối đa 8mm<br>- Rộng tối thiểu 14mm, tối đa 18mm<br>- Dài tối thiểu 13mm, tối đa 15mm<br>- Dạng cong, độ nghiêng 5 độ, có điểm đánh dấu cân quang<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                       | Cái         | 4        |
| 274 | Đĩa đệm cột sống cổ toàn phần, cao 5 - 9mm                  | Đĩa đệm cột sống cổ toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 5 - 9mm<br>- Rộng trong khoảng 12 - 18mm<br>- Dài trong khoảng 11 - 14mm<br>- Khớp hình cầu và hình trụ, đĩa gấp duỗi khoảng $\pm 15^\circ$ , uốn theo hướng bên ngoài $\pm 10^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)        | Cái         | 15       |
| 275 | Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa kèm 3 vít tự tạo ren            | Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương<br>- Độ nghiêng khoảng $7^\circ$<br>- Kèm vít tự tạo ren<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 276 | Đĩa đệm cột sống cổ, có răng cưa, cao 4 - 9mm               | Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (Peek) Optima hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 4 - 9mm<br>- Rộng $\geq 14$ mm<br>- Dài tối thiểu 13mm<br>- Có khoang ghép xương tự thân<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                 | Cái         | 6        |
| 277 | Đĩa đệm cột sống cổ, có răng cưa, có sẵn xương, cao 4 - 9mm | Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (Peek) Optima hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 4 - 9mm<br>- Rộng $\geq 14$ mm<br>- Dài tối thiểu 13mm<br>- Có sẵn xương nhân tạo để ghép<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                | Cái         | 12       |
| 278 | Đĩa đệm cột sống cổ, có sẵn xương ghép, cao 5 - 7mm         | Đĩa đệm cột sống cổ có sẵn xương ghép dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK), tricalciumphosphate hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 5 - 7mm<br>- Rộng $\leq 12$ mm<br>- Dài $\leq 15$ mm<br>- Đĩa đệm có 2 điểm đánh dấu bằng titanium<br>- Khoảng trống ghép xương khoảng 258 - 259mm <sup>2</sup><br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 6        |
| 279 | Đĩa đệm cột sống cổ, độ nghiêng 5°, cao 4 - 8mm             | Đĩa đệm cột sống cổ nghiêng góc $5^\circ$ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu: Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương<br>- Cao trong khoảng 4 - 8mm<br>- Rộng trong khoảng 14 - 15mm<br>- Có 2 dạng: Dạng thẳng và dạng cong vòng mặt trên, có điểm đánh dấu, độ nghiêng $5^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                          | Cái         | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 280 | Đĩa đệm cột sống cổ, độ nghiêng 7°, cao 5 - 10mm                                            | <p>Đĩa đệm cột sống cổ độ nghiêng 7° dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao trong khoảng 5 - 10mm</li> <li>- Rộng trong khoảng 12 - 14mm</li> <li>- Dài trong khoảng 14 - 17mm</li> <li>- Cong lồi, độ nghiêng 7°; Có khoang ghép xương</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                           | Cái         | 18       |
| 281 | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 7mm, bằng Cobalt-chrome-molybdenum                  | <p>Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt-chrome-molybdenum hoặc tương đương</li> <li>- Cao trong khoảng 5 - 7mm</li> <li>- Rộng trong khoảng 15 - 19mm</li> <li>- Dài trong khoảng 13 - 15mm</li> <li>- Độ xoay uốn khoảng 20°, nghiêng bên khoảng 16°, quay được 360°</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 20       |
| 282 | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần, cao 5 - 7mm                                            | <p>Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium có lõi phủ Diamolith</li> <li>- Cao trong khoảng 5 - 7mm</li> <li>- Rộng ≤ 16mm</li> <li>- Dài ≤ 13mm</li> <li>- Gồm 2 đĩa, mỗi đĩa bề mặt ngoài có 3 đỉnh chống trượt, phủ lớp bột Titanium</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 40       |
| 283 | Đĩa đệm cột sống cổ, lõi trước hình thang, cao 4 - 9mm                                      | <p>Đĩa đệm cột sống cổ, lõi trước hình thang dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao trong khoảng 4 - 9mm</li> <li>- Rộng trong khoảng 14 - 18mm</li> <li>- Dài trong khoảng 11 - 16mm</li> <li>- Độ nghiêng khoảng 4°, khoang ghép xương từ: 0.12 - 0.26ml</li> <li>- Có điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 284 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 14mm, phần đầu được bo tròn, răng bám dạng nghiêng | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao từ 7mm đến 14mm (mỗi size tăng 1mm)</li> <li>- Độ nghiêng 5°</li> <li>- Chiều dài x chiều rộng:: 29 x 11mm, 29 x 14mm, 34 x 16mm</li> <li>- Phần đầu miếng ghép có các cạnh được bo tròn</li> <li>- Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng</li> <li>- Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum không thấm xạ</li> <li>- Khoang ghép xương lớn có thể tích từ 0.7mm đến 2.2ml</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 40       |
| 285 | Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao, cao 8 - 14mm, độ nghiêng 0°, 8°, 15°               | <p>Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Cao 8 - 14mm</li> <li>- Độ nghiêng 0°, 8°, 15°</li> <li>- Rộng ≤ 11mm, dài 22 - 28mm</li> <li>- Đĩa có đầu viên đạn, đĩa có thể chỉnh được độ cao</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 5        |
| 286 | Đĩa đệm cột sống lưng hình móng ngựa, cao 7 - 13mm, đầu vào hình viên đạn                   | <p>Đĩa đệm cột sống lưng hình móng ngựa đầu vào hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 7 - 13mm (mỗi bước tăng 1mm)</li> <li>- Độ nghiêng ≥ 5°</li> <li>- Rộng 11 - 11.5mm, dài 26 - 34mm</li> <li>- Có điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 100      |



| Stt | Tên danh mục                                                                   | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 287 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 6 - 14mm, in 3D nguyên khối               | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong in 3D nguyên khối dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V ELI</li> <li>- Cao 6, 8, 10, 12, 14mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>\geq 12^\circ</math></li> <li>- Dài 28 - 32mm</li> <li>- Đầu hình viên đạn, hai mặt lồi. Bề mặt trên và dưới đĩa có răng cưa</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                        | Cái         | 5        |
| 288 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có 2 khoang nhồi xương          | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (peek) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 14 mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>\geq 8^\circ</math></li> <li>- Rộng 9 - 11mm, dài 25mm</li> <li>- Đầu hình viên đạn, có khoảng 2 khoang ghép xương</li> <li>- Có điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                            | Cái         | 10       |
| 289 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 13mm, đĩa hình viên đạn               | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 7 - 13mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>\geq 6^\circ</math></li> <li>- Dài <math>\geq 28</math>mm</li> <li>- Đầu hình viên đạn, mũi nhọn. Đĩa có lỗ nhồi xương lớn. Bề mặt trên và dưới đĩa có răng cưa. Có khoảng 3 điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 5        |
| 290 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 14mm, đặt xoay $90^\circ$            | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 14 mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>\geq 4^\circ</math></li> <li>- Rộng 9 - 11mm, dài 20 - 32mm</li> <li>- Có điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                    | Cái         | 10       |
| 291 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng $0^\circ - 8^\circ$ | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 6 - 16mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>0^\circ - 8^\circ</math></li> <li>- Rộng 10 - 12mm, dài 28 - 32mm,</li> <li>- Có điểm đánh dấu cân quang</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                               | Cái         | 24       |
| 292 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 13mm, độ nghiêng $\geq 7^\circ$      | <p>Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 13 mm,</li> <li>- Độ nghiêng <math>\geq 7^\circ</math></li> <li>- Rộng 8 - 12mm, dài 22 - 30mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                  | Cái         | 20       |
| 293 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 7 - 14mm, có mũi nhọn phẳng              | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 7 - 14 mm</li> <li>- Độ nghiêng <math>5^\circ - 12^\circ</math></li> <li>- Rộng <math>\leq 10</math>mm, dài 24 - 29mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                    | Cái         | 10       |



| Sst | Tên danh mục                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 294 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 15mm, đầu hình viên đạn             | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng đầu hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 15mm</li> <li>- Độ nghiêng 5°, 8°</li> <li>- Rộng 9mm, dài 22mm, 24mm, 26mm</li> <li>- Đầu hình viên đạn kèm khung nhồi xương. Điểm đánh dấu bằng Tantalum</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                  | Cái         | 10       |
| 295 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có sẵn xương ghép bên trong    | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, có sẵn xương ghép bên trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương, 2 điểm đánh dấu bằng tantalum, xương ghép sẵn được làm bằng vật liệu tricalciumphosphate với tricalciumphosphate (TCP) và hydroxyapatite(HA)</li> <li>- Cao 8 - 10 - 12 - 14mm</li> <li>- Độ nghiêng ≥ 4°</li> <li>- Rộng ≤ 11mm, dài ≥ 28mm</li> <li>- Khoảng trống ghép xương khoảng 159 - 160mm²</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 40       |
| 296 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 17mm, giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF) | <p>Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương, titanium plasma</li> <li>- Cao 7 - 17 mm</li> <li>- Rộng ≤ 10mm, dài 27 - 30mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 20       |
| 297 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°             | <p>Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 7 - 16mm</li> <li>- Độ nghiêng 0° - 8°</li> <li>- Rộng ≤ 11mm, dài 28 - 32mm</li> <li>- Có đánh dấu bằng chất liệu Tantalum</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO</p>                                                                                                                                                                     | Cái         | 40       |
| 298 | Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng, cao 8 - 16mm, lõi sau               | <p>Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 16mm</li> <li>- Rộng ≤ 10mm, dài trước - sau: 22 - 36mm</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 10       |
| 299 | Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong, cao 8 - 14mm                         | <p>Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK) hoặc tương đương</li> <li>- Cao 8 - 14 mm</li> <li>- Rộng 22 - 36mm</li> <li>- Mũi nhọn hình viên đạn. Có khoang ghép xương tự thân</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 5        |
| 300 | Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 16mm, dài 26mm                      | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK)</li> <li>- Cao 8 - 16mm (bước nhảy 2mm)</li> <li>- Chiều dài x chiều rộng: 26mm x 10mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 10       |
| 301 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 15mm                                 | <p>Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polymer Polyether Ether Ketone (PEEK)</li> <li>- Cao 7 - 15mm (bước nhảy 2mm)</li> <li>- Chiều dài: 26 - 32mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 10       |



| Stt | Tên danh mục                                                                        | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 302 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 6 - 14mm, góc nghiêng 0°                       | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu PEEK OPTIMA hoặc tương đương<br>- Cao 6 - 14mm<br>- Độ nghiêng 0°<br>- Rộng 10 - 12mm dài 25 - 30mm<br>- Khoảng nhồi xương rộng từ 0.6 - 1.4ml<br>- Có điểm đánh dấu cân quang<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                    | Cái         | 10       |
| 303 | Điện cực áp vỏ não loại khoảng 2 x 4                                                | Điện cực áp vỏ não hình lưới sử dụng do điện não trong lúc mổ<br>- Chất liệu các điện cực dạng silicon mỏng, dẻo có đĩa tiếp xúc bạch kim với khoảng cách 1cm và nhãn có đánh số để phân biệt<br>- Kích thước lưới khoảng 2 x 4 điện cực (2 dây, mỗi dây 4 cái)<br>- Dây dẫn dài khoảng 1.5 - 2.0m, kết thúc với đầu nối cảm biến loại khoảng 1.5 - 2.0mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                    | Cái         | 4        |
| 304 | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại dùng cho can thiệp thử nghiệm dưới da   | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại dùng cho can thiệp dưới da dùng trong phẫu thuật điều trị đau mạn tính<br>Bao gồm:<br>- Điện cực kích thích, loại 4 - 8 điện cực, loại đặt dưới da<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                  | Cái         | 2        |
| 305 | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại không sạc                               | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại không sạc dùng trong phẫu thuật điều trị đau mạn tính<br>Bao gồm:<br>- 01 Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích tủy sống<br>- 01 Điện cực kích thích tủy sống dạng nhiều kênh<br>- 01 Thiết bị lập trình dành cho người bệnh<br>- Bộ dụng cụ tạo đường hầm dưới da<br>- Dụng cụ kết nối thử điện cực<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                             | Cái         | 1        |
| 306 | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại sạc                                     | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại sạc được dùng trong phẫu thuật điều trị đau mạn tính<br>Bao gồm:<br>- 01 Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích tủy sống<br>- 01 Điện cực kích thích tủy sống<br>- 01 Bộ sạc thiết bị điều khiển trung tâm<br>- 01 Thiết bị lập trình dành cho người bệnh<br>- Bộ dụng cụ tạo đường hầm dưới da<br>- Dụng cụ kết nối thử điện cực<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO | Cái         | 1        |
| 307 | Điện cực đơn kim dưới da dùng cho máy dò thần kinh, dài 1 - 2.5m                    | Điện cực kim dưới da dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Điện cực hình kim thẳng, thẳng dài khoảng $13 \pm 0.05\text{mm}$ , đường kính khoảng $0.4 \pm 0.05\text{mm}$<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1 - 2.5m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                               | Cái         | 300      |
| 308 | Điện cực hai kim dưới da và cáp xoắn dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng 1 - 2.5m | Điện cực thần kinh kim dưới da xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh<br>- Điện cực hình kim, thẳng dài khoảng $13 \pm 0.05\text{mm}$ , đường kính khoảng $0.4 \pm 0.05\text{mm}$<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1 - 2.5m, cáp xoắn.<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                | Cái         | 600      |



| Stt | Tên danh mục                                                                              | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 309 | Điện cực kim dưới da<br>dạng cong dùng cho máy<br>dò thần kinh, dài khoảng<br>1 - 2.5m    | Điện cực kim cong dưới da<br>- Chiều dài: khoảng 13 ± 0.05mm<br>- Đường kính: khoảng 0.4 ± 0.05mm<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1 - 2.5m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                          | Cái            | 300      |
| 310 | Điện cực kim dưới da<br>dạng móc dùng cho máy<br>dò thần kinh, dài khoảng<br>1 - 2.5m     | Điện cực kim móc dưới da<br>- Đường kính: khoảng 0.4 ± 0.05mm, dài 13 ± 0.05mm<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1 - 2.5m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                             | Cái            | 360      |
| 311 | Điện cực kim dưới da<br>dạng xoắn dùng cho máy<br>dò thần kinh, dài khoảng<br>1.5 ± 0.05m | Điện cực thần kinh kim dưới da dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1.5 ± 0.05m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                   | Cái            | 240      |
| 312 | Điện cực của máy dò thần<br>kinh, đơn cực, dạng nón,<br>uốn cong                          | Điện cực thần kinh đơn cực dạng nón dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Loại điện cực: uốn cong để bám vào da đầu<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1.5 - 2.5m. Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                              | Cái            | 10       |
| 313 | Điện cực của máy dò thần<br>kinh, đơn cực, dạng thẳng                                     | Điện cực thần kinh đầu dò đơn cực thẳng dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài điện cực khoảng: 100 ± 0.05mm<br>- Chiều dài tay cầm khoảng: 9 - 11cm<br>- Chiều dài dây cáp khoảng: 2 - 3m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                   | Cái            | 10       |
| 314 | Điện cực của máy dò thần<br>kinh, lưỡng cực, dạng<br>cong                                 | Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực cong dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài thân điện cực khoảng 95 ± 0.05mm<br>- Chiều dài tay cầm khoảng: 9 - 11cm<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 2 - 3m. Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                               | Cái            | 5        |
| 315 | Điện cực của máy dò thần<br>kinh, lưỡng cực, dạng<br>đồng tâm                             | Điện cực của máy dò thần kinh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Đầu dò dạng đồng tâm lưỡng cực<br>- Chiều dài thân điện cực khoảng 100 ± 0.05mm<br>- Đường kính điện cực khoảng 1.0 ± 0.05mm<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 2 - 3m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái            | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 316 | Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực, dạng móc                                 | Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực móc dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài $20 \pm 0.5\text{mm}$ , tay cầm khoảng 9 - 11cm<br>- Chiều dài dây cáp 1.5 - 2.5m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                           | Cái         | 10       |
| 317 | Điện cực dán dạng đơn nối đất dùng cho máy NIMeclipse, dài khoảng 2m               | Điện cực dán dạng đơn nối đất dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài 2 - 2.5m<br>- Có 1 đầu dán nối với dây dẫn<br>- Tương thích với máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                               | Cái         | 20       |
| 318 | Điện cực dạng đầu dò qua nếp vít dùng cho máy NIMeclipse, dài khoảng 2 - 3m        | Điện cực dạng đầu dò qua nếp vít dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài 2 - 3m, đầu dò dài khoảng 100mm<br>- Gồm 1 đầu dò thẳng, có đầu mũi dò hình tròn, đều, nối với dây dẫn<br>- Tương thích với máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                | Cái         | 20       |
| 319 | Điện cực đầu dò qua chân cung dùng cho máy dò thần kinh                            | Điện cực thần kinh đầu dò chân cung dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Đầu dò dạng hình tròn, đường kính khoảng $3.0 \pm 0.05\text{mm}$ , dài khoảng $100 \pm 0.05\text{mm}$<br>- Chiều dài dây cáp khoảng 1.5 - 2.5m<br>- Kết nối dạng touch-proof<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 10       |
| 320 | Điện cực thần kinh dạng dán 2 kênh dùng cho máy NIMeclipse, dài $\geq 2.5\text{m}$ | Điện cực thần kinh dạng dán 2 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ , miếng dán kích thước khoảng $2.7 \times 2\text{cm}$<br>- Gồm 1 miếng dán nối với dây dẫn<br>- Tương thích với hệ thống máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                              | Cái         | 180      |
| 321 | Điện cực thần kinh dạng kim 1 kênh dùng cho máy NIMeclipse, dài $\geq 2.5\text{m}$ | Điện cực thần kinh dạng kim 1 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$<br>- Có 1 kim, nối với dây dẫn<br>- Tương thích với hệ thống máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                          | Cái         | 100      |
| 322 | Điện cực thần kinh dạng kim 2 kênh dùng cho máy Nimeclip, dài $\geq 2.5\text{m}$   | Điện cực thần kinh dạng kim 2 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$<br>- Có 2 kim, nối với dây dẫn<br>- Tương thích với hệ thống máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                          | Cái         | 500      |
| 323 | Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng cho máy NIMeclipse, dài $\geq 1.2\text{m}$       | Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Chiều dài $\geq 1.2\text{m}$<br>- Đầu có dạng hình xoắn ốc, nối với dây dẫn<br>- Tương thích với hệ thống máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                | Cái         | 200      |



| Stt | Tên danh mục                                                                           | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 324 | Điện cực thần kinh đầu dò kích thích dây thần kinh tương thích hệ thống máy NIMeclipse | Điện cực thần kinh đầu dò kích thích dây thần kinh dùng cho phẫu thuật thần kinh cột sống dùng để kích thích dây thần kinh cho máy cảnh báo dây thần kinh liệt tủy<br>- Chiều dài 1.5 - 2.5m<br>- Đầu điện cực dạng cong hoặc thẳng<br>Tiệt khuẩn<br>- Tương thích với hệ thống máy NIMeclipse của Bệnh viện<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                          | Cái         | 10       |
| 325 | Điện cực vô não và cột sống da lớp, Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B     | Điện cực dùng đo điện não trong mổ, điện cực bạch kim<br>- Số điện cực tiếp xúc: 8<br>- Đường kính tiếp xúc khoảng 4mm<br>- Cấp dài khoảng 250 - 255cm<br>- Đầu nổi cảm ứng 1.5mm<br>- Dây chỉ Cu / Sn với vỏ bọc bằng PVC<br>- Kết nối CuZn / Ni với vỏ bọc bằng PVC<br>- Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 5        |
| 326 | Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối, điều chỉnh được độ cao                        | Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ<br>- Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, cứng, nhẹ<br>- Đường kính 12 - 16mm<br>- Có góc ưỡn 0 - 6°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                          | Cái         | 10       |
| 327 | Đốt sống cột sống cổ, kèm vít cố định                                                  | Đốt sống cột sống cổ kèm vít cố định dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ<br>- Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, cứng, nhẹ<br>- Đường kính 12 - 40mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                    | Cái         | 10       |
| 328 | Đốt sống cột sống ngực, lưng                                                           | Đốt sống cột sống nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống ngực, lưng<br>- Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, cứng, nhẹ<br>- Đường kính 20, 24, 26, 29, 32mm, dài khoảng 35, 45, 55mm, cao 17 - 124mm<br>- Nắp đậy có dạng hình tròn hoặc hình oval<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                          | Cái         | 4        |
| 329 | Đốt sống cột sống ngực, lưng nhân tạo dạng lồng                                        | Đốt sống cột sống ngực, lưng nhân tạo dạng lồng dùng trong phẫu thuật thay thân sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương, cứng, nhẹ<br>- Đường kính 13, 16, 19mm<br>- Chiều dài 30, 40, 60, 90mm<br>- Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                          | Cái         | 3        |
| 330 | Đốt sống cột sống ngực, lưng, hình trụ, có thân rỗng nhồi xương                        | Đốt sống cột sống ngực lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính: 10 - 24mm<br>- Cao: 6 - 90mm<br>- Hình trụ tròn<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 331 | Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong mổ và xâm lấn tối thiểu                       | Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong phẫu thuật kẹp túi phình mạch máu não<br>- Chất liệu Titanium<br>- Ngâm dài khoảng 2.8mm - 20.0mm<br>- Có dụng cụ gắn kẹp<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                          | Cái         | 240      |



| Stt | Tên danh mục                                                                           | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 332 | Kẹp vá sọ não tự tiêu dùng loại hai miếng cố định trong và ngoài bản sọ                | Kẹp vá sọ não tự tiêu dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định nắp sọ<br>- Đường kính 11 - 20mm<br>- Gồm 1 trục và 2 đĩa nẹp<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                              | Cái         | 35       |
| 333 | Kim chọc dò cuống sống 11G                                                             | Kim chọc cuống sống, dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống có bóng<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Kích cỡ tối thiểu 11G<br>- Bao gồm kim mũi kim cương và trocar<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                            | Cái         | 5        |
| 334 | Kim chọc dò cuống sống 11G, 13G, 15G                                                   | Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống<br>- Chất liệu kim chọc dò bằng thép không gỉ và tay cầm nhựa<br>- Mũi vát, cỡ 11G, 13G, 15G<br>- Chiều dài 100mm, 120mm, 150mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                       | Cái         | 24       |
| 335 | Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sóc các cỡ                                 | Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sóc dùng kết hợp với xi măng tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu phần cán làm bằng nhựa, phần kim làm bằng thép không gỉ<br>- Kích thước: 9G, 11G, 13G và 15G<br>- Chiều dài 120 - 150mm<br>- Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sóc các cỡ, mũi kim vát hoặc mũi kim cương, đầu nối Luer Lock<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 12       |
| 336 | Kim chọc sinh thiết cột sống, đường kính ngoài 8G                                      | Kim chọc sinh thiết cột sống dùng trong phẫu thuật sinh thiết thân sống<br>- Chất liệu kim sinh thiết bằng thép không gỉ và tay cầm nhựa<br>- Kích thước: Size 3, đường kính ngoài 8G<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                    | Cái         | 20       |
| 337 | Kim định vị và dùi chân cung cho vít da trục rỗng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông    | Kim định vị và dùi chân cung cho vít da trục rỗng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn<br>- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, có tay cầm<br>- Đầu nhọn hoặc có mặt vát<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                 | Cái         | 10       |
| 338 | Ống nong dùng 1 lần dùng cho đầu dò 1.3mm - 2.1mm, chế độ đốt xung điều biến thần kinh | Ống nong lạnh dùng 1 lần dùng cho đầu dò 2.1mm, chế độ đốt xung điều biến thần kinh<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Thiết kế: Tổng chiều dài 96.3/126.3/74.6mm, chiều dài làm việc 45/62.5/92.5/95mm<br>- Đường kính 1.3/1.8/2.6mm<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                           | Cái         | 5        |
| 339 | Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 10 ml                              | Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu<br>- Lượng máu: 10 ml thu nhận được 5 - 6 ml PRP<br>- Chức năng: phục hồi tiểu cầu > 95%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT < 1%<br>- Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM<br>- Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                       | Ông         | 10       |
| 340 | Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 06 ml                              | Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu<br>- Lượng máu: 6 ml thu nhận được 3 ml PRP<br>- Chức năng: phục hồi tiểu cầu > 95%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT < 1%<br>- Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM<br>- Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                            | Ông         | 10       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 341 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tùy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng              | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tùy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng:<br>- Đầu mũi đốt cách nhiệt giảm tổn thương mô và đảm bảo cho cắt mô và cầm máu<br>- Khả năng hút ưu việt giúp giảm các bong bóng cản trở tầm nhìn đảm bảo phẫu trường rõ ràng.<br>- Lớp phủ cách nhiệt trên bề mặt lưỡi đốt giúp giảm bám dính mô mềm và giữ nhiệt độ thấp kéo dài trong suốt ca phẫu thuật<br>- Góc nghiêng của lưỡi cắt đốt: 90°/70<br>Tiệt khuẩn | Cái         | 10       |
| 342 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống hai cổng            | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong nội soi cột sống hai cổng<br>- Đường kính tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc $\geq 135\text{mm}$<br>- Đầu dao đốt uốn được<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                        | Cái         | 10       |
| 343 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống một cổng            | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống một cổng<br>- Đường kính tối thiểu 2.4mm, chiều dài làm việc $400 \pm 10\text{mm}$<br>- Đầu dao đốt uốn<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                | Cái         | 10       |
| 344 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma đường kính thân đốt tối thiểu 1.6mm dùng trong nội soi cột sống hai cổng               | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma dùng trong nội soi cột sống hai cổng<br>- Đường kính thân đốt tối thiểu 1.6mm và góc đầu nhọn cong khoảng $24^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                             | Cái         | 10       |
| 345 | Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng                                             | Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng:<br>- Đường kính lưỡi mài: 2, 3, 4, 5mm<br>- Chiều dài lưỡi mài khoảng 130mm<br>Tiệt khuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 5        |
| 346 | Lưỡi mài phá, đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 cổng                                                               | Lưỡi mài phá, đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 cổng:<br>- Đường kính lưỡi mài: 3mm, 4mm<br>- Chiều dài lưỡi mài khoảng 130mm<br>Tiệt khuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 5        |
| 347 | Lưỡi mài xương kim cương dài $\geq 265\text{mm}$                                                                        | Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống<br>- Chất liệu thân bằng thép không gỉ, mũi phủ kim cương<br>- Chiều dài $\geq 265\text{mm}$ , đường kính thân tối thiểu 4.5mm, mũi cầu tối thiểu 4.4mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 348 | Lưỡi mài xương kim cương dài $\geq 320\text{mm}$                                                                        | Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống<br>- Chất liệu thân bằng thép không gỉ, mũi phủ kim cương<br>- Chiều dài $\geq 320\text{mm}$ , đường kính thân tối thiểu 3.5mm, mũi cầu tối thiểu 3.4mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                               | Cái         | 5        |
| 349 | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh $2.5 \times 7.5\text{cm}$ ( $\pm 05\%$ )            | Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy<br>- Chất liệu Collagen siêu tinh khiết<br>- Kích thước $2.5 \times 7.5\text{cm}$ ( $\pm 05\%$ )<br>- Tự tiêu và màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                  | Cái         | 30       |
| 350 | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh kích thước $10 \times 12.5\text{cm}$ ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy<br>- Chất liệu Collagen siêu tinh khiết<br>- Kích thước $10 \times 12.5\text{cm}$ ( $\pm 05\%$ )<br>- Tự tiêu và màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                  | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                 | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 351 | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh kích thước 2.5 x 2.5cm ( $\pm 05\%$ )    | Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy<br>- Chất liệu Collagen siêu tinh khiết<br>- Kích thước 2.5 x 2.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Tự tiêu và màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 60       |
| 352 | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh thước 7.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )         | Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy<br>- Chất liệu Collagen siêu tinh khiết<br>- Kích thước 7.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Tự tiêu và màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 30       |
| 353 | Màng cứng nhân tạo Collagen vừa dán vừa khâu dùng phẫu thuật thần kinh kích thước 2.5 x 2.5cm ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống<br>- Chất liệu Collagen, nguồn gốc từ mô phôi bò<br>- Kích thước 2.5 x 2.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có thể dán hoặc khâu vào màng cứng<br>- Kích thước lỗ 10 - 100 micron<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Cái         | 20       |
| 354 | Màng cứng nhân tạo Collagen vừa dán vừa khâu dùng phẫu thuật thần kinh kích thước 2.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống<br>- Chất liệu Collagen, nguồn gốc từ mô phôi bò<br>- Kích thước 2.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có thể dán hoặc khâu vào màng cứng<br>- Kích thước lỗ 10 - 100 micron<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Cái         | 40       |
| 355 | Màng cứng nhân tạo Collagen vừa dán vừa khâu dùng phẫu thuật thần kinh kích thước 5.0 x 5.0cm ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống<br>- Chất liệu Collagen, nguồn gốc từ mô phôi bò<br>- Kích thước 5.0 x 5.0cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có thể dán hoặc khâu vào màng cứng<br>- Kích thước lỗ 10 - 100 micron<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Cái         | 10       |
| 356 | Màng cứng nhân tạo Collagen vừa dán vừa khâu dùng phẫu thuật thần kinh kích thước 7.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống<br>- Chất liệu Collagen, nguồn gốc từ mô phôi bò<br>- Kích thước 7.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có thể dán hoặc khâu vào màng cứng<br>- Kích thước lỗ 10 - 100 micron<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Cái         | 10       |
| 357 | Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 15 x 15cm ( $\pm 05\%$ )          | Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống<br>- Chất liệu Poly-L-Lactic Acid<br>- Kích cỡ 15 x 15cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                        | Cái         | 10       |
| 358 | Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 2.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )        | Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống<br>- Chất liệu Poly-L-Lactic Acid<br>- Kích cỡ 2.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                      | Cái         | 15       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                               | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 359 | Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 5 x 5cm/ 6 x 6cm ( $\pm 05\%$ ) | Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống<br>- Chất liệu Poly-L-Lactic Acid<br>- Kích cỡ 5 x 5cm/ 6 x 6cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                   | Cái         | 30       |
| 360 | Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu                                                                        | Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu phủ khuyết điểm màng cứng khoảng 1cm<br>- Chất liệu Collagen tinh khiết, từ màng ngoài tim bò, kết hợp 2 vật liệu (polyester và Polypropylen)<br>- Kích thước 7.5 x 7.5cm ( $\pm 05\%$ )<br>- Độ bám dính cao<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                          | Miếng       | 20       |
| 361 | Miếng ghép tạo hình cân cơ thái dương các cỡ trái, phải                                                    | Miếng ghép tạo hình cân cơ thái dương dùng trong phẫu thuật sọ não<br>- Chất liệu Polyethylene<br>- Kích cỡ: 76 x 61 x 19mm; 90 x 73 x 19mm; 101 x 85 x 19mm; trái/phải<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                    | Cái         | 2        |
| 362 | Miếng ghép tạo hình khuyết sọ một bên bán cầu cỡ 174 x 133 x 5.0mm ( $\pm 05\%$ )                          | Miếng ghép tạo hình một bên bán cầu sọ dùng trong phẫu thuật sọ não<br>- Chất liệu Polyethylene<br>- Kích cỡ 174 x 133 x 5.0mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                              | Cái         | 2        |
| 363 | Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt cỡ 50 x 50 x 2.0mm ( $\pm 05\%$ )                                           | Miếng ghép dùng trong phẫu thuật sọ não<br>- Chất liệu Polyethylene<br>- Kích cỡ 50 x 50 x 2.0mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                          | Cái         | 5        |
| 364 | Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt cỡ 50 x 76 x 1.5mm ( $\pm 05\%$ )                                           | Miếng ghép dùng trong phẫu thuật sọ não<br>- Chất liệu Polyethylene<br>- Kích cỡ 50 x 76 x 1.5mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                            | Cái         | 3        |
| 365 | Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 45mm ( $\pm 05\%$ )                                               | Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh<br>- Thành phần cấu tạo từ collagen bò<br>- Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG)<br>- Kích thước 45 x 45mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)        | Miếng       | 5        |
| 366 | Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 90mm ( $\pm 05\%$ )                                               | Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh<br>- Thành phần cấu tạo từ collagen bò<br>- Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG)<br>- Kích thước khoảng 45 x 90mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Miếng       | 5        |
| 367 | Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, khoảng 27 x 27mm ( $\pm 05\%$ )                                        | Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh<br>- Thành phần cấu tạo từ collagen bò<br>- Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG)<br>- Kích thước khoảng 27 x 27mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Miếng       | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 368 | Miếng vá khuyết sọ khoảng 120 x 120 x 0.6mm ( $\pm 05\%$ ), dạng 3D                              | Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ<br>- Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D<br>- Lỗ bắt vít chìm<br>- Kích thước 120 x 120 x 0.6mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                  | Miếng       | 3        |
| 369 | Miếng vá khuyết sọ khoảng 150 x 150 x 0.6mm ( $\pm 05\%$ ), dạng 3D                              | Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ<br>- Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D<br>- Lỗ bắt vít chìm<br>- Kích thước 150 x 150 x 0.6mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                  | Miếng       | 2        |
| 370 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 2 x 4mm ( $\pm 05\%$ ), dạng xếp               | Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lấp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m, cỡ 100 x 2 x 4mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO   | Miếng       | 40       |
| 371 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 3.5 x 4mm ( $\pm 05\%$ ), dạng xếp             | Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lấp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m, cỡ 100 x 3.5 x 4mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO | Miếng       | 40       |
| 372 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ trong phẫu thuật shunt, dạng xếp | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ trong phẫu thuật đặt shunt<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m dày 0.5 - 30mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                | Miếng       | 20       |
| 373 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ, dạng xếp                        | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, hình dáng tròn<br>- Kích thước lỗ 250 - 1600 $\mu$ m dày 0.5 - 30mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                           | Miếng       | 20       |
| 374 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 25 x 25 x 1.25mm ( $\pm 05\%$ ), dạng xếp        | Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt,<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m, cỡ 25 x 25 x 1.25mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                          | Miếng       | 15       |
| 375 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 1.25mm ( $\pm 05\%$ ), dạng xếp        | Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt,<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m, cỡ 50 x 50 x 1.25mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                          | Miếng       | 20       |
| 376 | Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 2mm ( $\pm 05\%$ ), dạng xếp           | Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt,<br>- Chất liệu Polycaprolacton 40 - 85%, dạng xếp, tự tiêu<br>- Kích thước lỗ khoảng 250 - 1600 $\mu$ m, cỡ 50 x 50 x 2mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                             | Miếng       | 10       |
| 377 | Miếng vá nhân tạo hố yên                                                                         | Miếng vá nhân tạo hố yên dùng trong phẫu thuật vùng hố yên, tái tạo sàn sọ vùng hố yên<br>- Chất liệu Polyethylene<br>- Cỡ 40 x 40 x 2.7 x 0.7mm ( $\pm 05\%$ )<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                  | Miếng       | 2        |



| Stt | Tên danh mục                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 378 | Mô tơ tay khoan cho phẫu thuật thần kinh tương thích với máy khoan model IPC     | Mô tơ tay khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh, tích hợp hệ thống động cơ ngay trên tay khoan tạo ra lực chuyển động trực tiếp không gián đoạn.<br>- Tốc độ $\geq 75.000$ vòng/phút<br>- Kích thước: dài $\leq 7.77$ cm, đường kính $\leq 1.65$ cm<br>- Trọng lượng: $\leq 90$ g<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | -        |
| 379 | Mũi khoan cắt sọ, hình răng cưa, tương thích với máy khoan model IPC             | Mũi khoan cắt sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đường kính $\leq 2.3$ mm, dài khoảng 16 - 16.5mm<br>- Mũi khoan hình răng cưa, đuôi hình trụ có tối thiểu 6 cạnh đều nhau dài $\geq 4$ mm, chiều dài làm việc tối thiểu 8cm<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                 | Cái         | 500      |
| 380 | Mũi khoan mài kim cương có đường dẫn nước, tương thích với máy khoan model IPC   | Mũi khoan mài kim cương, có đường dẫn nước dùng trong phẫu thuật nội soi u tuyến yên<br>- Đường kính $\leq 3$ mm<br>- Đầu mũi khoan hình kim cương, có đường dẫn nước tưới hốc mở trên mũi khoan, đuôi mũi khoan bằng nhựa<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                        | Cái         | 30       |
| 381 | Mũi khoan mài kim cương nội soi u tuyến yên, tương thích với máy khoan model IPC | Mũi khoan mài kim cương dùng trong phẫu thuật nội soi u tuyến yên<br>- Đường kính 2mm/ 2.5mm/ 3mm<br>- Đầu mũi khoan hình kim cương, uốn cong được, đuôi hình chóp có 4 cạnh đều nhau, chiều dài làm việc 2 - 16 cm<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                               | Cái         | -        |
| 382 | Mũi khoan mài sọ, mũi mài hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC         | Mũi khoan mài sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đường kính khoảng 2 - 5mm<br>- Đầu mũi mài hình tròn, đuôi hình trụ có 6 cạnh đều nhau dài $\leq 4$ mm, chiều dài làm việc 9 - 14cm<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                         | Cái         | 40       |
| 383 | Mũi khoan phá sọ, mũi hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC             | Mũi khoan phá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đường kính 2 - 7.5mm<br>- Đầu mũi khoan hình tròn, có tối thiểu 8 cạnh sắc đều như nhau, đuôi hình trụ có 6 cạnh đều nhau dài $\leq 4$ mm, chiều dài làm việc 9 - 14cm<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                      | Cái         | 35       |
| 384 | Mũi khoan tạo lỗ xương sọ, tương thích với máy khoan model IPC                   | Mũi khoan tạo lỗ xương sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đường kính từ 1 - 2mm<br>- Đầu mũi khoan nhỏ, đuôi hình trụ có 6 cạnh đều nhau dài $\leq 4$ mm, chiều dài làm việc tối thiểu 8cm<br>- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                   | Cái         | 20       |
| 385 | Nẹp cột sống cổ lồng trước kèm vít khóa, ngang $\geq 1.7$ mm, dài 19 - 80mm      | Nẹp cột sống cổ lồng trước kèm vít khóa dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước<br>- Chất liệu Titanium<br>- Ngang $\geq 1.7$ mm, dài 19 - 80mm<br>- Nẹp được uốn cong<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                 | Cái         | 10       |



| Stt | Tên danh mục                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 386 | Nẹp kèm vít khóa nối, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp | Nẹp kèm vít khóa nối dùng trong phẫu thuật bắt vít xương chậu.<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Tương thích vít xương chậu cùng hãng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 1        |
| 387 | Nẹp liên kết vít cổ lồi sau                                             | Nẹp liên kết vít cổ lồi sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi sau<br>- Chất liệu Ti-6Al-4V EL<br>- Loại đồng trục: đường kính 3.6/3.6, dài 13.5mm/3.6/6.1, dài 19mm<br>- Loại mặt bên: đường kính/ dài: 3.6/13.5mm, 3.6/14.5mm, 3.6/15.5mm, 3.6/6.1/13.5mm, 3.6/6.1/14.5mm, 3.6/6.1/15.5mm<br>- Loại bên phải/ trái (10 độ): 3.6/6.1/16mm, 3.6/6.1/17mm, 3.6/6.1/18mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO              | Cái         | 2        |
| 388 | Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực                | Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài 30 - 74mm<br>- Có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 2        |
| 389 | Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng                               | Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu Ti-6Al-4V ELI<br>+ Loại đồng trục: các cỡ 20/ 22/ 24/ 26mm, tương thích vít đường kính 5.5mm - 6.35mm, 2 đầu mở<br>+ Loại bên: các cỡ 20/ 22/ 24/ 26mm, tương thích vít đường kính 5.5mm - 6.35mm, 2 đầu mở<br>+ Loại bên kết nối ngoài vít cánh chậu: các cỡ 15/ 20/ 25/ 30/ 35/ 40mm, 2 loại mở/ đóng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 2        |
| 390 | Nẹp sọ não thẳng khoảng 20 lỗ bắt vít dùng kèm vít 1.6mm                | Nẹp sọ não dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Chất liệu titanium<br>- Đường kính khoảng 17 - 19mm<br>- Nẹp thẳng khoảng 20 lỗ, dày khoảng 0.65 - 0.7mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 120      |
| 391 | Nẹp thẳng và sọ sinh học tự tiêu, khoảng 20 lỗ                          | Nẹp thẳng và sọ sinh học dùng trong phẫu thuật sọ não, độ bền phù hợp trong suốt quá trình liền xương<br>- Chất liệu sinh học khoảng 80 - 82% Poly-L-Lactic Acid và khoảng 18 - 20% Poly-Glycolic Acid<br>- Dạng thẳng, có khoảng 20 lỗ, kích cỡ khoảng 1.5/ 2.0mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                              | Cái         | 10       |
| 392 | Nẹp thẳng và sọ, 16 lỗ                                                  | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 0.6 - 1mm, dạng thẳng, có 16 lỗ<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 10       |
| 393 | Nẹp thẳng và sọ, 20 lỗ                                                  | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 0.6mm, dạng thẳng, có 20 lỗ<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 10       |
| 394 | Nẹp thẳng và sọ, 5 lỗ                                                   | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dày 0.5mm, dạng tròn, có 5 lỗ<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 10       |



| Stt | Tên danh mục                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 395 | Ống nong dùng cho điều trị đau cột sống, lưng, cổ, dạng cong 8 độ                 | Ống nong dùng cho điều trị đau cột sống, lưng, cổ, dạng cong 8 độ<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Tổng chiều dài 10/1500mm.<br>- Đường kính 0.7/0.9mm, đầu tiếp xúc 5/10mm<br>- Ống nong dùng 1 lần, dạng thẳng và sắc:<br>- Chiều dài: 50mm, đường kính: 0.7/0.9/1.4mm, đầu tiếp xúc: 4/5/7/10mm<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                           | Cái         | 2        |
| 396 | Ống nong dùng cho đốt nhân sâu trong não                                          | Ống nong dùng cho đốt nhân sâu trong não<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Chiều dài: 115mm, đường kính: 1.2mm, đầu tiếp xúc: 2/5/7/10mm.<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái         | 2        |
| 397 | Ống soi dùng trong nội soi cột sống 2 cổng                                        | Ống soi dùng trong nội soi cột sống 2 cổng<br>- Chiều dài làm việc 142mm, đường kính 4mm, góc nghiêng 30 độ & 90 độ, nặng 60g<br>- Thiết kế quang học được cấp bằng sáng chế tạo ra hình ảnh chất lượng 4K<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 5        |
| 398 | Que luồn dưới da dài ≥ 60cm                                                       | Que luồn dưới da dùng hỗ trợ luồn Catheter xuống bụng trong mổ đặt shunt dẫn lưu não thất - màng bụng<br>Gồm 3 bộ phận:<br>- Trục ống dài ≥ 60cm: làm từ thép không gỉ. Đường kính trong ≤ 3.3mm. Đường kính ngoài ≥ 4.8mm<br>- Tay cầm chữ T<br>- Bộ phận dùng để lắp với đầu tip hình viên đạn chất liệu Polypropylene<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO           | Cái         | 25       |
| 399 | Vít cố định xương sọ sinh học tự tiêu, đường kính ≤ 1.5mm, dài ≥ 5mm              | Vít cố định xương sọ dùng trong phẫu thuật sọ não, cố định nắp sọ, độ bền phù hợp trong suốt quá trình liền xương<br>- Chất liệu sinh học khoảng 80- 82% Poly-L-Lactic Acid và 18-20% Poly-Glycolic Acid<br>- Đường kính ≤ 1.5mm, dài ≥ 5mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                     | Cái         | -        |
| 400 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng đuôi vít rời, có lỗ bơm xi măng kèm vít khóa trong | Vít cột sống lưng đa trục rỗng đuôi vít rời, có lỗ bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 9.5mm, dài 25 - 100mm<br>- Có lỗ bơm xi măng kèm vít khóa trong<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                          | Cái         | 20       |
| 401 | Xi măng sinh học có cân quang                                                     | Xi măng sinh học có cân quang dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Thành phần: Polymethylmethacrylate khoảng 66 - 67%, Barium sulphate khoảng 28 - 30%, Benzoyl peroxide khoảng 2.0 - 2.5%, kèm chất cân quang Zirconium dioxide<br>- Khối lượng 20gr<br>- Thời gian trộn 45 giây đến 1 phút<br>- Thời gian làm việc khoảng 8 phút từ sau khi trộn<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Lọ          | 12       |
| 402 | Xi măng sinh học cột sống độ nhớt cao đóng kín hoàn toàn                          | Xi măng sinh học cột sống độ nhớt cao đóng kín hoàn toàn dùng trong tạo hình thân đốt sống<br>- Thành phần: khoảng 18-19g bột polymer và 8 - 9g dung môi monomer, độ nhớt cao<br>- Kèm: bộ trộn và phân phối<br>- Thời gian làm việc của xi măng sau khi trộn khoảng 17 - 18 phút<br>- Thể tích xi măng sau khi trộn khoảng 16 - 17ml<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                           | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                         | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 403 | Xi măng sinh học kèm dung dịch pha trong bơm thân sống               | Xi măng sinh học kèm dung dịch pha dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống<br>- Bột xi măng khoảng 20g và dung dịch pha xi măng khoảng 8ml<br>- Thành phần:<br>+ Bột xi măng: Polymethyl Methacrylate (PMMA) khoảng 12.7g; Barium Sulphate (BaSO <sub>4</sub> ): 7.0g; Benzoyl Peroxide (BPO) khoảng 0.3g<br>+ Dung dịch pha: Methyl Methacrylate (MMA) khoảng 7.5 - 8.0ml, Dimethylparatoluide (DmpT) khoảng 0.1 - 0.2ml, Hydroquinone (HQ): 75ppm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 5        |
| 404 | Xương nhân tạo, bằng Bone morphogenetic protein 2, ≥ 0.5ml           | Xương nhân tạo dạng bột dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần: xương Bone Morphogenetic Protein 2 (BMP2) gồm: MP2 (rhBMP2) + DBM và Natural Polymer<br>- Thể tích ≥ 0.5ml, dạng gel<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                  | Hộp         | 3        |
| 405 | Xương nhân tạo, bằng Bone morphogenetic protein 2, khoảng 0.25 - 3ml | Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần: xương Bone Morphogenetic Protein 2 (BMP2) gồm: MP2 (rhBMP2) + DBM và natural polymer<br>- Thể tích 0.25 - 3ml, dạng gel<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                          | Hộp         | 3        |
| 406 | Xương nhân tạo, bằng Demineralized Bone Matrix, ≥ 3ml                | Xương nhân tạo khử khoáng dạng bột dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần: xương Demineralized Bone Matrix khoảng 80 - 85%<br>- Thể tích ≥ 3ml, dạng gel<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO                                                                                                                                                                                                                                | Hộp         | 3        |
| 407 | Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, ≥ 1ml                   | Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt<br>- Thể tích ≥ 1ml, dạng gel<br>- Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1 - 100μm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                  | Hộp         | 2        |
| 408 | Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, ≥ 2.5ml                 | Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt<br>- Thể tích ≥ 2.5ml, dạng gel<br>- Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1 - 100μm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                | Hộp         | 2        |
| 409 | Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, ≥ 5ml                   | Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương<br>- Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt<br>- Thể tích ≥ 5ml, dạng gel<br>- Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1 - 100μm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                  | Hộp         | 2        |
| 410 | Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ                                                | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dây 0.6 - 1mm, dạng thẳng, có 6 lỗ<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 10       |
| 411 | Miếng vá khuyết sọ khoảng 131 x 235 x 0.65mm (± 01%)                 | Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để che phủ vị trí khuyết sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Kích thước 131 x 235 x 0.65mm (± 01%)<br>- Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ"<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Miếng       | 3        |



| Stt | Tên danh mục                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 412 | Vít và sọ tự khoan, mũ vít 1.65mm và 2mm                        | Vít và sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Mũ vít cỡ 1.65mm và 2mm, đầu vít tự khoan, tự tạo ren, loại chống long<br>- Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 100      |
| 413 | Vít và sọ não tự khoan đường kính 1.5 - 2.0 mm                  | Vít và sọ não tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 1.5 - 2.0mm, dài 4-7mm, chống long<br>- Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 40       |
| 414 | Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính ≤ 2.0mm, dài 5 - 6mm | Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính ≤ 2.0mm, dài 5 - 6 mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 200      |
| 415 | Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren             | Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Thiết kế: Lỗ ốc khóa hình ngôi sao, ren vuông<br>- Tương thích với Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính ≤ 2.0mm, dài 5 - 6mm<br>- Đóng gói tiệt trùng sẵn, 2 vít khóa trong 1 hộp<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                     | Cái         | 20       |
| 416 | Nẹp và sọ, tối thiểu 16 lỗ                                      | Nẹp và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Chất liệu Titanium<br>- Có tối thiểu 16 lỗ, dài ≥ 10cm, khoảng cách lỗ 6mm<br>- Tương thích với vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính ≤ 2.0mm, dài 5 - 6mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                             | Cái         | 100      |
| 417 | Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũ vít tự dẫn hướng    | Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũ vít tự dẫn hướng dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Đường kính 5.2, 6.2mm tương ứng chiều dài 35, 40, 45, 50, 55, 60mm; đường kính 7.2mm, dài 20 - 75mm<br>- Bước ren đôi, hai bước ren, mũ vít tự dẫn hướng, khoảng cách ren 5mm, mũ vít tự dẫn hướng.<br>Góc dao động: 52°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                             | Cái         | 20       |
| 418 | Nẹp dọc thẳng đường kính tối thiểu 5.5mm dài ≥ 470mm            | Nẹp dọc thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Đường kính: 5.5mm<br>- Chiều dài: 470mm<br>- Thiết kế: đầu nẹp dọc hình thập giác<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũ vít tự dẫn hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                               | Cái         | 10       |
| 419 | Nẹp nối ngang tự điều chỉnh kích cỡ với 2 trục xoay             | Nẹp nối ngang tự điều chỉnh với 2 trục xoay dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Kích thước: 33mm – 34mm; 34mm – 36mm; 36mm – 40mm; 39mm – 47mm; 47mm – 61mm; 61mm – 90mm<br>- Thiết kế có thể co rút được với 2 trục xoay và chiều dài có thể điều chỉnh được. Kèm vít khóa trong<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũ vít tự dẫn hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 1        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 420 | Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau                                                                   | Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu Hợp kim titanium<br>- Đường kính 3.5 - 4.5mm, dài 10 - 50mm<br>- Tự tạo ren/ tự khoan.<br>- Vít đặc, vít rỗng nông<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                              | Cái         | 40       |
| 421 | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau, bằng hợp kim Titanium                                        | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau.<br>- Chất liệu hợp kim titanium.<br>- Vít khóa trong, có phần chụp đầu mũ vít<br>- Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                | Cái         | 40       |
| 422 | Nẹp dọc cột sống cổ sau, dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau, dài 25 - 240mm, đường kính ≤ 4.0mm, dài 25 - 240mm | Nẹp dọc cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu hợp kim titanium/ CoCr<br>- Đường kính ≤ 4.0mm, dài 25 - 240mm<br>- Đầu nẹp phẳng hoặc hình lục giác<br>- Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                  | Cái         | 8        |
| 423 | Nẹp ngang cổ sau góc xoay ±20°, đường kính ≤ 4.0mm, dài 34 - 60mm                                                       | Nẹp ngang cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu hợp kim titanium/ CoCr.<br>- Đường kính ≤ 4.0mm, dài 34 - 60mm, cao 12.0 - 12.5mm, góc xoay ±20°<br>- Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                             | Cái         | 2        |
| 424 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm                                  | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông hai bước ren<br>- Mũ vít bằng Cobalt Chrome, thân vít bằng Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 50       |
| 425 | Vít khóa trong                                                                                                          | Vít khóa trong<br>- Chất liệu: hợp kim Titanium<br>- Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm<br>- Đường kính ren 7.863mm<br>- Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.85mm<br>- Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10.38mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 50       |
| 426 | Nẹp dọc qua da uốn sẵn, đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm                                                     | Nẹp dọc qua da uốn sẵn các cỡ<br>- Chất liệu Cobalt Chrome<br>- Đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                            | Cái         | 20       |
| 427 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm      | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nông cánh ren ngược bắt qua da, dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Đường kính: 5.5/ 6.5/ 7.5mm, dài 30 - 50mm<br>- Rỗng nông. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                         | Cái         | 50       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                           | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 428 | Vít khoá trong cho vít đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng                       | <p>Vít khoá trong cho vít đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium</li> <li>- Tổng chiều dài của vít khoá trong bao gồm phần bẻ vít: 10.38mm</li> <li>- Đường kính <math>\geq 8.883\text{mm}</math></li> <li>- Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm</li> <li>- Chiều dài của phần vít khoá trong không bao gồm phần bẻ vít: 4.65mm</li> <li>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p> | Cái         | 50       |
| 429 | Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn, qua da, dài 30 - 130mm, đường kính tối thiểu 5.5mm                      | <p>Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn bắt qua da dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm</li> <li>- Dài từ 30mm đến 130mm, bước tăng 5mm</li> <li>- Thiết kế có 1 đầu tù, 1 đầu có mấu</li> <li>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                          | Cái         | 20       |
| 430 | Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu                                | <p>Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài khoảng 150mm</li> <li>- Tay cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ</li> <li>- Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính khoảng 4.191mm và nòng bên trong với đường kính khoảng 3.175mm</li> <li>- Bao gồm 01 kim mũi vát, 01 kim mũi trocar</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                   | Cái         | 25       |
| 431 | Vít đơn trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng, đường kính 4.0 - 7.5mm, dài 5 - 60mm               | <p>Vít cột sống lưng đơn trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 4.0 - 7.5mm, dài 5 - 60mm, góc xoay 60°</li> <li>- Ren đầu vít dạng khóa ngàm vuông</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 10       |
| 432 | Vít cột sống lưng đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 60mm | <p>Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 60mm, góc xoay 60°</li> <li>- Ren đầu vít dạng khóa ngàm vuông</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 50       |
| 433 | Vít khóa trong cho vít đơn và đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng                            | <p>Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đầu vít khóa trong hình sao, khóa ngàm vuông</li> <li>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/ đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 60       |
| 434 | Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dài $\geq 500\text{mm}$ , đường kính tối thiểu 5.5mm                      | <p>Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt chrome và Titan</li> <li>- Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài <math>\geq 500\text{mm}</math></li> <li>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/ đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng"</li> </ul> <p>Tiệt khuẩn<br/>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</p>                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 10       |

*Handwritten signature*



| Stt | Tên danh mục                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 435 | Vít cột sống cổ lồi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0/ 4.5mm, dài 11 - 17mm | Vít cột sống cổ, đơn/ đa hướng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước<br>- Vật liệu: Hợp kim Titanium<br>- Đường kính 4.0 mm, 4.5mm<br>- Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm<br>- Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm<br>- Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài.<br>- Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài.<br>- Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 30       |
| 436 | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động, dài 19 - 32.5mm                      | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 19 - 32.5mm, dày $\geq 2.5$ mm, rộng 17 - 18mm<br>- Trên nẹp có khóa vít, 4 lỗ, 1 tầng<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0/ 4.5mm, dài 11 - 17mm"<br>Tiệt khuẩn<br>- TTiêu chuẩn CE (Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 5        |
| 437 | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động, dài 27.5 - 55mm                      | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 27.5 - 55mm, dày $\geq 2.5$ mm, rộng 17 - 18mm<br>- Trên nẹp có khóa vít, 6 lỗ, 2 tầng<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0/ 4.5mm, dài 11 - 17mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 5        |
| 438 | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động, dài 45 - 72.5mm                      | Nẹp cột sống cổ lồi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 45 - 72.5mm, dày $\geq 2.5$ mm, rộng 17 - 18mm<br>- Trên nẹp có khóa vít, 8 lỗ, 3 tầng<br>- Tương thích với vít cột sống cổ lồi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0/ 4.5mm, dài 11 - 17mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 3        |
| 439 | Vít và sọ não tự khoan, đường kính khoảng 1.6mm, dài khoảng 4mm               | Vít và sọ não tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 1.6mm, dài khoảng 4mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái         | 800      |
| 440 | Nẹp thẳng và sọ, 8 lỗ                                                         | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dây 0.6 - 1mm, dạng thẳng, có khoảng 8 lỗ<br>- Tương thích với "Vít và sọ não tự khoan, đường kính khoảng 1.6mm, dài khoảng 4mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 100      |
| 441 | Mũi khoan đốt sống, rỗng nông, cỡ 3                                           | Mũi khoan đốt sống, rỗng nông dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu hợp kim<br>- Kích thước: size 3, cỡ 8G (đường kính ngoài khoảng 4.2mm)<br>- Bao gồm:<br>+ 02 ống Trocar dạng rỗng nông có đường kính ngoài $\leq 4.2$ mm, có vạch chia trên thân $\leq 120$ mm<br>+ 01 nông bên trong ống Trocar<br>+ 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện sâu vào thân sống trên thân mũi khoan (tối đa $\geq 40$ mm)<br>+ 02 kim dẫn đường mũi nhọn<br>+ 02 kim dẫn đường đầu tù<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                | Cái         | 15       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 442 | Bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm xi măng sinh học tạo hình thân sống có độ quánh cao có kháng sinh, có cân quang | Bơm áp lực đẩy xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu nhựa<br>- Áp lực bơm tối đa $\geq 400\text{psi}$<br>- Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 3"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                        | Bộ          | 15       |
| 443 | Bộ trộn và phân phối xi măng sinh học có độ quánh cao có kháng sinh, có cân quang                               | Bộ trộn và phân phối xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu nhựa<br>- Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 3"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                              | Bộ          | 15       |
| 444 | Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh         | Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống, dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu thép không gỉ và tay cầm nhựa<br>- Bao gồm:<br>+ 01 ống rỗng nòng có đường kính 8G<br>+ 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích<br>- Dung tích tối thiểu 1.5ml, cỡ 3<br>- Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 3"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)          | Bộ          | 30       |
| 445 | Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống, có độ quánh cao có kháng sinh, có cân quang      | Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống qua da<br>- Bao gồm dung dịch đơn phân và polymer dạng bột trong đó có khoảng 30 - 32% Barisunfat<br>- Độ kết dính, có cân quang<br>- Thời gian đông khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22° C<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                     | Lọ          | 20       |
| 446 | Ống phun keo sinh học sử dụng cho keo sinh học dán màng não và cột sống chống rò dịch não tủy                   | Ống phun keo sinh học dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não, cột sống để ngừa rò dịch não tủy<br>- Chất liệu nhựa<br>- Ống phun sương dài $\geq 14\text{cm}$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                         | Cái         | 5        |
| 447 | Keo sinh học và màng cứng vùng não và cột sống 5ml                                                              | Keo sinh học và màng cứng vùng não và cột sống<br>- Hỗn hợp gồm: tiền chất Polythylene Glycol (PEG) và trilycine amine/ buffer<br>- Tương thích với "Ống phun keo sinh học sử dụng cho keo sinh học dán màng não và cột sống chống rò dịch não tủy"<br>- Dung tích $\geq 5\text{ml}$ .<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                              | Tuýp        | 30       |
| 448 | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng                        | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng<br>- Chất liệu hợp kim titan<br>- Đường kính 5.5 - 8.5mm, dài khoảng từ 30 - 100mm<br>- Đầu vít đa trục, biên độ hoạt động $\pm 30^\circ$ (tổng cộng 60°)<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                  | Cái         | 20       |
| 449 | Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm                                        | Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.0 - 10.0mm, dài 20 - 90mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 10       |
| 450 | Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm                   | Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng trên người bệnh có nguy cơ loãng xương/ loãng xương mức độ nhẹ<br>- Chất liệu Titanium, bề mặt vít phủ hydroxyapatite<br>- Đường kính vít 4.0 - 10.0mm, dài 20 - 90mm<br>- Tự tạo ren, mũi vít cùn, biên độ hoạt động $\pm 30^\circ$ (tổng cộng 60°)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                                 | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 451 | Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm      | Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm<br>- Tự tạo ren, mũi vít cùn<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 20       |
| 452 | Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn         | Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Cơ chế khóa xoay 90°<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                              | Cái         | 70       |
| 453 | Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính ≤ 5.5 mm           | Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng cố định vít và vít trong khi cố định cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu hợp kim titanium<br>- Chiều dài 30 - 500mm, đường kính ≤ 5.5 mm<br>- Thẳng, uốn cong được<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)       | Cái         | 20       |
| 454 | Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống                           | Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu dây nối Polyethylene Terephthalate (PET), miếng đệm chất liệu Polycarbonate Urethane (PCU)<br>- Chiều dài 20 - 42mm, bước tăng 2mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 2        |
| 455 | Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ          | Nẹp bán động 2 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu dây nối Polyethylene Terephthalate (PET), miếng đệm chất liệu Polycarbonate Urethane (PCU)<br>- Chiều dài 20 - 42mm, bước tăng 2mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"/<br>"Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 2        |
| 456 | Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ        | Vít cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 3.5mm/ 4.0mm/ 4.5 mm, dài 10 - 40 mm<br>- Bán kính góc xoay lớn nhất khoảng 50° - 60°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 20       |
| 457 | Vít khóa trong cột sống cổ sau, lõi hình sao tương thích vít cột sống cổ sau | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Lõi hình sao, cung xoay tối đa 80°<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 458 | Nẹp dọc cột sống cổ, tự chuyển đổi cổ và ngực từ đường kính 3.5mm ra 5.5mm                                      | Nẹp dọc tự chuyển đổi cổ và ngực dùng trong phẫu thuật cột sống cổ và ngực lối sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Tự chuyển đổi đường kính 3.5mm ra 5.5mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                | Cái         | 2        |
| 459 | Nẹp dọc cột sống cổ đường kính ≤ 3.5mm, dài 60/ 120/ 240mm                                                      | Nẹp dọc cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lối sau<br>- Chất liệu titanium<br>- Đường kính ≤ 3.5mm, dài 60/ 120/ 240mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                      | Cái         | 6        |
| 460 | Vít chằm cổ sau, đường kính 4.5/ 5.0mm, dài 6 - 14mm                                                            | Vít chằm cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao lối sau<br>- Chất liệu Titanium, tự tạo ren<br>- Đường kính khoảng 4.5/ 5.0 mm, dài 6 - 14mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                             | Cái         | 8        |
| 461 | Nẹp dọc chằm cổ uốn sẵn, dài ≥ 240mm, đường kính ≤ 3.5mm                                                        | Nẹp dọc chằm cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao lối sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài ≥ 240mm, đường kính ≤ 3.5mm<br>- Tương thích với "Vít chằm cổ sau, đường kính 4.5/ 5.0mm, dài 6 - 14mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                   | Cái         | 2        |
| 462 | Nẹp chằm cổ sau, 5 lỗ, dài 35/ 40/ 45mm                                                                         | Nẹp chằm cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao lối sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài 35/ 40/ 45mm<br>- Có 4 - 5 lỗ trên thân nẹp<br>- 2 bên có điểm nối với nẹp nối dọc chằm cổ<br>- Tương thích với "Vít chằm cổ sau, đường kính 4.5/ 5.0mm, dài 6 - 14mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                    | Cái         | 2        |
| 463 | Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm | Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm<br>- Đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, kèm kim đẩy xi măng, có góc xoay 46 °- 60 °<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                          | Cái         | 160      |
| 464 | Vít khóa trong của vít cố định đơn trực/ đa trực trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu               | Vít khóa trong tự khóa tự ngắt<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                               | Cái         | 160      |
| 465 | Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm                                                  | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu titanium<br>- Chiều dài 35 - 500mm, đường kính tối thiểu 5.5mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 60       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                    | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 466 | Kim cấy xi măng dùng cho vít bơm xi măng và bắt vít qua da                                      | Kim cấy xi măng dùng cho vít bơm xi măng và bắt vít qua da dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 1.8 - 2.0mm, dài 270 - 280mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                              | Cái         | 80       |
| 467 | Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trực bơm xi măng                       | Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trực bơm xi măng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng ngực<br>- Thành phần: polymethyl metacrylate, có tính cân quang<br>- Thời gian đông khoảng 15 phút ở nhiệt độ 28° C<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                             | Lọ          | 80       |
| 468 | Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng             | Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu kèm bơm xi măng<br>- Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI<br>- Thân vít rỗng, đường kính 4.5 - 9.5mm, dài 25 - 100mm.<br>- Đuôi vít đường kính ≤ 12.5mm, dài ≥ 150mm<br>- Kim cấy xi măng đường kính ≤ 1.8mm, dài ≥ 273mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                     | Cái         | 40       |
| 469 | Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời                            | Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI<br>- Thân vít rỗng ≤ 1.9mm, đường kính 4.5 - 9.5mm, dài 25 - 100mm<br>- Đuôi vít đường kính ≤ 12.5mm, dài ≥ 150mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                  | Cái         | 20       |
| 470 | Vít khóa trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời                                        | Vít khóa trong của vít hai ren đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Đầu vận hành hoa thị<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng"/ "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                     | Cái         | 60       |
| 471 | Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu bằng titanium<br>- Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài 30 - 150mm<br>- Khối trụ, loại thẳng hoặc uốn sẵn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng"/ "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 20       |
| 472 | Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da          | Nẹp dọc dùng cho vít 2 ren bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài 50 - 125mm, đường kính ≤ 5.5mm<br>- Hình trụ, thẳng<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng"/ "Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                | Cái         | 10       |
| 473 | Vít cột sống lưng đa trực đuôi nhỏ, kèm vít khóa trong                                          | Vít cột sống lưng đa trực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính tối thiểu 12.5mm, dài 25 - 110mm, kèm vít khóa trong<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 160      |



| Stt | Tên danh mục                                                                                  | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 474 | Nẹp dọc cột sống lưng, dài 250 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm                               | Nẹp dọc cột sống lưng<br>- Chất liệu titanium<br>- Chiều dài 250 - 500mm, đường kính tối thiểu 5.5mm, nẹp thẳng<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi nhỏ, kèm vít khóa trong"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                              | Cái         | 40       |
| 475 | Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống                                            | Bộ trộn và phân phối xi măng dùng cho phẫu thuật tạo hình thân đốt sống,<br>- Chất liệu bóng bằng kim loại/ thủy tinh<br>- Ống trộn xi măng<br>- 5 bơm tiêm xi măng (3ml)<br>- Khóa vận<br>- Thể tích tối thiểu 15ml<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                       | Bộ          | 20       |
| 476 | Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 125 - 130mm                        | Kim chọc dò bơm xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Kích thước: cỡ 11G, 13G<br>- Dài 100 - 150mm<br>- Nòng rỗng và có cây lõi bên trong<br>- Tương thích với "Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                       | Cái         | 40       |
| 477 | Xi măng hóa học bơm thân sống                                                                 | Xi măng hóa học tạo bơm thân sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Thành phần: polymetyl - metacrylate, có tính cản quang<br>- Trọng lượng khoảng 27.0 - 27.5g bột và 9.0 - 9.5g dịch<br>- Tương thích với "Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)           | Lọ          | 50       |
| 478 | Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng | Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Đường kính ngoài: 5.0; 5.5 6.0; 6.5; 7.0; 7.5mm, dài 25 - 100mm<br>- Thiết kế: đầu vít đa trục, thân vít rỗng ruột, đuôi vít dài 120mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn ISO                                                                       | Cái         | 20       |
| 479 | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 7 - 8mm         | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Đường kính 7 - 8mm<br>- Dài 12 - 13mm<br>- Đầu tù, cánh ren ngược<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm"<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                       | Cái         | 20       |
| 480 | Nẹp dọc uốn sẵn đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm                                  | Nẹp dọc dùng cho phẫu thuật cột sống qua da<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90 mm<br>- Nẹp dọc uốn sẵn, một đầu thanh dọc hơi nhọn, một đầu dẹp, có lỗ tròn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 10       |
| 481 | Vít cột sống cổ đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau                            | Vít cột sống cổ đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu Titanium.<br>- Đường kính 3.5 - 4.5mm, dài 8 - 52mm<br>- Góc xoay 50°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                | Cái         | 60       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                           | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 482 | Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm                                                     | Vít khóa trong cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 3.5 - 4.5mm<br>- Hình lục giác/ ngôi sao<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                            | Cái         | 60       |
| 483 | Nẹp dọc cột sống cổ, dài khoảng 50mm, đường kính ≤ 3.3mm, dài ≥ 50mm                                   | Nẹp dọc cột sống cổ dài dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính ≤ 3.3mm, dài ≥ 50mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                           | Cái         | 8        |
| 484 | Nẹp ngang cột sống cổ dài 30 - 70mm tương thích vít đa trục cột sống cổ                                | Nẹp ngang cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium.<br>- Chiều dài 30 - 70mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                       | Cái         | 2        |
| 485 | Vít cột sống lưng đa trục, bằng Titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm<br>- Đầu gắn ren tù cho vỏ xương, đầu xa ren bên cho xương xốp, góc xoay 40° (± 20°)<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                   | Cái         | 60       |
| 486 | Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực                                 | Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Cao ≥ 5.3mm, đường kính ≤ 10mm<br>- Hình lục giác/ ngôi sao<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, bằng Titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 60       |
| 487 | Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính ≤ 6.0mm, dài ≥ 400mm                                                 | Nẹp dọc cột sống lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính ≤ 6.0mm, dài ≥ 400mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, bằng titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                              | Cái         | 10       |
| 488 | Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm (kèm vít khóa trong)                           | Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu bằng hợp kim Titanium<br>- Đường kính đầu vít khoảng 12 - 13mm<br>- Đường kính vít 4.5 - 8.5mm, dài vít 30 - 55mm<br>- Kèm vít khóa trong<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                   | Cái         | 20       |
| 489 | Thanh dọc titanium đường kính khoảng 5.5mm dài khoảng 450mm                                            | Thanh dọc dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu làm bằng hợp kim titanium<br>- Đường kính khoảng 5.5mm, dài khoảng 450mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm (kèm vít khóa trong)"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                              | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                                                         | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 490 | Vít cột sống lưng đơn trục kèm vít khóa trong, đường kính 5.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm                                                                                                 | Vít cột sống lưng đơn trục ren đôi, đuôi vít hình Tulip dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực<br>- Chất liệu làm bằng Titanium<br>- Thân vít có ren đơn hoặc ren đôi dạng xoắn ốc tự Taro.<br>- Đường kính từ 4.75mm, 5.5mm, 6.25mm, 7.0mm, 7.75mm, 8.5mm. Chiều dài từ 25mm - 80mm.<br>- Đi kèm vít khóa trong hình sao 6 cạnh, 3 đường ren, đường kính 9.5mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                 | Cái         | 10       |
| 491 | Vít cột sống lưng đa trục kèm vít khóa trong, đuôi vít hình Tulip, 5.5 - 8.5 mm, dài 25 - 80mm                                                                                       | Vít cột sống lưng đa trục ren đôi, đuôi vít hình Tulip dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu làm bằng Titanium<br>- Đường kính từ 4.75mm, 5.5mm, 6.25mm, 7.0mm, 7.75mm, 8.5mm. Chiều dài từ 25mm - 80mm<br>- Vít quay đa hướng có góc quay 45° quanh thân vít<br>- Thân vít có ren đôi dạng xoắn ốc<br>- Đi kèm vít khóa trong hình sao 6 cạnh, 3 đường ren, đường kính 9.5mm.<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái         | 30       |
| 492 | Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít đa trục đuôi vít Tulip, đường kính 5.5 - 6.0mm, dài ≥ 500mm                                                                                         | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực<br>- Chất liệu bằng Cobalt chrome và Titanium<br>- Đường kính 5.5mm - 6.0mm, dài 500- 600mm<br>- Thiết kế dạng thẳng, có thể uốn cong, đầu thanh dọc có hình lục giác điều chỉnh hướng<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/đa trục kèm vít khóa trong, đuôi vít hình Tulip, 5.5 - 8.5 mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)              | Cái         | 10       |
| 493 | Vít cột sống lưng đa trục hai rãnh mũ vít kèm vít khóa trong cột sống lưng, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 25 - 120mm                                                                   | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 25 - 120mm<br>- Vít tự tạo ren, đa trục, góc dao động lên đến 60 độ, kèm vít khóa trong<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                 | Cái         | 40       |
| 494 | Nẹp dọc cột sống thẳng, dài 40 - 450mm, đường kính 5.0/ 5.5/ 6.0mm                                                                                                                   | Nẹp dọc thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 5.0/ 5.5/ 6.0mm, dài 40 - 450mm<br>- Thẳng, uốn cong được<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai rãnh mũ vít kèm vít khóa trong cột sống lưng, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 25 - 120mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                  | Cái         | 5        |
| 495 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, nhiều tầng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, nhiều tầng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm<br>- Đầu vít dạng khóa ngàm vuông. Cánh ren trên thân vít dạng ren đôi. Góc xoay của vít là 60°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                     | Cái         | 40       |
| 496 | Vít khóa trong cho vít đa trục ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu                                                                           | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đầu vít khóa dạng hình sao, rỗng nòng<br>- Cánh ren trên đầu vít dạng khóa ngàm vuông<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                   | Cái         | 40       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 497 | Nẹp dọc cột sống thắt lưng cho vít đa trục rộng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông, dài 20 - 160mm                                                 | Nẹp dọc cột sống lưng loại qua da dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Cobalt chromium và titanium<br>- Chiều dài 20 - 160mm<br>- Uốn sẵn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rộng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm" tại danh mục mời thầu<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                  | Cái         | 10       |
| 498 | Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn                                                                               | Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) hoặc tương đương<br>- Đường kính 4.0- 8.5mm, bước tăng 0.5mm<br>- Chiều dài 25 - 60mm, bước tăng 0.5mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                    | Cái         | 20       |
| 499 | Vít khóa trong đồng bộ vít đa trục 2 kiểu ren                                                                                                     | Vít khóa trong tương thích vít đa trục 2 kiểu ren dùng trong phẫu thuật cột sống<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium(Ti - 6Al-4V) hoặc tương đương<br>- Kích thước 1.38 - 2.75mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                     | Cái         | 20       |
| 500 | Nẹp dọc tròn tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500mm, dùng cho vít cột sống 2 kiểu ren                                                                       | Nẹp dọc tròn dành cho mật độ xương trung bình và thấp<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium(Ti - 6Al-4V) hoặc tương đương<br>- Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                | Cái         | 4        |
| 501 | Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm | Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng qua da dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng ở nhóm người bệnh loãng xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 10.0mm, dài 25 - 60mm<br>- Vít có 15 lỗ, đường kính lỗ bơm xi măng khoảng 1.0-1.2mm, ống nông qua da khoảng 15 - 20mm.<br>- Tự tạo ren, góc xoay ± 30°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)              | Cái         | 30       |
| 502 | Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng                                                                             | Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Dạng khóa kép, dạng vít lồng trong vít, rộng của bước ren là $0.48 \pm 0.05$ mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 30       |
| 503 | Kim chuyển đổi vít đa trục bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng                                                                  | Kim chuyển đổi vít đa trục bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu titanium<br>- Hình que<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                             | Cái         | 30       |
| 504 | Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong, dài 30 - 200mm, đường kính 5.5 - 6.0mm                                                                         | Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong<br>- Chất liệu titanium<br>- Đường kính 5.5 - 6.0mm, dài 30 - 200 mm<br>- Hình trụ, thân nẹp uốn cong, 2 đầu dạng nhọn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                           | Cái         | 6        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                              | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 505 | Vít cột sống lưng đơn<br>trục cột sống có rãnh mặt<br>trong mũ vít hình vuông,<br>đường kính 4.5 - 10mm,<br>dài 25 - 60mm | Vít cột sống lưng đơn trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông dùng trong phẫu thuật cột sống<br>lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 10.0mm, dài 25 - 60mm<br>- Tự tạo ren, đầu vít thon hình nón<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái            | 20       |
| 506 | Vít cột sống lưng đa trục<br>có rãnh mặt trong mũ vít<br>hình vuông, đường kính<br>4.5 - 10mm, dài 25 -<br>60mm           | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 10.0mm, dài 25 - 60mm<br>- Tự tạo ren, góc xoay $\pm 30^\circ$<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái            | 80       |
| 507 | Vít cột sống lưng cố định<br>kép rãnh mũ vít hình<br>vuông, đường kính 4.5 -<br>8.5mm, dài 25 - 80mm                      | Vít cột sống lưng cố định kép dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái            | 40       |
| 508 | Vít khóa trong vít có rãnh<br>mặt trong mũ vít hình<br>vuông                                                              | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Bước ren ngang với góc mở $12^\circ$ và rộng của bước ren là khoảng $0.48 \pm 0.05\text{mm}$<br>- Tương thích với "vít cột sống lưng đơn trục/đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"/"vít cột sống lưng cố định kép rãnh mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                               | Cái            | 140      |
| 509 | Nẹp dọc cột sống lưng<br>ngực, dài $\leq 500\text{mm}$ ,<br>đường kính $\leq 6.0\text{mm}$                                | Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu bằng hợp kim titanium/ Cor<br>- Chiều dài $\leq 500\text{mm}$ , đường kính $\leq 6.0\text{mm}$<br>- Có dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác<br>- Tương thích với "vít cột sống lưng đơn trục/đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"/"vít cột sống lưng cố định kép rãnh mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái            | 20       |
| 510 | Nẹp dọc cột sống lưng<br>ngực, dài 60 - 95mm,<br>đường kính $\leq 6.0\text{mm}$                                           | Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu bằng hợp kim Titanium/ Cor<br>- Chiều dài 60 - 95mm, đường kính $\leq 6.0\text{mm}$<br>- Dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác<br>- Tương thích với "vít cột sống lưng đơn trục/đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm"/"vít cột sống lưng cố định kép rãnh mũ vít hình vuông, đường<br>kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)               | Cái            | 15       |
| 511 | Vít cột sống cổ lõi trước<br>đa hướng dùng kèm nẹp<br>cổ trước có vòng khóa                                               | Vít cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium<br>- Đường kính 4.0mm, 4.5mm, dài 12 - 18mm<br>- Đa hướng, có rãnh tự tạo ren<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái            | 30       |
| 512 | Nẹp cột sống cổ trước có<br>vòng khóa 1 tầng, dài 12 -<br>26mm                                                            | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 12 - 26mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                     | Cái            | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 513 | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng, dài 24 - 46mm                                           | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 24 - 46mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                    | Cái         | 5        |
| 514 | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng, dài 39 - 69mm                                           | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 39 - 69mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                    | Cái         | 3        |
| 515 | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng, dài 60 - 84mm                                           | Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Chiều dài 60 - 84mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                    | Cái         | 3        |
| 516 | Vít cột sống lưng bán động, phù chất kích thích mọc xương, đường kính 5.5/6.5/7.5mm, dài 30 - 55mm | Vít cột sống lưng bán động, phù chất kích thích mọc xương dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu bằng hợp kim Titanium được phủ bionit (canxium phosphate)<br>- Đường kính 5.5/ 6.5/ 7.5mm, dài 30-> 55mm (mỗi size tăng 5mm)<br>- Thiết kế: Mũ vít có dạng hình tulip, mũ vít được nối với thân vít bởi một khớp nối tròn. Lõi vít hình nón, đầu mũ vít tự cắt và có lỗ dẫn đường bắt vít<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 20       |
| 517 | Vít khóa trong vít bán động cột sống lưng                                                          | Vít khóa trong vít bán động dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng bán động, phù chất kích thích mọc xương, đường kính 5.5/6.5/7.5mm, dài 30 - 55mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                        | Cái         | 20       |
| 518 | Nẹp dọc cột sống lưng, ngực cho vít bán động, dài khoảng 200mm, đường kính khoảng 6.0mm            | Nẹp dọc cho vít bán động dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống lưng, ngực<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài $\geq 200\text{mm}$ , đường kính $\leq 6.0\text{mm}$<br>- Đầu nẹp dọc có khoan lỗ<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng bán động, phù chất kích thích mọc xương, đường kính 5.5/6.5/7.5mm, dài 30 - 55mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                          | Cái         | 3        |
| 519 | Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính 4.0 - 8.5mm                                     | Vít cột sống lưng đa trục, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng.<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium, mũ vít bằng Cobalt Chrome,<br>- Đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 20 - 60mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 40       |
| 520 | Vít khóa trong dùng cho vít cột sống lưng tự ngắt, tự đo lực, đường kính khoảng 7 - 8mm            | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium<br>- Đường kính 7 - 8mm<br>- Dài 12 - 13mm<br>- Đầu tù, cánh ren ngược<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính 4.0 - 8.5mm"<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                          | Cái         | 40       |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                              | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 521 | Nẹp dọc thẳng cột sống thắt lưng                                                                                                          | Nẹp dọc cột sống thắt lưng dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng<br>- Hợp kim Cobalt Chrom<br>- Đường kính khoảng 4.5 - 5.0mm, dài $\geq 500$ mm, loại thẳng<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính 4.0 - 8.5mm" tại danh mục mời thầu<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                               | Cái         | 10       |
| 522 | Nẹp ngang cột sống lưng, dài 10 - 75mm                                                                                                    | Nẹp ngang dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng.<br>- Chiều dài 10 - 75mm<br>- Kèm tối thiểu 02 vít khóa trong<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính 4.0 - 8.5mm" Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 2        |
| 523 | Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30-60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm                                                                          | Vít cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 60mm, đầu vít dài 77/ 127mm<br>- Lòng vít rộng, vít tự tạo ren<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 80       |
| 524 | Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít cột sống lưng rộng nông, dài 50 - 200mm, đường kính $\leq 6.0$ mm                                        | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong mổ cột sống xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính $\leq 6.0$ mm, dài 50 - 200mm<br>- Thiết kế kiểu thanh dọc, tròn, hình dạng cong được uốn sẵn, 1 đầu nẹp thuôn nhọn, 1 đầu nẹp có ngàm để gắn vào trụ cụ đặt nẹp<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30-60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm" tại danh mục mời thầu<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                             | Cái         | 20       |
| 525 | Vít cột sống lưng đầu dài dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm | Vít cột sống lưng đầu dài dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đầu vít đơn trục dài 27.2mm/ đa trục dài 28.2mm, đoạn tab bẻ dài 12mm<br>- Đường kính vít khoảng 4.5 - 8.5mm, dài khoảng 20 - 130mm<br>- Đầu vít và lõi hình nón, vít đa trục có góc xoay 45°, thân vít thiết kế dạng ren đôi. Vít được mã hoá màu theo kích cỡ vít. Mũi vít tự taro<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                             | Cái         | 40       |
| 526 | Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15.2mm/ 16.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm                                    | Vít cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 120      |
| 527 | Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm                              | Vít khóa trong đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15.2mm/ 16.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm"/ "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm"<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                         | Cái         | 240      |
| 528 | Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5/6.0mm                                                                              | Nẹp dọc cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài 120 - 200mm, đường kính 5.5mm/ 6.0mm<br>- Thanh tròn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15.2mm/ 16.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm"/ "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm"<br>Tiết khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 529 | Nẹp dọc cột sống lưng, dài khoảng 400mm, đường kính 5.5/6.0mm                    | Nẹp dọc cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài $\geq$ 400mm, đường kính 5.5mm/ 6.0mm<br>- Thanh tròn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15.2mm/ 16.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm"/ "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                        | Cái         | 10       |
| 530 | Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong, đường kính 3.5/ 4.0mm                       | Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium.<br>- Đường kính khoảng 3.5/ 4.0mm<br>- Vít tự tạo ren, góc xoay khoảng 45°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 80       |
| 531 | Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu                                                | Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính khoảng 3.5/ 6.0mm, dài khoảng 100 - 300mm<br>- Hình trụ<br>- Tương thích với "Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong, đường kính 3.5/ 4.0mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 20       |
| 532 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng | Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Đường kính 4.5mm - 7.2mm<br>- Chiều dài 25mm - 80mm<br>- Thiết kế: Thân vít có bước ren đôi, hai bước ren rỗng nòng, mũi vít tự ta rô. Có lỗ cho phép bơm xi măng. Bước ren đôi 5 mm. Góc dao động: 52°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                    | Cái         | 20       |
| 533 | Vít cột sống lưng rỗng nòng bơm xi măng đa trục, hai bước ren                    | Vít cột sống lưng rỗng nòng bơm xi măng đa trục, hai bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống ở bệnh nhân loãng xương<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Đường kính 5.2, 6.2mm tương ứng chiều dài 35, 40, 45, 50, 55, 60mm ; đường kính 7.2mm tương ứng chiều dài 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80mm<br>- Thân vít rỗng nòng và có lỗ bơm xi măng, mũi vít tù. Bước ren đôi, hai bước ren với khoảng cách 5 mm. Góc dao động: 52°<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 20       |
| 534 | Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren               | Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu + bơm xi măng<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 10       |
| 535 | Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45°                   | Vít cột sống dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính 3.5, 4.0, 4.5 mm, dài 10 - 52mm<br>- Tự taro<br>- Góc nghiêng tối đa khoảng 45°<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 20       |



| Stt | Tên danh mục                                                             | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 536 | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau, bằng Titanium | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Ren chịu lực<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45°"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                    | Cái         | 20       |
| 537 | Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn, một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn               | Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật làm cứng cột sống lưng, ngực bắt vít qua da<br>- Chất liệu: Ti6Al4V ELI<br>- Kích thước: 5.5mm; chiều dài: 40mm - 135mm<br>- Thiết kế: một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45°"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 10       |
| 538 | Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài ≥ 240mm, đường kính 3.0 - 3.2mm             | Nẹp dọc cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Chiều dài ≥ 240mm, đường kính 3.0 - 3.2mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45°"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                              | Cái         | 4        |
| 539 | Vít cố định chằm cổ, dài 6 - 14mm, đường kính 4.0/ 4.5mm                 | Vít cố định chằm cổ dùng kèm nẹp cố định xương chằm cổ, hình thang<br>- Vật liệu: Titanium<br>- Đường kính 4.0/ 4.5 mm, dài 6 - 14mm<br>- Vít ren xương cứng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                  | Cái         | 8        |
| 540 | Nẹp cố định xương chằm cổ                                                | Nẹp cố định xương chằm cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao<br>- Chất liệu: hợp kim Titanium<br>- Đường kính khoảng 3.2mm<br>- Dài 200mm<br>- Thiết kế uốn sẵn tại vùng chằm<br>- Đường kính vùng uốn khoảng 3.6mm<br>- Tương thích với "Vít cố định chằm cổ, dài 6 - 14mm, đường kính 4.0/ 4.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)   | Cái         | 2        |
| 541 | Kim đốt sóng cao tần làm mát đồng bộ với ống dẫn nước                    | Kim đốt sóng cao tần làm mát đồng bộ với ống dẫn nước trong điều trị đau bằng sóng cao tần<br>- Chất liệu hợp kim Constantan và thép không gỉ<br>- Kích cỡ 50/75/100/150mm, đường kính tối thiểu 17G, kim có chế độ đơn cực, lưỡng cực, đa cực<br>- Tương thích với "Ống dẫn nước làm mát"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                    | Cái         | 5        |
| 542 | Kim đốt sóng cao tần điều trị đau mạn tính                               | Kim đốt sóng cao tần điều trị đau mạn tính<br>- Chất liệu hợp kim Constantan và thép không gỉ<br>- Kích cỡ 50/54/60/100/145/200mm, đường kính 18/20/21/22G<br>- Kim có các loại thẳng hoặc cong, có chế độ đơn cực, lưỡng cực, đa cực<br>- Tương thích với "Ống dẫn nước làm mát"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                             | Cái         | 5        |
| 543 | Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần làm mát                             | Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần làm mát trong điều trị đau mạn tính<br>- Chất liệu thép không gỉ, nhựa PVC<br>- Kim dài 50/75/100/150mm, đầu hoạt động 2/4/5.5mm, đường kính tối thiểu 17G<br>- Tương thích với "Ống dẫn nước làm mát"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                               | Cái         | 5        |



| Stt | Tên danh mục                                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 544 | Kim chọc dò cân quang                                                                                   | Kim chọc dò cân quang trong điều trị đau mạn tính<br>- Chất liệu thép không gỉ, hợp kim Platinum-Iridium<br>- Kim dài 54/60/100/145/200mm, đường kính 18/20/21/22G<br>- Tương thích với Ống dẫn nước làm mát cho kim đốt sóng cao tần và kim chọc dò<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                              | Cái         | 20       |
| 545 | Ống dẫn nước làm mát                                                                                    | Ống dẫn nước làm mát cho kim đốt sóng cao tần và kim chọc dò<br>- Chất liệu Polycarbonate, PVC<br>- Tương thích với "Kim đốt sóng cao tần làm mát đồng bộ với ống dẫn nước"/ "Kim đốt sóng cao tần điều trị đau mạn tính"/ "Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần làm mát"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                         | Cái         | 5        |
| 546 | Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)                                                                | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn<br>- Chất liệu Titanium<br>- Kích thước: 4.5 - 8.0mm, dài 30 - 60mm<br>- Đầu vít dài dạng 1/4 ống<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                  | Cái         | 50       |
| 547 | Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn                     | Vít khóa trong vít đa trục 1/4 ống dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đầu vít hình ngôi sao<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                                                                        | Cái         | 50       |
| 548 | Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)           | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn cột sống lưng, ngực lối sau<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính $\leq 5.5$ mm, dài 40 - 150mm<br>- 1 đầu thuận nhọn, 1 đầu gấn<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                                                         | Cái         | 25       |
| 549 | Vít cột sống lưng đa trục lồng rỗng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm | Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng trên người bệnh loãng xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính vít: 5.5/ 6.0/ 6.25/ 6.5mm, dài 35 - 60mm<br>- Ren đôi, góc xoay 30°, lồng vít rỗng, có các lỗ dọc đầu thân vít, có kèm xi măng sinh học<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO                                       | Cái         | 40       |
| 550 | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật loãng xương, đường kính $\leq 5.5$ mm, dài từ 40 - 200mm    | Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng ở người bệnh loãng xương<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính $\leq 5.5$ mm, dài từ 40 - 200mm<br>- Bề mặt trơn láng<br>- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục lồng rỗng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO | Cái         | 10       |
| 551 | Vít và sọ tự khoan, đường kính $\leq 1.6$ mm, dài 4 - 6mm                                               | Vít và sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính $\leq 1.6$ mm, dài 4 - 6mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 300      |
| 552 | Vít và sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm                                            | Vít và sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm. Tự Khoan, tự taro<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                      | Cái         | 500      |



| Stt | Tên danh mục                                                                                                                            | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 553 | Nẹp thẳng và sọ, 16/ 18/ 34 lỗ                                                                                                          | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính lỗ nẹp khoảng 1.5 - 2.0mm, dày khoảng 0.5 - 1.0mm<br>- Nẹp thẳng, từ 16/ 18/ 34 lỗ<br>- Tương thích với "Vít và sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6mm, dài 4 - 6mm" / "Vít và sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                            | Cái         | 40       |
| 554 | Nẹp thẳng và sọ, 12 lỗ                                                                                                                  | Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính lỗ nẹp tối thiểu 2.0mm, dày ≥ 1.0mm<br>- Nẹp thẳng, khoảng 12 lỗ, khoảng cách lỗ nẹp khoảng 4.5mm, rộng 3.7mm<br>- Tương thích với "Vít và sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6mm, dài 4 - 6mm" / "Vít và sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 40       |
| 555 | Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm                                                                          | Vít cột sống cổ lõi trước, tự khóa, tự khoan, tự tạo ren. Có khóa ở đầu vít, góc xoay khoảng 10° so với trục vuông góc nẹp.<br>- Chất liệu Hợp kim Titanium<br>- Đường kính 4.0/ 4.35mm; dài 12 - 16mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                 | Cái         | 100      |
| 556 | Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 3 - 4 tầng, dài khoảng 50 - 100mm                                                                    | Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 3 - 4 tầng<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Dài khoảng 50 - 100mm, dày khoảng 1.8mm<br>- Nẹp bán cứng<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                     | Cái         | 10       |
| 557 | Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 2 tầng, dài khoảng 22 - 54mm                                                                     | Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 2 tầng<br>- Chất liệu hợp kim Titanium<br>- Dài khoảng 22 - 54mm, dày khoảng 1.8mm<br>- Nẹp bán cứng<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                      | Cái         | 10       |
| 558 | Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm                                                                              | Nẹp dọc cột sống lưng<br>- Chất liệu titanium<br>- Chiều dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm, nẹp thẳng<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 20       |
| 559 | Vít cột sống lưng đa trục rỗng ruột hai loại ren dùng để bơm xi măng dành cho người bệnh loãng xương, đường kính 5/6/7mm, dài 35 - 60mm | Vít cột sống lưng đa trục rỗng sử dụng cho người bệnh loãng xương<br>- Vít bằng titanium, canulla bằng hợp kim<br>- Đường kính 5/ 6/ 7mm, dài khoảng 35 - 60mm<br>- Vít có 2 loại ren bên và nhuyễn, trên thân vít có 6 lỗ bơm xi măng<br>- Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                               | Cái         | 40       |
| 560 | Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt hai loại ren bên nhuyễn, mũi vít nhỏ, đường kính ≤ 4mm, dài 25 - 45mm                               | Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt dùng trong phẫu thuật nắn chỉnh trượt cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính ≤ 4mm, khoảng cách ren 2.0 - 2.2mm, dài 25 - 45mm<br>- Đầu vít có góc xoay khoảng 45 - 50°<br>- Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                     | Cái         | 100      |



| Stt | Tên danh mục                                                                                        | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 561 | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng                                            | Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng<br>- Chất liệu Titanium<br>- Hình lục giác<br>- Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                            | Cái         | 100      |
| 562 | Vít cột sống cổ đa trục, đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14/ 16/ 18mm                               | Vít cột sống cổ đa trục dùng trong mổ cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu Titanium<br>- Đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14/ 16/ 18mm<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 20       |
| 563 | Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ, dài khoảng 25mm                                                   | Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước<br>- Chất liệu gồm PEEK và titanium<br>- Dày ≥ 1mm, dài ≥ 25mm, rộng ≥ 7.5mm, có 2 lỗ để bắt vít<br>- Bên trong có khoang chứa xương, kích thước khoang 12 x 15 x (5-6-7) mm, 14mm x 17mm x (5-6-7) mm<br>- Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục, đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14/ 16/ 18mm"<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) | Cái         | 8        |
| 564 | Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da khoảng 20g                                     | Bộ dụng cụ bơm xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Thành phần:<br>+ Lọ bột xi măng 20g: - Polymethylmethacrylate khoảng 65 - 70%, Barium sulphate khoảng 28-30%, Benzoyl peroxide 2.5 - 3.0%<br>+ Lọ chứa dung môi: Methylmethacrylate khoảng 99 - 99.5%, N,N-dimethyl-p-toluidine 0.5 - 0.9%, Hydroquinone 75ppm<br>- Có bơm tiêm, dây nối kim chọc dò<br>Tiệt khuẩn<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)    | Bộ          | 10       |
| 565 | Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng, tương thích bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da | Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính tối đa 9G, tối thiểu 13G<br>- Chiều dài 125 - 130mm<br>- Đầu vát khoảng 35° hoặc đầu thẳng<br>- Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da khoảng 20g<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)                                                                                                    | Cái         | 24       |



CÔNG TY.....  
 Mã số thuế: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Số điện thoại liên hệ: .....

Mẫu chào giá

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM  
 Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM  
 Theo Công văn mời chào giá số ...../BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

| Stt | DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ          |                           | HÀNG HÓA CHÀO GIÁ                                                                                                                               |                     |                   |                      |                       |                                  |                   |             |                               |                      |                         |                 |
|-----|--------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------|-------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------|
|     | TT trong danh mục mời chào giá | Tên danh mục mời chào giá | Tên thương mại                                                                                                                                  | Chủng loại/ Mã hàng | Đặc tính kỹ thuật | Hãng / Nước sản xuất | Hãng/ Nước chủ sở hữu | Số lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng có khả năng cung ứng | Đơn giá có VAT (VND) | Thành tiền có VAT (VND) | Mã HS (HS Code) |
|     |                                |                           |                                                                                                                                                 |                     |                   |                      |                       |                                  |                   |             |                               |                      |                         |                 |
|     |                                |                           | <i>Lưu ý: Thông tin hàng hóa chào giá phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021</i> |                     |                   |                      |                       |                                  |                   |             |                               |                      |                         |                 |

- Báo giá này có hiệu lực .....tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng .... năm ....  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)

*(Red stamp and signature)*